



DANH SÁCH THÍ SINH VÀO VÒNG 2
CUỘC THI TOEFL JUNIOR CHALLENGE TP. HỒ CHÍ MINH NĂM HỌC 2016 - 2017
QUẬN 7



Note: Thông tin "Khối cũ"/"Lớp cũ" là thông tin của thí sinh đặc cách trong năm học trước.

Chú ý : Ấn phím tắt Ctrl + F sau đó tìm thông tin của thí sinh theo SBD hoặc Họ và tên một cách thuận tiện nhất.

Hotline: 0123 900 5888 (trong giờ hành chính)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1	Nguyễn Hà	Khanh	2-Feb-05	60119121			5	5	Sao Việt	Đặc cách
2	Vũ Minh	Khôi	25-Nov-05	60119122			5	5	Sao Việt	Đặc cách
3	Đỗ Hoàng Bảo	Hân	29-Nov-05	60117969			5	5.1	Lê Anh Xuân	Đặc cách
4	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	31-Jan-05	60117968			5	5.1	Lê Anh Xuân	Đặc cách
5	Mai Đạt	Long	20-Dec-05	60118064			5	5.1	Nam Sài Gòn	Đặc cách
6	Nguyễn Lê Bảo	Phương	5-Sep-05	60106745			5	5.1	Nam Sài Gòn	Đặc cách
7	Hồ Phan Gia	Bảo	27-Mar-05	60117966			5	5.1	Nguyễn Văn Hưởng	Đặc cách
8	Trần Lâm Quế	Chi	1-May-05	60117959			5	5.1	Nguyễn Văn Hưởng	Đặc cách
9	Trần Mộng Thùy	Dương	7-Aug-05	60117960			5	5.1	Nguyễn Văn Hưởng	Đặc cách
10	Võ Như	Minh	13-Jul-05	60117963			5	5.1	Nguyễn Văn Hưởng	Đặc cách
11	Lê Minh	Ngọc	24-Apr-05	60117961			5	5.1	Nguyễn Văn Hưởng	Đặc cách
12	Phan Mạnh	Cường	24-Oct-05	60106186			5	5.1	Phú Mỹ	Đặc cách
13	Bùi Huỳnh Đăng	Khoa	2-Nov-05	60106189			5	5.1	Phú Mỹ	Đặc cách
14	Nguyễn Diệp Hoàng	Anh	29-May-05	60118051			5	5.1	Việt Úc	Đặc cách
15	Nguyễn Thiên	Anh	3-Sep-05	60118048			5	5.1	Việt Úc	Đặc cách
16	Đặng Khánh	Băng	2-Dec-05	60106594			5	5.1	Việt Úc	Đặc cách
17	Chu Minh	Đăng	6-Feb-05	60118052			5	5.1	Việt Úc	Đặc cách
18	Đặng Minh	Đức	26-Oct-05	60118053			5	5.1	Việt Úc	Đặc cách
19	Nguyễn Ngọc Khánh	Hân	10-Nov-05	60106595			5	5.1	Việt Úc	Đặc cách
20	Phạm Trúc Minh	Hiếu	2-Jan-05	60118049			5	5.1	Việt Úc	Đặc cách
21	Huỳnh Trương Mỹ	Hoa	27-Jul-05	60106596			5	5.1	Việt Úc	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
22	Lê Gia	Huy	2-Jun-05	60106597			5	5.1	Việt Úc	Đặc cách
23	Trần Như	Khanh	13-Apr-05	60118050			5	5.1	Việt Úc	Đặc cách
24	Hà Xuân	Mai	13-Jul-05	60106599			5	5.1	Việt Úc	Đặc cách
25	Lê Thúc	Tường	30-Dec-05	60106601			5	5.1	Việt Úc	Đặc cách
26	Triệu Ý	Nhi	19-Nov-05	60117970			5	5.2	Lê Anh Xuân	Đặc cách
27	Nguyễn Mai	Khuê	9-Aug-05	60106746			5	5.2	Nam Sài Gòn	Đặc cách
28	Nguyễn Trần Phương	Nghi	10-Jun-05	60106750			5	5.2	Nam Sài Gòn	Đặc cách
29	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	11-Apr-05	60106332			5	5.2	Nguyễn Văn Hưởng	Đặc cách
30	Trương Công Gia	Hiếu	11-Jan-05	60106333			5	5.2	Nguyễn Văn Hưởng	Đặc cách
31	Lương Nguyễn Quang	Minh	1-Jan-05	60106206			5	5.2	Phú Mỹ	Đặc cách
32	Nguyễn Hữu	Phúc	3-Oct-05	60106207			5	5.2	Phú Mỹ	Đặc cách
33	Phạm Trịnh Minh	Son	26-Oct-05	60106209			5	5.2	Phú Mỹ	Đặc cách
34	Nguyễn Hà	Phuong	15-Dec-05	60106445			5	5.2	Sao Việt	Đặc cách
35	Nguyễn Bảo	Trân	15-Sep-05	60106444			5	5.2	Sao Việt	Đặc cách
36	Nguyễn Đỗ Gia	Bảo	17-Nov-05	60106602			5	5.2	Việt Úc	Đặc cách
37	Võ Minh	Cường	12-May-05	60106603			5	5.2	Việt Úc	Đặc cách
38	Lưu Mỹ	Hân	7-Oct-05	60106604			5	5.2	Việt Úc	Đặc cách
39	Nguyễn Minh	Khang	29-Sep-05	60106606			5	5.2	Việt Úc	Đặc cách
40	Hoàng Tuấn	Linh	19-Aug-05	60118058			5	5.2	Việt Úc	Đặc cách
41	Phạm Minh	Trang	6-Oct-05	60106607			5	5.2	Việt Úc	Đặc cách
42	Trương Hoàng Đức	Anh	20-Oct-05	60117971			5	5.3	Lê Anh Xuân	Đặc cách
43	Vũ Nguyễn Đăng	Khôi	9-Jul-05	60117973			5	5.3	Lê Anh Xuân	Đặc cách
44	Hồ Thiên	Bảo	14-Feb-05	60118067			5	5.3	Nam Sài Gòn	Đặc cách
45	Nguyễn Tam	Đăng	15-Jan-05	60118072			5	5.3	Nam Sài Gòn	Đặc cách
46	Trần Hưng Tuấn	Đạt	8-Apr-05	60118070			5	5.3	Nam Sài Gòn	Đặc cách
47	Nguyễn	Dũng	29-Mar-05	60118066			5	5.3	Nam Sài Gòn	Đặc cách
48	Ứng Trịnh Gia	Hân	22-Nov-05	60106774			5	5.3	Nam Sài Gòn	Đặc cách
49	Lê Đức	Khải	8-May-05	60106758			5	5.3	Nam Sài Gòn	Đặc cách
50	Ung Hoài	Khang	19-Feb-05	60106763			5	5.3	Nam Sài Gòn	Đặc cách
51	Phan Thị Thanh	Ngân	28-Aug-05	60118069			5	5.3	Nam Sài Gòn	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
52	Nguyễn Thục	Nghi	22-Dec-05	60106761			5	5.3	Nam Sài Gòn	Đặc cách
53	Hoàng Gia	Phát	21-Dec-05	60106772			5	5.3	Nam Sài Gòn	Đặc cách
54	Bùi Minh	Quân	12-May-05	60118068			5	5.3	Nam Sài Gòn	Đặc cách
55	Đầu Thị Kim	Yến	30-Aug-05	60106771			5	5.3	Nam Sài Gòn	Đặc cách
56	Nguyễn Quốc Bảo	Ngọc	5-Sep-05	60117958			5	5.3	Nguyễn Văn Hưởng	Đặc cách
57	Nguyễn Hữu Túy	Anh	30-Jun-05	60106447			5	5.3	Sao Việt	Đặc cách
58	Nguyễn Như Xuân	Anh	18-Jun-05	60106448			5	5.3	Sao Việt	Đặc cách
59	Trương Ngọc Minh	Anh	11-Jun-05	60106446			5	5.3	Sao Việt	Đặc cách
60	Nguyễn Việt Hoàng	Đan	12-Apr-05	60106449			5	5.3	Sao Việt	Đặc cách
61	Nguyễn Đỗ Khánh	Linh	27-Feb-05	60106450			5	5.3	Sao Việt	Đặc cách
62	Bùi Đỗ Thảo	Nguyên	22-May-05	60106451			5	5.3	Sao Việt	Đặc cách
63	Phạm Hoàng Khánh	Nhi	12-Apr-05	60106452			5	5.3	Sao Việt	Đặc cách
64	Phan Đăng	Quang	9-Oct-05	60106453			5	5.3	Sao Việt	Đặc cách
65	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	14-Dec-05	60106608			5	5.3	Việt Úc	Đặc cách
66	Hồ Thành	Danh	22-Feb-05	60118056			5	5.3	Việt Úc	Đặc cách
67	Kevin An Nguyen	Galang	28-Jun-05	60106614			5	5.3	Việt Úc	Đặc cách
68	Phan Xuân	Hưng	25-Nov-05	60106609			5	5.3	Việt Úc	Đặc cách
69	Nguyễn Đình Nhật	Huy	19-Jul-05	60118377			5	5.3	Việt Úc	Đặc cách
70	Bùi Thái	Khang	29-Apr-05	60106613			5	5.3	Việt Úc	Đặc cách
71	Lê Diệp Phương	Linh	30-Jun-05	60118055			5	5.3	Việt Úc	Đặc cách
72	Nguyễn Khải	Minh	7-Jul-05	60106610			5	5.3	Việt Úc	Đặc cách
73	Đặng Kim	Son	10-Dec-05	60106611			5	5.3	Việt Úc	Đặc cách
74	Đoàn Minh	Tiến	27-Sep-05	60106612			5	5.3	Việt Úc	Đặc cách
75	Lâm Thành	Trung	20-Dec-05	60118054			5	5.3	Việt Úc	Đặc cách
76	Hà Trường	Ân	13-Oct-05	60118071			5	5.4	Nam Sài Gòn	Đặc cách
77	Lê Hoàng Ngọc	Chân	14-Dec-05	60106779			5	5.4	Nam Sài Gòn	Đặc cách
78	Lê Hoàng	My	5-Apr-05	60106778			5	5.4	Nam Sài Gòn	Đặc cách
79	Phạm Đình	Nhân	16-Feb-05	60106777			5	5.4	Nam Sài Gòn	Đặc cách
80	Hứa Mẫn	Tiến	4-Apr-05	60106780			5	5.4	Nam Sài Gòn	Đặc cách
81	Hoàng Nguyễn Bảo	Châu	17-Sep-05	60106454			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
82	Lê Anh Quốc	Cường	16-Nov-05	60106455			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
83	Trần Ngọc	Hân	10-Oct-05	60106456			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
84	Bành Khang	Huy	20-Jun-05	60106458			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
85	Cao Hoàng Nam	Khang	25-Mar-05	60106459			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
86	Lâm Vĩnh	Khang	30-Nov-05	60106460			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
87	Lê Hoàng	Khang	7-Dec-05	60106461			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
88	Nguyễn Thị Quỳnh	Lâm	29-Sep-05	60106462			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
89	Nguyễn Công	Minh	4-Jan-05	60106463			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
90	Đình Bảo	Ngọc	12-Dec-05	60106465			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
91	Nguyễn Thảo	Nguyên	26-Mar-05	60106466			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
92	Phạm Tổng Gia	Nguyên	18-Dec-05	60106467			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
93	Bồ Minh	Nhật	17-Feb-05	60106468			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
94	Phạm Lê Huyền	Nhi	3-Nov-05	60106469			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
95	Cổ Huy	Quyền	8-Jun-05	60106470			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
96	Nguyễn Đan	Thy	16-Dec-05	60106471			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
97	Trần Xuân Bảo	Trâm	26-Oct-05	60106472			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
98	Dương Hoan	Triết	31-Mar-05	60117956			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
99	Đậu Hà Thanh	Vân	15-Feb-05	60106473			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
100	Lâm Vũ Ngân	Vi	7-Jul-05	60106474			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
101	Đình Ngọc Hương	Vy	19-Oct-05	60106475			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
102	Nguyễn Trọng Bích	Vy	4-Jun-05	60106477			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
103	Trương Hải	Yến	17-Oct-05	60106478			5	5.4	Sao Việt	Đặc cách
104	Võ Bảo	An	6-Jul-05	60106479			5	5.5	Sao Việt	Đặc cách
105	Ngô Tuấn	Anh	12-Feb-05	60106480			5	5.5	Sao Việt	Đặc cách
106	Nguyễn Lê	Bảo	23-Jul-05	60106481			5	5.5	Sao Việt	Đặc cách
107	Huang Long	Châu	27-Sep-05	60106482			5	5.5	Sao Việt	Đặc cách
108	Thiều Anh	Khôi	5-Sep-05	60106486			5	5.5	Sao Việt	Đặc cách
109	Lê Hoàng	Kim	30-May-05	60106487			5	5.5	Sao Việt	Đặc cách
110	Đỗ Phúc	Nguyên	12-Apr-05	60106490			5	5.5	Sao Việt	Đặc cách
111	Trương Trịnh Hồng	Phong	6-Mar-05	60106491			5	5.5	Sao Việt	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
112	Trương Minh	Sơn	20-Oct-05	60106492			5	5.5	Sao Việt	Đặc cách
113	Nguyễn Tổ Uyên	Tâm	14-Mar-05	60106493			5	5.5	Sao Việt	Đặc cách
114	Nguyễn Khánh	Toàn	4-Nov-05	60106494			5	5.5	Sao Việt	Đặc cách
115	Trần Phương	Vy	26-Mar-05	60106496			5	5.5	Sao Việt	Đặc cách
116	Phan Thanh	Hà	27-Sep-05	60107077			5	5A	Lương Thế Vinh	Đặc cách
117	Hà Phước	Khôi	17-Jun-05	60107079			5	5A	Lương Thế Vinh	Đặc cách
118	Đỗ Trung	Kiên	24-Mar-05	60107080			5	5A	Lương Thế Vinh	Đặc cách
119	Đặng Khang	Ninh	22-Nov-05	60107083			5	5A	Lương Thế Vinh	Đặc cách
120	Trần Ngọc	Thoại	12-Jul-05	60107088			5	5A	Lương Thế Vinh	Đặc cách
121	Trương Lê Anh	Thư	12-Sep-05	60118001			5	5A	Lương Thế Vinh	Đặc cách
122	Đinh Thị Minh	Trang	28-Apr-05	60107091			5	5A	Lương Thế Vinh	Đặc cách
123	Lý Minh	Triết	12-Jun-05	60107093			5	5A	Lương Thế Vinh	Đặc cách
124	Chế Thị Thảo	Vân	16-Jul-05	60118002			5	5A	Lương Thế Vinh	Đặc cách
125	Vũ Huỳnh Đường Đại	Vỹ	19-Mar-05	60107096			5	5A	Lương Thế Vinh	Đặc cách
126	Hoàng Nguyễn Huyền	Anh	19-Mar-06	60118003			5	5B	Lương Thế Vinh	Đặc cách
127	Lê Việt	Anh	14-May-05	60107099			5	5B	Lương Thế Vinh	Đặc cách
128	Lưu Ngọc Thùy	Anh	8-Sep-05	60107100			5	5B	Lương Thế Vinh	Đặc cách
129	Lâm Hoàng	Dũng	13-Sep-05	60107103			5	5B	Lương Thế Vinh	Đặc cách
130	Đặng Ngọc Thùy	Dương	2-Nov-05	60107104			5	5B	Lương Thế Vinh	Đặc cách
131	Đoàn Gia	Hân	9-Nov-05	60107107			5	5B	Lương Thế Vinh	Đặc cách
132	Đặng Lê Minh	Hoàng	18-Jun-05	60107109			5	5B	Lương Thế Vinh	Đặc cách
133	Đặng Nguyễn Minh	Khôi	29-Oct-05	60107113			5	5B	Lương Thế Vinh	Đặc cách
134	Châu Trần Thiên	Kim	22-Nov-05	60107114			5	5B	Lương Thế Vinh	Đặc cách
135	Lê Bảo	Thạch	21-May-05	60107117			5	5B	Lương Thế Vinh	Đặc cách
136	Đặng Thanh	Thiện	3-Mar-05	60107118			5	5B	Lương Thế Vinh	Đặc cách
137	Lê Hồng Khánh	Thu	4-May-05	60107119			5	5B	Lương Thế Vinh	Đặc cách
138	Nguyễn Nhật	Nam	17-Nov-05	60118004			5	5C	Lương Thế Vinh	Đặc cách
139	Nguyễn Bảo	Ngọc	6-Oct-05	60107127			5	5C	Lương Thế Vinh	Đặc cách
140	Phan Hữu Sơn	Tùng	10-Jun-05	60107131			5	5C	Lương Thế Vinh	Đặc cách
141	Huỳnh Nguyên	Khang	20-May-05	60118005			5	5D	Lương Thế Vinh	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
142	Phạm Minh	Tiến	25-Sep-05	60107149			5	5D	Lương Thế Vinh	Đặc cách
143	Nguyễn Tường	Vy	1-May-05	60107153			5	5D	Lương Thế Vinh	Đặc cách
144	Phạm Thiên	Mỹ	29-Jul-05	60118008			5	5H	Lương Thế Vinh	Đặc cách
145	Tạ Đình	Phong	12-Nov-05	60107156			5	5I	Lương Thế Vinh	Đặc cách
146	Hoàng Hương	Trâm	9-May-05	60107159			5	5I	Lương Thế Vinh	Đặc cách
147	Nguyễn Vũ Việt	Anh	11-Sep-05	60107160			5	5K	Lương Thế Vinh	Đặc cách
148	Trần Gia	Bảo	13-Jan-05	60107162			5	5K	Lương Thế Vinh	Đặc cách
149	Nguyễn Phúc	Điền	2-Jun-05	60107165			5	5K	Lương Thế Vinh	Đặc cách
150	Lê Cẩm	Duyên	25-Sep-05	60118009			5	5K	Lương Thế Vinh	Đặc cách
151	Nguyễn Quang Nhật	Hạ	21-Jul-05	60107167			5	5K	Lương Thế Vinh	Đặc cách
152	Nguyễn Quỳnh Bảo	Hân	6-Aug-05	60118010			5	5K	Lương Thế Vinh	Đặc cách
153	Nguyễn Nhật	Huy	3-Feb-05	60118011			5	5K	Lương Thế Vinh	Đặc cách
154	Võ Phạm Trọng	Huy	26-May-05	60118012			5	5K	Lương Thế Vinh	Đặc cách
155	Hồ Ngọc	Khanh	1-Oct-05	60107171			5	5K	Lương Thế Vinh	Đặc cách
156	Đinh Vũ Thư	Kỳ	15-Sep-05	60118013			5	5K	Lương Thế Vinh	Đặc cách
157	Lê Giáng	My	22-Mar-05	60107175			5	5K	Lương Thế Vinh	Đặc cách
158	Phan Hồ Thanh	Ngân	13-Aug-05	60118014			5	5K	Lương Thế Vinh	Đặc cách
159	Võ Nguyễn Hoàng	Phúc	25-Feb-05	60107180			5	5K	Lương Thế Vinh	Đặc cách
160	Nguyễn Doãn Minh	Thành	23-Aug-05	60107181			5	5K	Lương Thế Vinh	Đặc cách
161	Đỗ Yên	Trang	7-Nov-05	60107182			5	5K	Lương Thế Vinh	Đặc cách
162	Vũ Công	Vinh	28-Aug-05	60107186			5	5K	Lương Thế Vinh	Đặc cách
163	Đàm Ngọc Mai	Anh	10-Sep-05	60118015			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
164	Nguyễn Bùi Như	Anh	25-Feb-05	60107188			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
165	Võ Ngọc	Anh	11-Sep-05	60118016			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
166	Tô Ngọc	Ánh	21-Aug-05	60118017			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
167	Nguyễn Hoàng	Bách	21-May-05	60118018			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
168	Nguyễn Thanh	Hiếu	10-Jul-05	60118019			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
169	Nguyễn Hoàng Bảo	Lam	12-Jul-05	60118020			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
170	Nguyễn Hoàng	Long	28-Feb-05	60118021			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
171	Nguyễn Hoàng Khánh	Minh	8-Mar-05	60118022			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
172	Lê Phương	Nghi	26-Oct-05	60118023			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
173	Phạm Huỳnh Phương	Nghi	18-Mar-05	60107191			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
174	Trương Nguyên	Nhật	14-Oct-05	60107192			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
175	Ngô Minh	Như	2-Jun-05	60118024			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
176	Lê Nguyễn Hồng	Quân	27-Jun-05	60118025			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
177	Nguyễn Đức Minh	Quân	10-Apr-05	60107193			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
178	Hoàng Đình	Tân	22-Jul-05	60118026			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
179	Lê Nguyễn Thiên	Thanh	22-Mar-05	60107194			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
180	Nguyễn Hoàng	Thông	25-Feb-05	60107196			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
181	Nguyễn Xuân Minh	Thư	2-Jun-05	60118027			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
182	Vũ Anh	Thư	14-Dec-05	60118028			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
183	Đặng Mai	Thy	8-Oct-05	60118029			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
184	Vũ Tiến	Vinh	14-Dec-05	60118030			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
185	Trần Lam	Vy	20-Dec-05	60118031			5	5L	Lương Thế Vinh	Đặc cách
186	Phan Đình	Toàn	04-Mar-03				6	6	THCS Nguyễn Hiền	Đặc cách
187	Nguyễn Thái Thùy	Trang	08-Sep-03				6	6	THCS Nguyễn Thị Thập	Đặc cách
188	Nguyễn Linh	Anh	08-Oct-03				6	6.1	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
189	Phạm Thùy	Anh	01-Oct-03				6	6.1	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
190	Vũ Minh	Đức	30-Apr-03				6	6.1	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
191	Trần Trường	Huy	10-Apr-03				6	6.1	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
192	Thân Đại	Nghĩa	13-Aug-03				6	6.1	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
193	Nguyễn Tùng	Quân	23-Aug-03				6	6.1	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
194	Lê	Vy	19-May-03				6	6.1	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
195	Kalia Mây	An	17-Dec-04				6	6.1	Việt Úc	Đặc cách
196	Trần Gia	Hân	11-Jun-04				6	6.1	Việt Úc	Đặc cách
197	Nguyễn Đức Khánh	Huy	22-Feb-04				6	6.1	Việt Úc	Đặc cách
198	Nguyễn Ngọc Thảo	Linh	15-Oct-04				6	6.1	Việt Úc	Đặc cách
199	Hồ Đắc	Long	11-Apr-04				6	6.1	Việt Úc	Đặc cách
200	Shao Di	Tâm	16-May-04				6	6.1	Việt Úc	Đặc cách
201	Lê Ngọc Minh	Châu	16-Dec-03				6	6.2	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
202	Trịnh Yến	Khang	14-Jun-03				6	6.2	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
203	Huỳnh Minh	Quân	20-Jul-03				6	6.2	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
204	Hà Huy	Tùng	19-Oct-03				6	6.2	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
205	Chu Minh	Uyên	13-Apr-03				6	6.2	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
206	Từ Đoàn Phương	Anh	13-Jun-04				6	6.2	Việt Úc	Đặc cách
207	Lê Nguyễn Thiện	Nhân	03-Sep-04				6	6.2	Việt Úc	Đặc cách
208	Nguyễn Trương Thư	Văn	21-Aug-04				6	6.2	Việt Úc	Đặc cách
209	Hoàng Minh Phúc	Duyên	26-Nov-03				6	6.3	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
210	Võ Phạm Trà	My	25-Nov-03				6	6.3	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
211	Phan Ngọc Minh	Thư	12-Dec-03				6	6.3	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
212	Nguyễn Lê Ngọc	Trung	28-Feb-03				6	6.3	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
213	Đoàn Thị Khánh	Vi	18-Mar-02				6	6.3	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
214	Nguyễn Bảo	Trân	08-Nov-04				6	6.3	Việt Úc	Đặc cách
215	Nguyễn Phan Thanh	Trúc	09-Jul-04				6	6.3	Việt Úc	Đặc cách
216	Trần Huyền	My	09-May-03				6	6.4	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
217	Nguyễn Đình Thủy	Tú	22-Jul-03				6	6.4	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
218	Ngụy Phan	Anh	05-Apr-03				6	6A	THCS Huỳnh Tấn Phát	Đặc cách
219	Hoàng Mai	Hiền	11-Nov-03				6	6A	THCS Huỳnh Tấn Phát	Đặc cách
220	Nguyễn Lê Tâm	Như	28-Nov-03				6	6A	THCS Huỳnh Tấn Phát	Đặc cách
221	Nguyễn Vĩnh	An	01-Jan-04				6	6A1	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
222	Nguyễn Minh	Anh	04-May-04				6	6A1	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
223	Phạm Quốc Hải	Đăng	24-Oct-04				6	6A1	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
224	Nguyễn Đăng Khánh	Nguyên	18-Feb-04				6	6A1	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
225	Phan Mai	Phương	08-Mar-04				6	6A1	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
226	Phan Hồng	Tú	06-Jul-04				6	6A1	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
227	Trần Minh	Tuệ	16-Feb-04				6	6A1	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
228	Chế Thanh	Vỹ	31-Aug-04				6	6A1	Đức Trí	Đặc cách
229	Huỳnh Nhất	Hòa	14-Jan-04				6	6A1	Nguyễn Hiền	Đặc cách
230	Hồ Ngọc	Linh	22-Oct-04				6	6A1	Nguyễn Hiền	Đặc cách
231	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	26-Mar-04				6	6A1	Nguyễn Hiền	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
232	Nguyễn Lê Minh	An	26-Mar-03				6	6A1	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
233	Hồ Phúc Hải	Ân	08-Jun-03				6	6A1	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
234	Phan Anh	Đức	18-Nov-03				6	6A1	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
235	Nguyễn Thị Hằng	Giang	30-Dec-03				6	6A1	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
236	Đặng Hoàng Bảo	Hân	10-Dec-03				6	6A1	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
237	Trần Nguyễn Hiếu	Nghĩa	13-Apr-03				6	6A1	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
238	Hồ Uyển	Nhi	06-Jun-03				6	6A1	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
239	Ngô Việt	Son	04-Mar-03				6	6A1	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
240	Giang Ngọc Lan	Trinh	18-Dec-03				6	6A1	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
241	Trần Minh Nguyên	Vũ	30-Nov-03				6	6A1	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
242	Hồ Phạm Trung	Kiên	21-Mar-03				6	6A11	THCS Nguyễn Thị Thập	Đặc cách
243	Ngô Trần Bảo	Thach	21-May-03				6	6A11	THCS Nguyễn Thị Thập	Đặc cách
244	Phan Dương Gia	Huy	28-Mar-04				6	6A2	Đình Thiện Lý	Đặc cách
245	Phạm Hà Khánh	Quân	28-Jul-04				6	6A2	Đức Trí	Đặc cách
246	Nguyễn Nhật Phương	Anh	03-Oct-04				6	6a2	Huỳnh Tấn Phát	Đặc cách
247	Nguyễn Phúc Bảo	Khang	05-Dec-04				6	6a2	Huỳnh Tấn Phát	Đặc cách
248	Lê Hồng	Hà	30-Sep-04				6	6A2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
249	Phan Bảo	Trân	18-Dec-03				6	6A2	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
250	Hồ Gia	Phát	18-Jun-03				6	6A2	THCS Phạm Hữu Lầu	Đặc cách
251	Nguyễn Vũ Huy	Hoàng	31-Jan-04				6	6A3	Đình Thiện Lý	Đặc cách
252	Phạm Đức	Minh	17-Nov-04				6	6A3	Đình Thiện Lý	Đặc cách
253	Nguyễn Minh	Quân	01-Jan-04				6	6A3	Đình Thiện Lý	Đặc cách
254	Trần Ngân	Quỳnh	06-Dec-04				6	6A3	Đình Thiện Lý	Đặc cách
255	Nguyễn Huỳnh Hải	Đặng	07-Jul-04				6	6A3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
256	Lâm Phi	Hùng	28-Sep-03				6	6A3	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
257	Lê Trần Nhã	Uyên	20-Oct-03				6	6A3	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
258	Phạm Ngô Minh	Anh	04-Jan-04				6	6A4	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
259	Phạm Tuấn	Kiệt	30-Nov-04				6	6A4	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
260	Nguyễn Đặng Gia	Anh	16-Oct-03				6	6A4	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
261	Đỗ Thiên	Di	14-Mar-03				6	6A4	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
262	Trần Hoàng Nhật	Hà	14-Jan-03				6	6A4	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
263	Võ Đăng Gia	Khang	16-Apr-03				6	6A4	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
264	Nguyễn Khánh	Linh	25-Oct-03				6	6A4	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
265	Lâm Khải	Minh	01-Jun-03				6	6A4	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
266	Vũ Tiến Nhật	Nam	04-Jul-03				6	6A4	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
267	Tăng Hoàng	Nhã	22-Mar-03				6	6A4	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
268	Trương Bảo	Như	29-Mar-03				6	6A4	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
269	Phan Thị Mai	Trâm	01-Jun-03				6	6A4	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
270	Hoàng Việt	Anh	25-Jul-04				6	6A5	Đình Thiện Lý	Đặc cách
271	Võ Đình Hiếu	Đạt	27-Aug-03				6	6A5	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
272	Lê An	Ninh	17-Oct-03				6	6A5	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
273	Vũ Nguyên Huệ	Quân	13-Nov-03				6	6A5	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
274	Bùi Hoàng	Thái	12-Feb-03				6	6A5	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
275	Nguyễn Đỗ Anh	Thúy	08-Mar-03				6	6A5	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
276	Võ Việt	Thy	30-Aug-03				6	6A5	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
277	Lưu Nguyễn Bảo	Trân	08-May-03				6	6A5	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
278	Đỗ Thanh	Trang	16-Sep-03				6	6A5	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
279	Đoàn Trương	Khoa	17-May-03				6	6A5	THCS Phạm Hữu Lầu	Đặc cách
280	Phạm Mai Huyền	Linh	22-Dec-03				6	6A5	THCS Phạm Hữu Lầu	Đặc cách
281	Nguyễn Hoàng Đăng	Thi	23-Feb-03				6	6A5	THCS Phạm Hữu Lầu	Đặc cách
282	Giang Đặng Phương	Nghi	15-May-04				6	6A6	Phạm Hữu Lầu	Đặc cách
283	Trần Nguyễn Nhật	Mai	23-Jul-03				6	6A6	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
284	Lâm Hoàng Thụy	Anh	26-Dec-03				6	6A7	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
285	Hà Bình	Hiên	25-May-03				6	6A7	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
286	Trần Vân	Như	14-Oct-03				6	6A7	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
287	Bùi Duy	Phúc	26-Nov-03				6	6A7	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
288	Vũ Phúc Thủy	Tiên	17-Sep-03				6	6A7	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
289	Phạm Phước Minh	Trí	29-Nov-03				6	6A7	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
290	Trần Ngọc Phương	Anh	07-Jan-04				6	6A8	Nguyễn Thị Thập	Đặc cách
291	Hồ Trần Ngọc	Minh	15-Nov-04				6	6A9	Nguyễn Thị Thập	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
292	Nguyễn Hoàng	Vinh	18-Mar-04				6	6A9	Nguyễn Thị Thập	Đặc cách
293	Nguyễn Quốc	Nam	12-Nov-04				6	6B	Nam Sài Gòn	Đặc cách
294	Vũ Nguyễn Thục	Quân	19-Jul-04				6	6B	Nam Sài Gòn	Đặc cách
295	Lê Lâm Quế	Anh	09-Jan-03				6	6B	THPT Nam Sài Gòn	Đặc cách
296	Trần Hoàng	Huân	27-Mar-03				6	6B	THPT Nam Sài Gòn	Đặc cách
297	Đoàn Quang	Khải	28-Oct-04				6	6B1	Đức Trí	Đặc cách
298	Nguyễn Quang	Nguyên	11-Apr-04				6	6B1	Đức Trí	Đặc cách
299	Nguyễn Lê Quý	Phúc	30-Jan-04				6	6B1	Đức Trí	Đặc cách
300	Nguyễn Ngọc Cẩm	Son	18-Oct-04				6	6B1	Đức Trí	Đặc cách
301	Nguyễn Thùy	Anh	07-Nov-04				6	6B2	Đức Trí	Đặc cách
302	Trần Hoàng	Duy	28-Nov-04				6	6B2	Đức Trí	Đặc cách
303	Nguyễn Hữu Minh	Trí	19-Apr-04				6	6B2	Đức Trí	Đặc cách
304	Trần Nguyễn Nhật	Khoa	01-Jan-04				6	6TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
305	Trần Lê An	Kiên	04-Mar-04				6	6TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
306	Đoàn Phương	Nghi	11-Jul-04				6	6TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
307	Phạm Ngọc Mai	Khôi	16-Nov-03				6	6TC1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
308	Trần Ngọc Ánh	Dương	04-Oct-04				6	6TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
309	Nguyễn Ngọc	Quyết	01-Aug-04				6	6TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
310	Nguyễn Bích	Quân	03-Dec-04				6	6TC3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
311	Phạm Lan	Anh	21-Sep-03				6	6TC3	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
312	Hoàng Anh	Ngọc	01-Apr-04				6	6TC4	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
313	Nguyễn Văn Phúc	Nguyên	20-Jun-04				6	6TC4	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
314	Nguyễn Việt Tiến	Phong	03-Nov-04				6	6TC4	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
315	Lâm Phước	Thành	02-Jul-04				6	6TC4	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
316	Nguyễn Ngọc Phương	Trang	04-Nov-04				6	6TC4	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
317	NGUYỄN QUANG	MINH	18-Jan-03				6	PE6.2	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
318	Đinh Trần Khánh	An	12-May-03				7	7.1	Sao Việt	Đặc cách
319	Đặng Tú	Anh	20-Sep-03				7	7.1	Sao Việt	Đặc cách
320	Hồ Hữu Minh	Khánh	18-Jan-03				7	7.1	Sao Việt	Đặc cách
321	Nguyễn Ngọc Sao	Mây	29-Aug-03				7	7.1	Sao Việt	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
322	Nguyễn Mỹ	Hạnh	21-Dec-02				7	7.1	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
323	Phan Minh	Hiếu	16-Jan-02				7	7.1	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
324	Ngô Đức	Huy	17-Dec-02				7	7.1	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
325	Nguyễn Việt	Linh	01-Jan-02				7	7.1	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
326	Hoàng Đức Phúc	Thịnh	15-May-02				7	7.1	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
327	Cao Ngọc Uyên	Chi	03-Nov-03				7	7.1	Việt Úc	Đặc cách
328	Võ Thị Trà	My	03-Jul-03				7	7.1	Việt Úc	Đặc cách
329	Lê Thúc	Trực	28-Jan-03				7	7.1	Việt Úc	Đặc cách
330	Lâm Thành	Danh	31-Aug-02				7	7.2	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
331	Ngô Lê Quỳnh	Hân	08-Aug-02				7	7.2	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
332	Nguyễn Trương Thu	Ngọc	30-Aug-02				7	7.2	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
333	Võ Trần Công	Nguyên	04-Apr-02				7	7.2	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
334	Trần Bảo Minh	Trân	26-Feb-02				7	7.2	TH-THCS-THPT Việt Úc	Đặc cách
335	Nguyễn Thụy Tuyết	Anh	19-Aug-03				7	7.2	Việt Úc	Đặc cách
336	Nguyễn Bá Danh	Chính	13-Oct-03				7	7.2	Việt Úc	Đặc cách
337	Đặng Huỳnh	Giang	11-May-03				7	7.2	Việt Úc	Đặc cách
338	Nguyễn Quang	Minh	02-Jun-03				7	7.3	Sao Việt	Đặc cách
339	Lê Van Tilburg	Nhi	22-Jun-03				7	7.3	Việt Úc	Đặc cách
340	Nguyễn Viết	Quang	04-Dec-03				7	7.4	Việt Úc	Đặc cách
341	Lê Hoàng Minh	Trị	01-Jan-03				7	7.4	Việt Úc	Đặc cách
342	Lê Minh	Anh	07-Jan-03				7	7A	Nam Sài Gòn	Đặc cách
343	Nguyễn Thị Hiền	Anh	12-Nov-03				7	7A	Nam Sài Gòn	Đặc cách
344	Đàm Tá Minh	Nhật	21-Jan-03				7	7A	Nam Sài Gòn	Đặc cách
345	Trần Hồng	Phúc	21-Mar-03				7	7A	Nam Sài Gòn	Đặc cách
346	Trần Hồng	Phương	21-Mar-03				7	7A	Nam Sài Gòn	Đặc cách
347	Lê Phụng	Thủy	08-Aug-03				7	7A	Nam Sài Gòn	Đặc cách
348	Vũ Thị Thanh	Thảo	27-Jun-02				7	7A	THCS Huỳnh Tấn Phát	Đặc cách
349	Trần Mai	Phương	14-Dec-02				7	7A	THPT Nam Sài Gòn	Đặc cách
350	Phạm Hồng	Mai	07-Feb-03				7	7A1	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
351	Nguyễn Phạm Huy	Nguyên	14-Nov-03				7	7A1	Đinh Thiện Lý	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
352	Đỗ Hạnh	Trang	23-Jun-03				7	7A1	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
353	Nguyễn Lê	Bính	29-Jan-03				7	7A1	Đức Trí	Đặc cách
354	Nguyễn Hà	Bình	27-Aug-03				7	7A1	Đức Trí	Đặc cách
355	Hoàng Xuân Bạch	Cát	16-Dec-03				7	7A1	Đức Trí	Đặc cách
356	Trần Lim Hương	Giang	05-Feb-03				7	7A1	Đức Trí	Đặc cách
357	Bùi Trần Minh	Khang	07-Jan-03				7	7A1	Đức Trí	Đặc cách
358	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	24-Oct-03				7	7A1	Đức Trí	Đặc cách
359	Phạm Hoàng	Minh	28-Nov-03				7	7A1	Nguyễn Thị Thập	Đặc cách
360	Cao Quỳnh	Trang	18-May-03				7	7A1	Phạm Hữu Lầu	Đặc cách
361	Ngô Phúc Quỳnh	Lam	13-Nov-03				7	7A11	Nguyễn Thị Thập	Đặc cách
362	Trần Hữu	Lộc	07-May-03				7	7A11	Nguyễn Thị Thập	Đặc cách
363	Nguyễn Dung	Nhi	16-Dec-03				7	7A11	Nguyễn Thị Thập	Đặc cách
364	Đinh Hồ Trọng	Tính	21-Oct-03				7	7A11	Nguyễn Thị Thập	Đặc cách
365	Nguyễn Vũ Trà	My	11-Feb-03				7	7A12	Nguyễn Thị Thập	Đặc cách
366	Phạm Phương	Linh	11-May-03				7	7A2	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
367	Tạ Lâm Phương	Mai	16-Jul-03				7	7A2	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
368	Nguyễn Ngọc	An	14-May-03				7	7A2	Đức Trí	Đặc cách
369	Dương Minh	Đăng	08-Oct-03				7	7A2	Đức Trí	Đặc cách
370	Nguyễn Anh	Khoa	25-Aug-03				7	7A2	Đức Trí	Đặc cách
371	Bùi Thiên	Kim	07-Jan-03				7	7A2	Đức Trí	Đặc cách
372	Nguyễn Duy	Thịnh	03-Aug-03				7	7A2	Đức Trí	Đặc cách
373	Vũ Thanh	Tùng	07-Jan-03				7	7A2	Đức Trí	Đặc cách
374	Vũ Tường	Vy	23-Jan-03				7	7A2	Đức Trí	Đặc cách
375	Ngụy Phan	Anh	04-May-03				7	7a2	Huỳnh Tấn Phát	Đặc cách
376	Nguyễn Phương	Anh	21-Oct-03				7	7a2	Huỳnh Tấn Phát	Đặc cách
377	Nguyễn Quang	Huy	29-Sep-03				7	7a2	Huỳnh Tấn Phát	Đặc cách
378	Nguyễn Hoàng Minh	Châu	14-Mar-02				7	7A2	THCS Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
379	Trần Liên	Hoa	03-May-03				7	7A3	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
380	Nguyễn Hoàng	Long	25-Oct-03				7	7A3	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
381	Phù Mỹ	Anh	07-Oct-03				7	7A3	Đức Trí	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
382	Vũ Hoàng	Dũng	22-May-03				7	7A3	Đức Trí	Đặc cách
383	Nguyễn Huy	Hoàng	30-Jul-03				7	7A3	Đức Trí	Đặc cách
384	Hà Minh	Khuê	05-Apr-03				7	7A3	Đức Trí	Đặc cách
385	Nguyễn Đình Lam	Nghi	15-May-03				7	7A4	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
386	Võ Lâm Huy	Thọ	24-Mar-03				7	7A5	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
387	Nguyễn Trịnh Hoàng	An	14-Feb-02				7	7A5	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
388	Trương Thùy	Dương	22-Nov-02				7	7A5	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
389	Nguyễn Ngọc Trúc	Giang	03-Aug-02				7	7A5	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
390	Nguyễn Huy	Khang	14-Nov-02				7	7A5	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
391	Trần Ngọc Thi	Lam	23-Sep-02				7	7A5	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
392	Nguyễn Mai	Linh	14-Jan-02				7	7A5	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
393	Trần Hoàng	Nam	22-Mar-02				7	7A5	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
394	Trương Minh	Nam	15-May-02				7	7A5	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
395	Huỳnh Dương Hồng	Ngọc	26-Mar-02				7	7A5	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
396	Nguyễn Anh	Quân	09-Feb-02				7	7A5	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
397	Tăng Lê Thanh	Hùng	18-Sep-02				7	7A5	THCS Nguyễn Thị Thập	Đặc cách
398	Đặng Nhật	Minh	18-Jun-03				7	7A6	Đình Thiện Lý	Đặc cách
399	Trần Duy	Khang	19-Apr-02				7	7A6	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
400	Hoàng Tổ	Nhi	01-Sep-02				7	7A6	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
401	Nguyễn Hà	Phương	31-Dec-02				7	7A6	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
402	Võ Tổ	Như	27-Apr-02				7	7A6	THCS Nguyễn Thị Thập	Đặc cách
403	Nguyễn Thanh	Thảo	18-Apr-02				7	7A6	THCS Nguyễn Thị Thập	Đặc cách
404	Trần Quế	Anh	12-May-03				7	7A7	Đình Thiện Lý	Đặc cách
405	Tạ Bình	Minh	03-Jun-03				7	7A7	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
406	Trần Đình Thiệu	Minh	24-Nov-02				7	7A7	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
407	Phan Gia	Hân	21-Feb-02				7	7A7	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
408	Phạm Minh	Quân	03-Nov-02				7	7A7	THCS - THPT Đình Thiện Lý	Đặc cách
409	Nguyễn Đức	An	16-Oct-03				7	7A8	Nguyễn Thị Thập	Đặc cách
410	Dư Chấn	Nguyên	08-Feb-03				7	7B2	Đức Trí	Đặc cách
411	Phan Nhật	Trinh	20-Nov-03				7	7B2	Đức Trí	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
412	Đỗ Vũ	Anh	08-Mar-03				7	7TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
413	Phạm Nguyễn Lan	Anh	05-Jan-03				7	7TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
414	Phạm Quỳnh Lan	Anh	03-Jul-03				7	7TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
415	Phạm Thy	Anh	01-Jun-03				7	7TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
416	Nguyễn	Đăng	06-Jan-03				7	7TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
417	Nguyễn Dương Thùy	Dương	18-Aug-03				7	7TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
418	Bùi Thị Diệu	Hiền	06-Jan-03				7	7TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
419	Đồng Công Gia	Khang	28-Jan-03				7	7TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
420	Lê Minh	Ngọc	19-Mar-03				7	7TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
421	Đinh Hải	Quỳnh	22-Dec-03				7	7TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
422	Trần Hữu Phương	Trâm	12-Dec-03				7	7TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
423	Vũ Anh	Tùng	21-Aug-03				7	7TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
424	Đặng Phương	Uyên	06-Jan-03				7	7TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
425	Lê Hải	Yến	11-Nov-03				7	7TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
426	Hà Viết	Tuấn	02-Aug-02				7	7TC1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
427	Nguyễn Hữu Minh	Khang	09-Dec-03				7	7TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
428	Nguyễn Huỳnh Vĩnh	Thịnh	23-Sep-03				7	7TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
429	Phạm Lan	Anh	21-Sep-03				7	7TC3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
430	Cullen Dương Liêm	Khoa	18-Jan-03				7		Việt Úc	Đặc cách
431	Trần Tuấn	Bảo	25-Nov-02				8	8.1	Sao Việt	Đặc cách
432	Vương Cung Chính	Dân	14-Dec-02				8	8.1	Việt Úc	Đặc cách
433	Huỳnh Nguyễn Hải	Quyên	29-May-02				8	8.1	Việt Úc	Đặc cách
434	Nguyễn Huyền	Trân	16-Mar-02				8	8.1	Việt Úc	Đặc cách
435	Huỳnh Quang	Trung	15-Dec-02				8	8.1	Việt Úc	Đặc cách
436	Huỳnh Nguyễn Quỳnh	Anh	11-Nov-02				8	8.2	Việt Úc	Đặc cách
437	Lê Minh	Duy	28-Sep-02				8	8.2	Việt Úc	Đặc cách
438	Nguyễn Hương	Giang	23-May-02				8	8.2	Việt Úc	Đặc cách
439	Hoàng Minh	Nhật	03-May-02				8	8A	Nam Sài Gòn	Đặc cách
440	Đỗ Lê	Hoàng	06-Jan-02				8	8A1	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
441	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	24-Sep-02				8	8A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
442	Phan Ngọc	Anh	19-Jun-02				8	8A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
443	Nguyễn Hồng	Ánh	26-Nov-02				8	8A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
444	Ngô Tô	Cần	23-Sep-02				8	8A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
445	Trần Kim	Dung	22-Feb-02				8	8A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
446	Bùi Lê	Hải	01-Dec-02				8	8A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
447	Lê Xuân	Hoàng	24-Feb-02				8	8A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
448	Trần Mai	Khôi	19-Jan-02				8	8A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
449	Vũ Hà	Lam	01-Jul-02				8	8A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
450	Nguyễn	Tiến	08-Dec-02				8	8A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
451	Hứa Trân	Trân	10-Jan-02				8	8A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
452	Nguyễn Tuấn	Triết	25-Nov-02				8	8A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
453	Nguyễn Thị Thảo	Vân	05-Dec-02				8	8A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
454	Phan Bảo	Anh	19-Jun-02				8	8A1	Phạm Hữu Lầu	Đặc cách
455	Nguyễn Đoàn Ngọc	Quang	02-Jun-02				8	8A1	Phạm Hữu Lầu	Đặc cách
456	Vũ Trần Bảo	Như	11-Sep-02				8	8A2	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
457	Nguyễn Ngọc Mai	Khôi	15-Nov-02				8	8A2	Đức Trí	Đặc cách
458	Võ Nhật	Trí	17-Oct-02				8	8A2	Đức Trí	Đặc cách
459	Dương Nguyễn Gia	Huy	13-Sep-02				8	8a2	Huỳnh Tấn Phát	Đặc cách
460	Tạ Trần Vũ	Kha	18-Feb-02				8	8a2	Huỳnh Tấn Phát	Đặc cách
461	Dương Minh	Thái	17-May-02				8	8a2	Huỳnh Tấn Phát	Đặc cách
462	Dương Chấn	Việt	21-Nov-02				8	8a2	Huỳnh Tấn Phát	Đặc cách
463	Trần Anh	Duy	20-Oct-02				8	8A2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
464	Nguyễn Thị Kim Thanh (thu	Na)	03-Dec-02				8	8A2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
465	Hà Quách Phú	Thành	09-Aug-02				8	8A2	Phạm Hữu Lầu	Đặc cách
466	Nguyễn Hương	Giang	13-Feb-02				8	8A2	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
467	Nguyễn Anh	Khoa	15-Sep-02				8	8A2	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
468	Huỳnh Ngọc	Nhiệm	30-Nov-02				8	8A2	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
469	Võ Minh	Anh	10-Sep-02				8	8A3	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
470	Đặng Thái Thủy	Nguyên	26-May-02				8	8A3	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
471	Trần Mai	Nhi	28-Mar-02				8	8A3	Đinh Thiện Lý	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
472	Bùi Việt	Quang	15-Jan-02				8	8A3	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
473	Nguyễn Khánh	Phuong	19-Jul-02				8	8A3	Đức Trí	Đặc cách
474	Vũ Tuyết	Phuong	18-Dec-02				8	8a3	Huỳnh Tấn Phát	Đặc cách
475	Nguyễn Việt	Anh	01-May-02				8	8A3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
476	Võ Hồ Khánh	Linh	23-Aug-02				8	8A3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
477	Đặng Thanh	Lộc	16-Jul-02				8	8A3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
478	Lê Bình	Phước	25-Dec-02				8	8A3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
479	Nguyễn Trần Minh	Quân	27-Feb-02				8	8A3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
480	Nguyễn Xuân	Thắng	10-Oct-02				8	8A3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
481	Hồ Tấn	Thành	21-Apr-02				8	8A3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
482	Trương Khánh	Đan	15-Feb-02				8	8A4	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
483	Trương Khánh	Ly	15-Feb-02				8	8A4	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
484	Nguyễn Ngọc	Quang	26-Jan-02				8	8A4	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
485	Đỗ Nguyễn Trâm	Anh	06-Dec-02				8	8A5	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
486	Trần Ngọc	Dung	04-Nov-02				8	8A5	Nguyễn Thị Thập	Đặc cách
487	Nguyễn Minh	Long	03-Apr-02				8	8A6	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
488	Đoàn Trọng	Nhân	06-Jun-02				8	8A6	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
489	Châu Thái	Như	25-Jan-02				8	8A6	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
490	Hoàng Trịnh Thu	Thảo	29-Aug-02				8	8A6	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
491	Nguyễn Lê Tú	Uyên	19-Apr-02				8	8A6	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
492	Huỳnh Chánh	Định	19-Apr-02				8	8A6	Nguyễn Thị Thập	Đặc cách
493	Nguyễn Thế	Phong	24-Nov-02				8	8A6	Nguyễn Thị Thập	Đặc cách
494	Đỗ Xuân	Thanh	12-Feb-01				8	8A7	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
495	Dương Phương	Thanh	07-Jul-02				8	8A7	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
496	Đinh Ngô Thanh	Trúc	19-Dec-02				8	8A7	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
497	Phan Thị Thúy	Vy	28-Nov-02				8	8A7	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
498	Nguyễn Phan Trúc	Ly	02-Jul-02				8	8B	Nam Sài Gòn	Đặc cách
499	Võ Ngọc Hoàng	Lan	13-Sep-02				8	8B1	Đức Trí	Đặc cách
500	Nguyễn Bảo	Long	08-Oct-02				8	8B1	Đức Trí	Đặc cách
501	Đặng Hoàng	Quân	26-Nov-02				8	8B1	Đức Trí	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
502	Phạm Hồng	Quân	24-Jan-02				8	8B1	Đức Trí	Đặc cách
503	Nguyễn Mai Phi	Vũ	29-Aug-02				8	8B1	Đức Trí	Đặc cách
504	Phạm Hoàng Bảo	Khánh	26-Nov-02				8	8B2	Đức Trí	Đặc cách
505	Nguyễn Hữu Nam	Phương	22-Dec-02				8	8B2	Đức Trí	Đặc cách
506	Ngô Võ Minh	Anh	03-Nov-02				8	8TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
507	Nguyễn Duy	Anh	24-Oct-02				8	8TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
508	Tô Ngọc Linh	Đan	08-Feb-02				8	8TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
509	Lê Hoàng	Duy	08-Nov-02				8	8TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
510	Phạm Thị Minh	Hồng	10-May-02				8	8TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
511	Nguyễn Duy	Hùng	06-Feb-02				8	8TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
512	Quang Lan	Hương	12-Feb-02				8	8TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
513	Đỗ Ngọc Thiên	Kim	11-Jun-02				8	8TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
514	Trần Huỳnh Phương	Linh	03-Mar-02				8	8TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
515	Nguyễn Thị Bình	Minh	12-Jan-02				8	8TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
516	Lê Tấn	Phong	17-Nov-02				8	8TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
517	Phạm Đăng	Quang	29-Mar-02				8	8TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
518	Nguyễn Hoa Minh	Thy	27-Jul-02				8	8TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
519	Nguyễn Trúc	Vy	25-Jul-02				8	8TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
520	Vũ Hoàng Huệ	Anh	14-Apr-02				8	8TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
521	Nguyễn Huy	Cảnh	18-Oct-02				8	8TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
522	Đậu Nhã	Linh	13-May-02				8	8TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
523	Phạm Minh	Thư	20-Apr-02				8	8TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
524	Nguyễn Hà Minh	Tú	11-Dec-02				8	8TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
525	Trần Khánh	Tùng	28-Sep-02				8	8TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
526	Đinh Thị Hoàng	Yến	25-Jan-02				8	8TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
527	Nguyễn Minh	Đan	01-Aug-02				8	8TC3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
528	Phan Vũ Quỳnh	Đan	23-Aug-02				8	8TC3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
529	Nguyễn Hữu Huy	Hoàng	21-Sep-02				8	8TC3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
530	Vũ Quang	Huy	30-Sep-02				8	8TC3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
531	Lê Huỳnh Ngọc	Khuê	08-Jan-02				8	8TC3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
532	Nguyễn Vưu Phi	Khuong	19-Oct-02				8	8TC3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
533	Phan Thanh	Hào	27-Apr-01				9	9A1	Đức Trí	Đặc cách
534	Lý Chấn	Dinh	17-Jan-01				9	9A1	Nguyễn Hiền	Đặc cách
535	Nguyễn Minh	Quân	07-Oct-01				9	9A1	Nguyễn Hiền	Đặc cách
536	Trần Bùi Linh	Chi	04-Jul-01				9	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
537	Đới Lê Quốc	Đạt	16-Aug-01				9	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
538	Nguyễn Khánh	Duy	21-May-01				9	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
539	Trần Đoan Thái	Hòa	21-May-01				9	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
540	Trần Gia	Huy	29-Aug-01				9	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
541	Bùi Anh	Khoa	10-Jun-01				9	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
542	Lê Đăng	Khoa	11-Aug-01				9	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
543	Nguyễn Mộng Hồng	Nhung	25-Oct-01				9	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
544	Trần Minh	Quân	20-Sep-01				9	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
545	Vân Vĩnh	Thành	13-Jun-01				9	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
546	Nguyễn Thùy Thiên	Trâm	14-Feb-01				9	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
547	Hoàng Thanh	Tùng	24-Jul-01				9	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
548	Trần Bảo	Vy	19-Jan-01				9	9A1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
549	Nguyễn Hoài	Ân	08-Jul-01				9	9a2	Huỳnh Tấn Phát	Đặc cách
550	Nguyễn Lê Xuân Thanh	Hằng	01-Feb-01				9	9a2	Huỳnh Tấn Phát	Đặc cách
551	Bùi Mạnh	Hoàng	20-Nov-01				9	9a2	Huỳnh Tấn Phát	Đặc cách
552	Đặng Quang	Huy	22-Jan-01				9	9a2	Huỳnh Tấn Phát	Đặc cách
553	Trương Anh	Khoa	17-Aug-01				9	9a2	Huỳnh Tấn Phát	Đặc cách
554	Võ Thành	Luân	13-Dec-01				9	9A2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
555	Trần Hoàng Duy	Minh	26-Jan-01				9	9A2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
556	Đỗ Thị Thu	Ngân	08-Feb-01				9	9A2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
557	Trần Hà Bảo	Ngọc	25-Mar-01				9	9A2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
558	Nguyễn Thanh	Phúc	24-Sep-01				9	9A2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
559	Phạm Thúy	Quỳnh	09-Dec-01				9	9A2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
560	Phạm Nguyễn Quỳnh	Thơ	08-May-01				9	9A2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
561	Nguyễn Đặng Hoàng	Vy	02-Dec-01				9	9A2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
562	Lê Tấn Gia	Bảo	14-Mar-01				9	9A3	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
563	Dương Thê	An	05-May-01				9	9A3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
564	Ngô Phước	An	02-Jun-01				9	9A3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
565	Trần Nguyễn Thái	Hòa	20-Nov-01				9	9A3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
566	Lê Nguyễn Quốc	Huy	16-Jul-01				9	9A3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
567	Bùi Nguyễn Hồng	Ngọc	04-Jul-01				9	9A3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
568	Lê Nguyễn Hoàng	Phúc	05-May-01				9	9A3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
569	Nguyễn Phú	Thịnh	29-Oct-01				9	9A3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
570	Phan Minh	Thư	11-Sep-01				9	9A3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
571	Ngô Hữu	Trí	15-Mar-01				9	9A3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
572	Nguyễn Thanh	Trúc	03-May-01				9	9A3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
573	Lưu Ngọc	Long	17-Jan-01				9	9A4	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
574	Đỗ Nguyễn Hồng	Nguyên	18-Dec-01				9	9A4	Đinh Thiện Lý	Đặc cách
575	Trần Lê Quốc	Bảo	16-Sep-01				9	9A4	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
576	Nguyễn Thị Nhã	Ca	31-Oct-01				9	9A4	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
577	Nguyễn Huỳnh Bảo	Chấn	18-Jul-01				9	9A4	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
578	Võ Đại	Dương	18-Nov-01				9	9A4	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
579	Mai Phạm Huy	Hoàng	14-Nov-01				9	9A4	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
580	Lê Minh	Thư	20-Jan-01				9	9A4	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
581	Nguyễn Gia	Hưng	03-Jan-00				9	9A5	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
582	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	27-Apr-01				9	9A6	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
583	Đặng Ngọc	Tân	24-Mar-01				9	9A6	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
584	Nguyễn Phương Hiếu	Hạnh	13-Aug-01				9	9A6	Nguyễn Thị Thập	Đặc cách
585	Đỗ Kim	Ngân	05-Jan-01				9	9A6	Nguyễn Thị Thập	Đặc cách
586	Lâm Hoàng	Khang	13-Jun-01				9	9A7	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
587	Phạm Trần Đức	Mạnh	16-Oct-01				9	9A7	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
588	Lê Hoàng Duy	Thùy	02-Feb-01				9	9A7	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
589	Huỳnh Thị Diễm	Ngân	28-May-01				9	9A7	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
590	Nguyễn Văn	Anh	06-Dec-00				9	9A8	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
591	Nguyễn Ngô Anh	Thư	29-Apr-01				9	9A8	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
592	Hà Thúy	Vy	28-Apr-01				9	9A8	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
593	Ngô Thụy	Vy	19-Aug-01				9	9A8	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
594	Nguyễn Nhật Minh	Quang	11-Jul-01				9	9B1	Đức Trí	Đặc cách
595	Nguyễn Di	Đan	07-Jun-01				9	9B2	Đức Trí	Đặc cách
596	Trần Đức	Hoàng	02-Oct-01				9	9B2	Đức Trí	Đặc cách
597	Nguyễn Ngọc Hải	Anh	30-May-01				9	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
598	Hami	Dah	12-Jan-01				9	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
599	Mai Đức	Dũng	23-Jun-01				9	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
600	Trần Minh	Hiển	13-Jul-01				9	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
601	Nguyễn Đăng Khánh	Huyền	24-Jan-01				9	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
602	Nguyễn Hồng	Linh	25-May-01				9	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
603	Vũ Trà	My	24-Aug-01				9	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
604	Dương Bích	Ngọc	29-Jul-01				9	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
605	Đỗ Tuyết	Nhi	26-Oct-01				9	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
606	Nguyễn Hồng	Phúc	15-Sep-01				9	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
607	Phan Hưng	Phúc	25-Aug-01				9	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
608	Phạm Đức	Phước	09-Jan-01				9	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
609	Lê Mỹ	Quỳnh	17-Mar-01				9	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
610	Hồ Bảo	Trâm	28-Nov-01				9	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
611	Trần Hữu Phương	Trang	31-Dec-01				9	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
612	Vũ Hoàng Minh	Tuấn	23-Dec-01				9	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
613	Lưu Tường	Vy	29-Nov-01				9	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
614	Nguyễn Dãn Yên	Vy	22-Feb-01				9	9TC1	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
615	Tô Thị Thu	Giang	13-Nov-01				9	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
616	Hồ Thanh	Hằng	08-Mar-01				9	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
617	Nguyễn Thanh	Hằng	23-Oct-01				9	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
618	Trần Nguyễn Tuấn	Huy	29-Jun-01				9	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
619	Lê Mạnh Hoàng	Lan	24-Apr-01				9	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
620	Nguyễn Hoàng	Long	01-Aug-01				9	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
621	Hoàng Ngọc Thảo	Ngân	15-Jan-01				9	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
622	Trương Nguyễn Mỹ	Ngọc	13-Apr-01				9	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
623	Nguyễn Huỳnh Nam	Phuong	10-Nov-01				9	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
624	Lương Minh	Quốc	22-Jul-01				9	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
625	Nguyễn Ngọc Nhã	Quyên	31-May-01				9	9TC2	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
626	Bùi Công	Duy	17-Jul-01				9	9TC3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
627	Nguyễn Thái	Khang	20-Sep-01				9	9TC3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
628	Trần Vĩnh	Khang	28-Mar-01				9	9TC3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
629	Nguyễn Văn Đăng	Khoa	23-Oct-01				9	9TC3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
630	Đinh Tuyết	Nhi	05-Jan-01				9	9TC3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
631	Trần Mẫn	Nhi	18-Feb-01				9	9TC3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
632	Nguyễn Ngọc Mai	Phuong	17-Jan-01				9	9TC3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
633	Phan Nguyễn Hà	Phuong	01-Jan-01				9	9TC3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
634	La Kỳ	Quang	11-Jun-01				9	9TC3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
635	Phạm Thị Thanh	Tuyền	23-Feb-01				9	9TC3	Nguyễn Hữu Thọ	Đặc cách
636	LÊ HOÀNG	QUÂN	19-Feb-05	60143451	6	6			NGUYỄN HỮU THỌ	
637	TRẦN ĐỨC HOA	TRƯƠNG	27-Jun-05	60143455	6	6			NGUYỄN HỮU THỌ	
638	TRẦN NGỌC THẢO	VY	09-Oct-05	60143453	6	6			NGUYỄN HỮU THỌ	
639	DƯƠNG GIA	BẢO	28-Jul-05	60130844	6	6			QUỐC TẾ CANADA	
640	TRƯƠNG VĨNH DUY	HẢI	19-Jan-05	60130850	6	6.1			QUỐC TẾ CANADA	
641	LÊ CÔNG THANH	TÚ	08-Mar-05	60130845	6	6.1			QUỐC TẾ CANADA	
642	ĐỖ GIA	HÀO	18-Apr-05	60131096	6	6.1			SAO VIỆT	
643	NGUYỄN	JULIA	19-Feb-05	60131099	6	6.1			SAO VIỆT	
644	TRẦN NHẬT	MAI	10-Aug-05	60131105	6	6.1			SAO VIỆT	
645	ĐỖ PHÚC	NGUYỄN	12-Apr-05	60131125	6	6.1			SAO VIỆT	
646	HUỲNH QUANG	TRIỂN	22-Nov-05	60131097	6	6.1			SAO VIỆT	
647	CHUNG NGUYỄN HUỲNH	KHANG	19-Jun-05	60130602	6	6.1			VIỆT ÚC	
648	HÀ XUÂN	MAI	13-Jul-05	60130603	6	6.1			VIỆT ÚC	
649	LÊ THÚC	TƯỜNG	30-Dec-05	60130606	6	6.1			VIỆT ÚC	
650	VŨ MINH	MÃN	13-Jun-05	60130851	6	6.2			QUỐC TẾ CANADA	
651	TRẦN THIÊN	BẢO	30-Aug-05	60131156	6	6.2			SAO VIỆT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
652	DƯƠNG QUỲNH	DAO	24-Mar-05	60131129	6	6.2			SAO VIỆT	
653	NGUYỄN HOÀNG	DŨNG	10-Jun-05	60131139	6	6.2			SAO VIỆT	
654	NGUYỄN MINH	HÀNG	24-Aug-05	60131145	6	6.2			SAO VIỆT	
655	DƯƠNG HÀ MINH	KHOA	24-Oct-05	60131127	6	6.2			SAO VIỆT	
656	LÊ DƯƠNG HÀ	KHUÊ	03-May-05	60131131	6	6.2			SAO VIỆT	
657	ĐỖ VŨ KHÁNH	LINH	04-Nov-05	60131126	6	6.2			SAO VIỆT	
658	ĐÀO NGỌC	NGA	24-Jul-05	60131123	6	6.2			SAO VIỆT	
659	TÔ BẢO	NGỌC	26-May-05	60131152	6	6.2			SAO VIỆT	
660	MAI LÊ THY	ANH	28-Mar-05	60130607	6	6.2			VIỆT ÚC	
661	PARK HAN	NA	15-Jan-05	60130612	6	6.2			VIỆT ÚC	
662	NGUYỄN HỒNG	ÁNH	27-Oct-05	60130847	6	6.3			QUỐC TẾ CANADA	
663	NGUYỄN HỒNG	NGÂN	27-Oct-05	60130848	6	6.3			QUỐC TẾ CANADA	
664	TRẦN NGUYỄN THẢO	TRANG	16-Dec-05	60130849	6	6.3			QUỐC TẾ CANADA	
665	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	VY	23-Mar-05	60130846	6	6.3			QUỐC TẾ CANADA	
666	NGUYỄN VÕ LINH	AN	22-May-05	60131104	6	6.3			SAO VIỆT	
667	ĐẶNG QUỐC CHÂU	ANH	08-Jun-05	60131095	6	6.3			SAO VIỆT	
668	NGÔ GIA	BẢO	01-Sep-05	60131098	6	6.3			SAO VIỆT	
669	NGUYỄN ĐẮC GIA	BẢO	08-Aug-05	60131100	6	6.3			SAO VIỆT	
670	NGUYỄN THUẬN NHẤT	DUY	16-Sep-05	60131147	6	6.3			SAO VIỆT	
671	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	13-May-05	60131150	6	6.3			SAO VIỆT	
672	NGUYỄN LÊ MINH	HÒA	29-Dec-05	60131143	6	6.3			SAO VIỆT	
673	VŨ NGÂN HÀ	MY	09-Aug-05	60131157	6	6.3			SAO VIỆT	
674	LÊ MỸ	TÂM	08-Aug-05	60131134	6	6.3			SAO VIỆT	
675	ĐỖ	TRẠNG	16-Feb-05	60131124	6	6.3			SAO VIỆT	
676	NGUYỄN PHÚ ĐỨC	TRÍ	30-May-05	60131103	6	6.3			SAO VIỆT	
677	NGUYỄN ĐĂNG GIA	VIÊN	26-Dec-05	60131137	6	6.3			SAO VIỆT	
678	NGUYỄN PHƯƠNG	VY	28-Feb-05	60131146	6	6.3			SAO VIỆT	
679	TRẦN THIÊN	ÂN	20-Jul-04	60131155	6	6.4			SAO VIỆT	
680	PHẠM QUANG	ĐẠT	25-Jun-05	60131151	6	6.4			SAO VIỆT	
681	LÊ NGUYỄN	HY	05-Sep-05	60131135	6	6.4			SAO VIỆT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
682	NGUYỄN HỒNG LAN	KHANH	09-Sep-05	60131141	6	6.4			SAO VIỆT	
683	DƯƠNG MINH	KHÔI	22-Apr-05	60131128	6	6.4			SAO VIỆT	
684	LÊ MINH	KHÔI	11-Oct-05	60131133	6	6.4			SAO VIỆT	
685	NGUYỄN THUY	KHUÊ	02-Apr-05	60131148	6	6.4			SAO VIỆT	
686	TRẦN LƯU TUẤN	MINH	21-May-05	60131154	6	6.4			SAO VIỆT	
687	NGÔ KIM NHƯ	NGỌC	14-Jul-05	60131136	6	6.4			SAO VIỆT	
688	NGUYỄN HUYỀN MINH	NHẬT	02-Oct-05	60131142	6	6.4			SAO VIỆT	
689	HUỲNH MINH	PHƯƠNG	06-May-05	60131130	6	6.4			SAO VIỆT	
690	NGUYỄN HOÀNG ÁNH	TÂM	05-Feb-05	60131140	6	6.4			SAO VIỆT	
691	TÔN THẮT NGÔ	THIỆN	03-Feb-05	60131153	6	6.4			SAO VIỆT	
692	PHAN THỊ LAN	ANH	02-Jan-05	60130614	6	6.4			VIỆT ÚC	
693	NGUYỄN GIA	BẢO	10-Feb-05	60130609	6	6.4			VIỆT ÚC	
694	VÕ LÊ THỤY	VY	25-May-05	60130617	6	6.4			VIỆT ÚC	
695	PHẠM THÙY MINH	XUÂN	05-Mar-05	60130613	6	6.4			VIỆT ÚC	
696	HÀ TRƯỜNG	ÂN	13-Oct-05	60130495	6	6A			NAM SÀI GÒN	
697	PHAN HỒNG	ANH	31-Mar-05	60130505	6	6A			NAM SÀI GÒN	
698	VÕ HOÀNG	BẢO	15-Oct-05	60130508	6	6A			NAM SÀI GÒN	
699	DƯƠNG ĐỨC	HUNG	05-Nov-05	60130494	6	6A			NAM SÀI GÒN	
700	HUỲNH AN	KHƯƠNG	05-Nov-05	60130496	6	6A			NAM SÀI GÒN	
701	TRỊNH THẾ	QUÂN	11-Sep-05	60130506	6	6A			NAM SÀI GÒN	
702	PHẠM NGUYỄN ANH	TÚ	01-Dec-05	60130504	6	6A			NAM SÀI GÒN	
703	ĐINH NGỌC	VIỆT	10-Aug-05	60130493	6	6A			NAM SÀI GÒN	
704	ÂU THÙY	DƯƠNG	11-Jul-05	60129705	6	6A1			ĐINH THIÊN LÝ	
705	ĐẶNG LÊ MINH	HOÀNG	18-Jun-05	60129710	6	6A1			ĐINH THIÊN LÝ	
706	ĐINH ĐỨC	HUY	03-Dec-05	60129716	6	6A1			ĐINH THIÊN LÝ	
707	NGUYỄN LÊ MINH	KHÔI	27-Apr-05	60129749	6	6A1			ĐINH THIÊN LÝ	
708	PHẠM ĐỨC	KHÔI	10-Mar-05	60129768	6	6A1			ĐINH THIÊN LÝ	
709	NGUYỄN TRÍ	KHƯƠNG	14-Oct-05	60129763	6	6A1			ĐINH THIÊN LÝ	
710	NGUYỄN THÙY	LINH	14-Oct-05	60129761	6	6A1			ĐINH THIÊN LÝ	
711	PHẠM HOÀNG	MAI	08-Mar-05	60129769	6	6A1			ĐINH THIÊN LÝ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
712	HOÀNG ANH TUỆ	MÃN	16-May-05	60129722	6	6A1			ĐÌNH THIÊN LÝ	
713	TRẦN ÁNH	NGÂN	05-Jan-05	60129775	6	6A1			ĐÌNH THIÊN LÝ	
714	NGUYỄN THỤC	NGHI	22-Dec-05	60129760	6	6A1			ĐÌNH THIÊN LÝ	
715	TRẦN VIỆT THIÊN	NHẬT	02-Dec-05	60129784	6	6A1			ĐÌNH THIÊN LÝ	
716	ĐỖ PHÚ	NINH	17-Feb-05	60129718	6	6A1			ĐÌNH THIÊN LÝ	
717	TRẦN NGUYỄN BẢO	TRÂM	18-Sep-05	60129781	6	6A1			ĐÌNH THIÊN LÝ	
718	LIU PHƯƠNG	TRỰC	27-Sep-05	60129733	6	6A1			ĐÌNH THIÊN LÝ	
719	HÀ VŨ TRÂM	ANH	04-Jul-04	60130527	6	6A1			NGUYỄN HIỀN	
720	VÕ NGỌC	ANH	04-Jul-04	60130543	6	6A1			NGUYỄN HIỀN	
721	LÊ QUANG	HÙNG	04-Jul-04	60130529	6	6A1			NGUYỄN HIỀN	
722	TRẦN THỊ PHƯƠNG	LINH	04-Jul-04	60130540	6	6A1			NGUYỄN HIỀN	
723	NGUYỄN ĐÀO TRÚC	LY	04-Jul-04	60130530	6	6A1			NGUYỄN HIỀN	
724	ĐÌNH TRẦN TẤN	TÀI	04-Jul-04	60130525	6	6A1			NGUYỄN HIỀN	
725	TRẦN HUỲNH NGỌC	THẢO	04-Jul-04	60130538	6	6A1			NGUYỄN HIỀN	
726	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	04-Jul-04	60130539	6	6A1			NGUYỄN HIỀN	
727	NGUYỄN PHƯỚC	THỌ	04-Jul-04	60130533	6	6A1			NGUYỄN HIỀN	
728	VŨ NGỌC	HIỀN	30-Sep-05	60133165	6	6A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
729	PHẠM QUỲNH	MAI	27-May-05	60133054	6	6A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
730	ĐẶNG VŨ THẢO	MY	23-Feb-05	60132774	6	6A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
731	VŨ HẢI	NAM	01-Apr-05	60133164	6	6A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
732	DƯƠNG XUÂN	NGHI	20-Oct-05	60132812	6	6A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
733	HUỲNH NGỌC YẾN	NHI	26-Jun-05	60132837	6	6A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
734	BÙI BÍCH	PHƯƠNG	07-Aug-05	60132753	6	6A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
735	ĐỖ QUANG	THẮNG	29-Jul-05	60132789	6	6A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
736	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG	TRANG	16-Feb-05	60133028	6	6A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
737	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	03-Feb-05	60130947	6	6A1			TRẦN QUỐC TUẤN	
738	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	PHÚC	24-Jun-05	60130951	6	6A1			TRẦN QUỐC TUẤN	
739	NGUYỄN NGỌC GIA	HÂN	15-Sep-05	60130707	6	6A10			NGUYỄN THỊ THẬP	
740	PHẠM ANH	MINH	08-Jul-05	60130712	6	6A10			NGUYỄN THỊ THẬP	
741	BÙI ANH	THƯ	27-Feb-05	60130696	6	6A10			NGUYỄN THỊ THẬP	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
742	ĐIỀU QUANG	TIẾN	19-Nov-05	60130697	6	6A10			NGUYỄN THỊ THẬP	
743	VŨ HUỠNH ĐUỜNG ĐẠI	VỸ	19-Mar-05	60130720	6	6A10			NGUYỄN THỊ THẬP	
744	NGUYỄN ĐỨC	ANH	03-Aug-05	60129741	6	6A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
745	NGUYỄN HỮU TÚY	ANH	30-Jun-05	60129747	6	6A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
746	NGUYỄN LÊ TÂM	ANH	06-Dec-05	60129750	6	6A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
747	PHAN ANH	KHOA	13-Sep-05	60129771	6	6A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
748	NGUYỄN THẾ	KHÔI	23-Mar-05	60129759	6	6A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
749	TRẦN NGỌC	MINH	11-Oct-05	60129780	6	6A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
750	NGUYỄN NHẬT	NAM	17-Nov-05	60129754	6	6A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
751	LÊ KIM TƯỜNG	VY	15-Nov-05	60129728	6	6A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
752	NGUYỄN THỊ KHẢ	DOANH	02-Jul-05	60130370	6	6a2			HUỲNH TẤN PHÁT	
753	LÊ BẢO MINH	DUY	29-Oct-05	60130362	6	6a2			HUỲNH TẤN PHÁT	
754	NGUYỄN VÕ MINH	KHÔI	20-Aug-05	60130373	6	6a2			HUỲNH TẤN PHÁT	
755	LÊ THỊ THÚY	VY	10-Feb-05	60130364	6	6a2			HUỲNH TẤN PHÁT	
756	ĐỖ NGUYỄN MINH	NGHI	04-Jul-04	60130526	6	6A2			NGUYỄN HIỀN	
757	TÔN KIM	THỊNH	04-Jul-04	60130535	6	6A2			NGUYỄN HIỀN	
758	TRƯƠNG ÁNH MINH	VY	4-Jul-04	60130542	6	6A2			NGUYỄN HIỀN	
759	NGUYỄN QUỐC	BẢO	23-Mar-05	60132991	6	6A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
760	HOÀNG ĐÌNH	ĐẠI	02-Jan-05	60132825	6	6A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
761	TRƯƠNG NGỌC	MINH	09-Jan-05	60133144	6	6A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
762	NGUYỄN NGỌC QUẾ	ANH	18-Oct-05	60130961	6	6A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
763	TRƯƠNG THÀNH	ĐẠT	28-Jul-05	60130990	6	6A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
764	NGUYỄN HOÀNG	DŨNG	07-Aug-05	60130949	6	6A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
765	LÊ QUANG NGỌC	GIAO	19-Apr-05	60130940	6	6A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
766	NGUYỄN VÕ THÀNH	HẢI	14-Sep-05	60130974	6	6A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
767	ĐƯƠNG GIA	HÂN	21-Dec-05	60130929	6	6A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
768	NGUYỄN LÂM GIA	HÂN	10-Sep-05	60130955	6	6A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
769	NGUYỄN MINH	KHANG	17-Aug-05	60130958	6	6A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
770	VŨ TRẦN BẢO	KHÁNH	01-Jun-05	60130993	6	6A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
771	NGUYỄN LÊ TRÀ	MY	30-Mar-05	60130957	6	6A2			TRẦN QUỐC TUẤN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
772	CHÂU AN	PHÁT	24-Sep-05	60130920	6	6A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
773	PHẠM THANH	TÀI	18-Nov-05	60130978	6	6A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
774	NGUYỄN THÀNH	TRÍ	27-Mar-05	60130966	6	6A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
775	BÙI KHÁNH	TRÚC	26-Jul-05	60130918	6	6A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
776	AN THỊ HẢI	YẾN	12-May-05	60130916	6	6A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
777	NGUYỄN ĐÌNH MAI	ANH	23-Sep-05	60129740	6	6A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
778	NGUYỄN QUỲNH	ANH	13-Nov-05	60129756	6	6A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
779	NGUYỄN TƯỜNG KHẢI	ANH	05-Aug-05	60129766	6	6A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
780	VŨ MINH	ĐĂNG	27-Jul-05	60129788	6	6A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
781	VÕ TUẤN	KIỆT	15-Apr-05	60129786	6	6A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
782	ĐÀO XUÂN	MAI	26-Mar-05	60129714	6	6A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
783	NGUYỄN THANH	MAI	25-Sep-05	60129757	6	6A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
784	QUẢN PHƯƠNG	MAI	28-Aug-05	60129773	6	6A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
785	ĐẬU BẢO	MINH	28-Dec-05	60129715	6	6A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
786	LƯU HOÀNG BẢO	NGỌC	25-Oct-05	60129732	6	6A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
787	NGUYỄN VĂN	PHONG	26-Oct-04	60129767	6	6A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
788	CHÂU QUỲNH	THU	01-Dec-05	60129708	6	6A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
789	NGÔ NHÃ	THU	08-Dec-05	60129736	6	6A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
790	NGUYỄN HỒNG NHỰT	VINH	29-Sep-05	60129746	6	6A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
791	BÙI NGỌC PHƯƠNG	VY	28-Mar-05	60129707	6	6A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
792	PHẠM NGỌC BẢO	HÂN	29-Dec-05	60130375	6	6a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
793	TRẦN NGUYỄN MINH	HIẾU	03-Nov-05	60130378	6	6a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
794	TRẦN NGUYỄN MINH	KHÔI	03-Nov-05	60130377	6	6a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
795	NGÔ THỊ ÁNH	LINH	27-Sep-05	60130366	6	6a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
796	BÙI THỊ YẾN	NHI	10-Jul-05	60130360	6	6a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
797	PHAN THỊ THÚY	VY	27-Jul-05	60130982	6	6A3			TRẦN QUỐC TUẤN	
798	NGUYỄN PHÚC AN	AN	01-Sep-05	60129755	6	6A4			ĐÌNH THIỆN LÝ	
799	DƯƠNG HOÀNG	ANH	05-Feb-05	60129719	6	6A4			ĐÌNH THIỆN LÝ	
800	NGUYỄN THỤY PHƯƠNG	ANH	23-Nov-05	60129762	6	6A4			ĐÌNH THIỆN LÝ	
801	NGUYỄN HOÀNG THY	ĐAN	14-Apr-05	60129745	6	6A4			ĐÌNH THIỆN LÝ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
802	MAI NGỌC MINH	ĐỨC	15-Sep-05	60129734	6	6A4			ĐÌNH THIỆN LÝ	
803	HOÀNG MAI	HÂN	24-Jul-05	60129723	6	6A4			ĐÌNH THIỆN LÝ	
804	NGUYỄN KHẢ	HÂN	10-Oct-05	60129748	6	6A4			ĐÌNH THIỆN LÝ	
805	DƯƠNG NGUYỄN NAM	KHANG	16-Apr-05	60129720	6	6A4			ĐÌNH THIỆN LÝ	
806	TRẦN ĐOÀN MINH	KHUÊ	19-May-05	60129776	6	6A4			ĐÌNH THIỆN LÝ	
807	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	09-May-05	60129765	6	6A4			ĐÌNH THIỆN LÝ	
808	HÀ THỊ BẢO	LINH	02-Jul-05	60129721	6	6A4			ĐÌNH THIỆN LÝ	
809	PHAM NHẬT	MINH	23-Jan-05	60129770	6	6A4			ĐÌNH THIỆN LÝ	
810	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	14-Nov-05	60129758	6	6A4			ĐÌNH THIỆN LÝ	
811	VŨ KHÁNH	PHƯƠNG	23-May-05	60129787	6	6A4			ĐÌNH THIỆN LÝ	
812	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	TRANG	04-Mar-05	60129753	6	6A4			ĐÌNH THIỆN LÝ	
813	TRẦN LỆ	VÂN	24-Oct-05	60129778	6	6A4			ĐÌNH THIỆN LÝ	
814	NGUYỄN TRẦN TRỌNG	PHÚC	22-Feb-05	60130372	6	6a4			HUỲNH TẤN PHÁT	
815	NGUYỄN KIM	QUÝ	28-Apr-05	60130369	6	6a4			HUỲNH TẤN PHÁT	
816	TRẦN THỊ CÁT	TƯỜNG	09-Feb-05	60130379	6	6a4			HUỲNH TẤN PHÁT	
817	NGUYỄN TRÂM	ANH	27-Feb-05	60133008	6	6A4			NGUYỄN HỮU THỌ	
818	NGÔ ANH	KHÔI	12-Feb-05	60132897	6	6A4			NGUYỄN HỮU THỌ	
819	NGÔ ANH	TRÍ	17-Jul-05	60132898	6	6A4			NGUYỄN HỮU THỌ	
820	TRẦN MINH	ANH	02-May-05	60129779	6	6A5			ĐÌNH THIỆN LÝ	
821	NGUYỄN HÀ HẢI	MY	30-May-05	60129742	6	6A5			ĐÌNH THIỆN LÝ	
822	BÙI ĐỖ THẢO	NGUYỄN	22-May-05	60129706	6	6A5			ĐÌNH THIỆN LÝ	
823	NGUYỄN HOÀNG	ANH	04-May-05	60132929	6	6A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
824	NGUYỄN PHÚC	HẬU	23-Jan-05	60132984	6	6A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
825	BÙI GIA	KHANG	18-Sep-05	60132755	6	6A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
826	PHẠM PHƯƠNG	LINH	16-Nov-05	60133051	6	6A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
827	TRẦN NGUYỄN THANH	LOAN	16-Feb-05	60133120	6	6A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
828	CHÂU NGUYỄN TƯỜNG	VY	29-Sep-05	60132764	6	6A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
829	TẠ THIÊN	AN	19-Jul-05	60130796	6	6a5			PHẠM HỮU LẦU	
830	TRẦN PHƯƠNG HỒNG	ÂN	11-Jun-05	60130797	6	6a5			PHẠM HỮU LẦU	
831	NGUYỄN BẢO VÂN	ANH	30-Mar-05	60130787	6	6a5			PHẠM HỮU LẦU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
832	PHẠM THỊ THU	HÂN	01-Jan-05	60130795	6	6a5			PHẠM HỮU LẦU	
833	PHẠM QUANG NGỌC	HIẾU	27-Aug-05	60130794	6	6a5			PHẠM HỮU LẦU	
834	LÊ CAO NGỌC	HUNG	22-Dec-05	60130780	6	6a5			PHẠM HỮU LẦU	
835	LÊ QUANG	HUY	19-Jul-05	60130781	6	6a5			PHẠM HỮU LẦU	
836	TRIỆU Ý	NHI	19-Nov-05	60130799	6	6a5			PHẠM HỮU LẦU	
837	LIÊU THỊ QUỲNH	NHƯ	15-Jul-05	60130785	6	6a5			PHẠM HỮU LẦU	
838	LÊ TUẤN	TÀI	31-Dec-05	60130783	6	6a5			PHẠM HỮU LẦU	
839	NGUYỄN MAI	THANH	28-Feb-05	60130793	6	6a5			PHẠM HỮU LẦU	
840	HUỲNH LÊ THANH	TÙNG	03-Apr-05	60130779	6	6a5			PHẠM HỮU LẦU	
841	NGUYỄN BÙI NHƯ	ANH	25-Feb-05	60129738	6	6A6			ĐÌNH THIỆN LÝ	
842	NGUYỄN NGỌC GIA	HÂN	22-Sep-05	60129752	6	6A6			ĐÌNH THIỆN LÝ	
843	KIỀU ANH	KHOA	21-Dec-05	60129725	6	6A6			ĐÌNH THIỆN LÝ	
844	TRẦN PHƯƠNG	LINH	12-Dec-05	60129782	6	6A6			ĐÌNH THIỆN LÝ	
845	NGUYỄN NGÔ HỒNG	PHÚC	19-Jan-05	60129751	6	6A6			ĐÌNH THIỆN LÝ	
846	ĐẶNG MẬU ANH	QUÂN	10-Jun-05	60129711	6	6A6			ĐÌNH THIỆN LÝ	
847	MAI PHẠM KHÁNH	QUỲNH	19-Nov-05	60129735	6	6A6			ĐÌNH THIỆN LÝ	
848	NGUYỄN HOÀNG THẠCH	THẢO	02-Jan-05	60129744	6	6A6			ĐÌNH THIỆN LÝ	
849	TRẦN XUÂN BẢO	TRÂM	26-Oct-05	60129785	6	6A6			ĐÌNH THIỆN LÝ	
850	LÊ PHƯƠNG THẢO	VY	27-Apr-05	60129729	6	6A6			ĐÌNH THIỆN LÝ	
851	ĐỖ CẨM	NGA	27-Dec-05	60132785	6	6A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
852	TRẦN CÁT	NGHI	18-Feb-05	60133097	6	6A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
853	HUỲNH THANH	NHÃ	15-Apr-05	60132838	6	6A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
854	VÕ HỒNG MỸ	ANH	23-May-05	60130719	6	6A6			NGUYỄN THỊ THẬP	
855	PHẠM THIÊN	MỸ	29-Jul-05	60130715	6	6A6			NGUYỄN THỊ THẬP	
856	NGUYỄN HỒ	NGUYỄN	17-Feb-05	60130704	6	6A6			NGUYỄN THỊ THẬP	
857	HUỲNH NGỌC	KHANG	07-Aug-05	60132836	6	6A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
858	NGUYỄN THÙY KHẢ MI	MI	11-Nov-05	60133007	6	6A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
859	PHAN TRẦN THẢO N	NGUYỄN	21-Jul-05	60133081	6	6A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
860	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	10-Nov-05	60132969	6	6A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
861	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	26-Jun-05	60130782	6	6a7			PHẠM HỮU LẦU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
862	NGUYỄN ĐÌNH THANH	PHÚC	26-Jun-05	60130788	6	6a7			PHẠM HỮU LẦU	
863	LÝ THỊ DIỄM	THÚY	16-Oct-04	60130786	6	6a7			PHẠM HỮU LẦU	
864	NGUYỄN HOÀNG	TÙNG	16-Oct-05	60130790	6	6a7			PHẠM HỮU LẦU	
865	ĐỖ TẤN	ĐÌNH	01-Jan-05	60132790	6	6A8			NGUYỄN HỮU THỌ	
866	NGUYỄN ANH	HÀO	27-Feb-05	60132907	6	6A8			NGUYỄN HỮU THỌ	
867	PHẠM VĂN	LÂM	23-Nov-05	60133062	6	6A8			NGUYỄN HỮU THỌ	
868	NGUYỄN LƯƠNG TÙNG	LINH	16-Jan-05	60132957	6	6A8			NGUYỄN HỮU THỌ	
869	NGUYỄN MINH	NHẬT	19-Aug-05	60132963	6	6A8			NGUYỄN HỮU THỌ	
870	BÙI ĐẶNG YẾN	NHI	16-Sep-05	60132754	6	6A8			NGUYỄN HỮU THỌ	
871	NGUYỄN GIA	BẢO	12-Apr-05	60130703	6	6A9			NGUYỄN THỊ THẬP	
872	TRẦN NHẬT	HUY	15-Sep-05	60130717	6	6A9			NGUYỄN THỊ THẬP	
873	ĐÌNH QUANG	MINH	11-Dec-05	60130699	6	6A9			NGUYỄN THỊ THẬP	
874	PHẠM NGUYỄN BẢO	MY	26-Aug-05	60130714	6	6A9			NGUYỄN THỊ THẬP	
875	HỒ NGỌC HẢI	NHÂN	23-Mar-05	60130700	6	6A9			NGUYỄN THỊ THẬP	
876	NGUYỄN NGỌC	ĐÌNH	23-Dec-05	60130501	6	6B			NAM SÀI GÒN	
877	NGUYỄN VIỆT TRUNG	KIÊN	31-May-05	60130503	6	6B			NAM SÀI GÒN	
878	NGUYỄN MINH	QUÂN	12-Nov-05	60130500	6	6B			NAM SÀI GÒN	
879	NGUYỄN HOÀNG MINH	ANH	16-Feb-05	60130499	6	6C			NAM SÀI GÒN	
880	NGUYỄN PHÚC QUỲNH	ANH	02-Dec-05	60130502	6	6C			NAM SÀI GÒN	
881	PHAN NGUYỄN QUỲNH	ANH	28-Jun-05	60130981	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
882	PHẠM TẮT	ĐẠT	18-Jul-05	60130977	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
883	LÊ CẨM	DUYÊN	25-Sep-05	60130937	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
884	DƯƠNG KHẢI	HÂN	04-Dec-05	60130931	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
885	ĐÌNH THÚY	HIỀN	05-Feb-05	60130927	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
886	TRẦN QUÁN	HOÀNH	27-Mar-05	60130985	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
887	VŨ VĂN	KHOA	20-Aug-05	60130994	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
888	LÊ PHAN MINH	KHÔI	13-Dec-05	60130939	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
889	NGUYỄN THỊ HOÀNG	KIM	22-Oct-05	60130968	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
890	NGUYỄN ANH	KỶ	10-Jan-05	60130945	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
891	PHẠM THỊ HỒNG	LOAN	30-May-05	60130979	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
892	TRẦN THỊ TUYẾT	MINH	26-Nov-05	60130987	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
893	ĐÀO LÝ	MY	27-Jan-05	60130923	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
894	ĐÀO THỊ THU	NGÂN	20-Jun-05	60130924	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
895	LÊ NGUYỄN KIM	NGÂN	30-Sep-05	60130938	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
896	LƯ NGUYỄN THANH	NGÂN	17-Apr-05	60130942	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
897	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	NGỌC	01-Oct-05	60130972	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
898	HUỲNH THANH	NHÂN	12-Nov-05	60130935	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
899	NGUYỄN THẢO	NHI	03-Aug-05	60130967	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
900	PHÙNG NGỌC BẢO	NHI	21-May-05	60130983	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
901	VÕ NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	25-Feb-05	60130991	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
902	NGUYỄN TẤN	SANG	23-Mar-05	60130965	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
903	VÕ THANH	THẢO	10-Aug-05	60130992	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
904	ĐẶNG THANH	THIỆN	03-Mar-05	60130922	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
905	NGUYỄN HOÀNG	THƯ	25-Dec-05	60130950	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
906	DƯƠNG HỒNG	THY	27-Feb-05	60130930	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
907	ĐINH THỊ LAN	TRÂM	01-Nov-05	60130926	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
908	HOÀNG HƯƠNG	TRÂM	05-Sep-05	60130934	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
909	PHẠM MINH	TRÍ	01-Mar-05	60130975	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
910	NGÔ NGỌC LỆ	TRINH	11-Mar-05	60130943	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
911	NGUYỄN QUÝ	TRỌNG	04-Apr-05	60130963	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
912	TRẦN VĂN	TRUNG	05-Feb-05	60130988	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
913	NGUYỄN NGỌC	TUYỀN	04-May-05	60130959	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
914	NGUYỄN TRẦN MINH	VĂN	26-May-05	60130973	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
915	ĐINH NGỌC TƯỜNG	VY	02-Nov-05	60130925	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
916	PHẠM TRẦN YẾN	VY	07-Jun-05	60130980	6	6TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
917	NGUYỄN ĐỨC	AN	20-Dec-05	60129936	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
918	TRẦN NGUYỄN VÂN	ANH	30-Dec-05	60130023	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
919	TRẦN THUY	ANH	13-Dec-05	60130031	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
920	VÕ TRẦN PHƯƠNG	ANH	04-Sep-05	60130046	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
921	HUỲNH NGỌC BẢO	CHÂU	25-Sep-05	60129887	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
922	TRƯƠNG THÚY	DIỄM	06-May-05	60130033	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
923	HOÀNG LÊ	GIANG	07-Oct-05	60129876	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
924	CHÂU QUỲNH	GIAO	07-Sep-05	60129857	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
925	NGUYỄN ĐỨC TÓNG THÁI	HÀ	17-Aug-05	60129939	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
926	NGUYỄN MINH	HOÀNG	23-Sep-05	60129954	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
927	NGUYỄN ĐẮC PHI	HÙNG	11-Aug-05	60129934	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
928	LÊ NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	06-Oct-05	60129904	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
929	NGUYỄN ĐÌNH	KHANG	23-Aug-05	60129935	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
930	HỒ THỊ MỸ	KHÔI	02-Jun-05	60129872	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
931	TRẦN NGUYỄN VIỆT	KHÔI	23-Oct-05	60130024	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
932	LÊ OANH KHÁNH	LINH	21-Sep-06	60129907	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
933	LƯƠNG MỸ	LINH	29-Sep-05	60129920	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
934	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	11-Jan-05	60129972	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
935	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	23-Feb-05	60129947	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
936	NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	24-Feb-05	60129964	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
937	ĐẶNG KHANG	NINH	22-Nov-05	60129859	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
938	PHẠM MINH	QUÂN	20-Dec-05	60129989	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
939	NGUYỄN THỊ DIỄM	QUỲNH	15-Nov-05	60129971	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
940	ĐẶNG NGUYỄN TÂM	THÚ	19-Mar-05	60129862	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
941	NGUYỄN MAI QUỲNH	TRÂM	10-Oct-05	60129953	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
942	ĐIỀN KIM BẢO	TRÂN	25-Aug-05	60129866	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
943	PHẠM TẤN	TRÍ	19-Aug-05	60129991	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
944	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	VÂN	29-Aug-05	60129943	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
945	TRẦN VÕ TƯỜNG	VY	19-Jul-05	60130032	6	6TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
946	VƯƠNG HOÀI	AN	28-Nov-05	60133172	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
947	NGUYỄN CHÍNH	ÂN	22-Dec-05	60132915	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
948	NGUYỄN HOÀNG	ANH	13-Jun-05	60132930	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
949	PHAN THIÊN QUẾ	ANH	26-Jul-05	60133079	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
950	ĐOÀN MINH	ÁNH	26-Jul-05	60132797	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
951	ĐÀO PHAN MẠNH	CẨM	26-Feb-05	60132776	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
952	NGUYỄN HUỲNH BẢO	CHÂU	19-Sep-05	60132942	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
953	NGUYỄN NGỌC VÂN	ĐAN	09-Feb-05	60132974	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
954	ĐẶNG NGỌC THÙY	DƯƠNG	02-Nov-05	60132769	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
955	NGUYỄN LÊ THÙY	DƯƠNG	23-May-05	60132956	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
956	VÕ PHÚC ANH	DUY	26-Oct-05	60133158	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
957	NGUYỄN MINH	HÀ	25-Aug-05	60132964	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
958	NGUYỄN QUỲNH BẢO	HÂN	08-Jun-05	60132992	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
959	TRẦN HỢP GIA	HÂN	28-Sep-05	60133101	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
960	NGUYỄN PHẠM THANH	HIỀN	20-May-05	60132980	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
961	TRƯƠNG CÔNG GIA	HIẾU	11-Jan-05	60133140	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
962	PHAN THÀNH	HÙNG	27-Mar-05	60133076	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
963	NGUYỄN HUỲNH GIA	HUY	07-Sep-05	60132943	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
964	TRẦN NGỌC GIA	HUY	20-May-05	60133114	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
965	NGUYỄN DUY	KHANG	02-May-05	60132925	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
966	NGÔ VY	KHANH	26-May-05	60132905	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
967	ĐỖ TRỌNG	KHOA	17-Apr-05	60132792	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
968	HUỲNH NGỌC	KIÊM	14-Jun-05	60132835	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
969	TRẦN HUỲNH HẠ	LAM	25-Jul-05	60133104	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
970	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	LINH	24-Sep-05	60132971	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
971	NGUYỄN NGỌC	LONG	09-Apr-05	60132967	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
972	LÊ MINH	NGỌC	24-Apr-05	60132855	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
973	NGUYỄN THỊ KHÁNH	NGỌC	31-Jan-05	60132997	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
974	DIỆP THANH	NHÃ	13-Jan-05	60132780	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
975	NGUYỄN HUỲNH MÃN	NHI	08-Aug-05	60132944	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
976	LÊ TRẦN UYÊN	PHƯƠNG	08-Jul-05	60132873	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
977	NGÔ XUÂN	QUỲNH	31-Jul-05	60132906	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
978	NGUYỄN PHẠM KHÁNH	QUỲNH	15-Oct-05	60132979	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
979	TRẦN NGUYỄN ANH	TÀI	21-Oct-05	60133115	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
980	NGUYỄN LÊ ANH	THU	16-Feb-05	60132949	6	6tc1			NGUYỄN HỮU THỌ	
981	NGÔ GIA	BẢO	28-Apr-05	60129928	6	6TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
982	PHẠM THỊ THU	HÀ	27-Aug-05	60129992	6	6TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
983	NGUYỄN VŨ TRÍ	HIẾU	20-Oct-05	60129985	6	6TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
984	QUÁCH NGỌC	LONG	02-Jun-05	60130002	6	6TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
985	LƯƠNG NGUYỄN QUANG	MINH	01-Jan-05	60129921	6	6TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
986	NGUYỄN DUY	TÂN	30-Apr-05	60129940	6	6TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
987	NGUYỄN TRẦN ANH	THƯ	08-May-05	60129978	6	6TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
988	NGÔ MỸ	TÚ	13-Aug-05	60129930	6	6TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
989	LÝ HỒ THẢO	VY	15-Oct-05	60129927	6	6TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
990	PHẠM HOÀNG	ANH	07-Jan-05	60133036	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
991	PHẠM NGUYỄN HỒNG	ANH	06-Oct-05	60133046	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
992	PHẠM NGUYỄN TÚ	ANH	04-Jan-05	60133049	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
993	LÊ HẢI	ĐĂNG	08-Sep-05	60132846	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
994	DOÃN HOÀNG	ĐẠT	02-Mar-05	60132795	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
995	VÕ MINH	ĐỨC	21-Oct-05	60133154	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
996	LÊ ĐOÀN GIA	HÙNG	29-Oct-05	60132845	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
997	TRƯƠNG CÔNG	HÙNG	01-Nov-05	60133139	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
998	PHAN THANH	HUY	29-May-05	60133075	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
999	BÙI SỸ	KHA	26-Jan-05	60132759	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1000	LƯU TÚ	KHOA	26-Jan-05	60132884	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1001	HÀ PHƯỚC	KHÔI	17-Jun-05	60132814	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1002	NGÔ ĐÌNH	KHÔI	21-Jan-05	60132899	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1003	PHẠM NGUYỄN	KHÔI	27-Aug-05	60133045	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1004	TRẦN ĐỨC	MINH	07-Dec-05	60133098	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1005	DƯƠNG MINH BẢO	NGỌC	04-Jul-05	60132807	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1006	PHẠM MAI TÂM	PHÚC	22-Oct-05	60133041	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1007	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	16-Sep-05	60132931	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1008	TRẦN CAO TÚ	QUYÊN	11-Jun-05	60133096	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1009	LÊ PHƯỚC	SANG	16-Mar-05	60132864	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1010	ĐỖ MÃN	THIỆN	30-Mar-05	60132787	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1011	HỒ ĐỨC NHÂN	THIỆN	30-May-05	60132820	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1012	NGUYỄN XUÂN MINH	THƯ	02-Jun-05	60133030	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1013	NGUYỄN VŨ CẨM	TÚ	27-Sep-05	60133027	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1014	VÕ HUỠNH CẨM	TÚ	30-Aug-05	60133153	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1015	NGUYỄN LÊ BÁCH	TÙNG	14-Oct-05	60132950	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1016	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	05-Jun-05	60133002	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1017	TRẦN NGÔ PHƯƠNG	UYÊN	29-Aug-05	60133111	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1018	PHAN NHẬT UYÊN	VY	27-Feb-05	60133072	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1019	TRÁT HOÀNG YẾN	VY	27-Jul-05	60133134	6	6TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1020	TRẦN PHƯƠNG TRÀ	MY	10-Jan-05	60130026	6	6TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1021	NGUYỄN QUỐC BẢO	NGỌC	05-Sep-05	60129966	6	6TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1022	VÕ DOÃN NGHI	PHƯƠNG	02-Aug-05	60130036	6	6TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1023	TRẦN QUỐC	AN	16-Oct-05	60133124	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1024	HÀ TRUNG	ANH	27-Sep-05	60132815	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1025	LÝ HOÀNG BẢO	CHÂU	25-Apr-05	60132886	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1026	PHAN MẠNH	CƯỜNG	24-Oct-05	60133065	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1027	ĐỖ TẤN	ĐẠT	14-Jul-05	60132791	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1028	LÊ NGUYỄN ANH	DUY	08-Aug-05	60132859	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1029	NGUYỄN HẢI	DUY	20-May-05	60132926	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1030	NGUYỄN HUY	HOÀNG	04-Aug-05	60132941	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1031	HỒ ĐẶNG NHẬT	HÙNG	16-Apr-05	60132819	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1032	ĐOÀN QUANG	KHẢI	04-Jun-05	60132804	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1033	LÊ NHẬT	KHUYÊN	09-Mar-05	60132863	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1034	NGUYỄN NGỌC XUÂN	MAI	09-Apr-05	60132975	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1035	NGUYỄN LÊ NHẬT	MỸ	17-Oct-05	60132953	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1036	ĐOÀN NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	02-May-05	60132802	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1037	TRƯƠNG HOÀNG DIỄM	NGHI	23-Jul-05	60133141	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1038	HỒ ÁNH	NGỌC	18-Apr-05	60132817	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1039	LÊ NGUYỄN HỒNG	NGỌC	10-Sep-05	60132860	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1040	NGUYỄN BẢO	NGỌC	06-Oct-05	60132911	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1041	NGUYỄN LÊ LAM	NGỌC	01-Sep-05	60132952	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1042	HỒ PHƯƠNG	NHI	31-May-05	60132821	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1043	TRƯƠNG QUỲNH	NHU'	07-May-05	60133146	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1044	LÊ NGỌC HOÀNG	PHÚC	30-Sep-05	60132858	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1045	KHÔNG TIẾN	THÀNH	30-Jun-05	60132840	6	6TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1046	HUỲNH NGUYỄN KIM	NGÂN	18-Dec-05	60129889	6	6TC4			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1047	ĐINH HỒNG KIỆU	ĐOAN	02-Feb-05	60132781	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1048	ĐẶNG NGỌC MINH	HIẾU	11-Nov-05	60132768	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1049	MẬU HOÀNG	LINH	11-Sep-05	60132896	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1050	NGUYỄN TRẦN UYÊN	NHI	18-Aug-05	60133016	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1051	DƯƠNG TẤN	PHÁT	27-Jul-05	60132809	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1052	NGUYỄN BÙI THANH	PHƯƠNG	11-Sep-05	60132913	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1053	TRẦN QUANG HOÀNG	QUÂN	13-Mar-05	60133123	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1054	HOÀNG QUỐC	THÁI	07-Apr-05	60132827	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1055	NGUYỄN ĐỨC QUANG	THẮNG	12-Feb-05	60132924	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1056	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	08-Sep-05	60133052	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1057	TRỊNH THU	THẢO	12-May-05	60133136	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1058	NGUYỄN PHÚ	THIỆN	21-Aug-05	60132981	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1059	PHAN NGUYỄN THỦY	TIỀN	05-Mar-05	60133071	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1060	NGUYỄN MAI	TRÂM	27-Mar-05	60132959	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1061	CAO THANH BẢO	TRÂN	01-Oct-05	60132763	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1062	NGUYỄN ĐOÀN BẢO	TRÂN	20-Jun-05	60132922	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1063	VŨ CHIÊU	TRÂN	22-Sep-05	60133162	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1064	BÙI QUANG	TRÍ	20-Sep-05	60132757	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1065	LÊ HUỲNH XUÂN	TRÚC	05-Feb-05	60132854	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1066	NGUYỄN HỮU QUỐC	TRUNG	24-Apr-05	60132939	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1067	TRƯƠNG THIÊN	TUẤN	28-Feb-05	60133150	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1068	TUỞNG PHI	TÙNG	15-Dec-05	60133152	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1069	ĐẶNG NGUYỄN DUY	TUYÊN	23-Feb-05	60132770	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1070	ĐINH LÊ PHƯƠNG	UYÊN	05-Jun-05	60132782	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1071	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	23-Mar-05	60132972	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1072	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	03-Jul-05	60133119	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1073	NGÔ THÚY	VI	25-Feb-05	60132904	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1074	LÊ TUỜNG	VY	21-Mar-05	60132875	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1075	NGUYỄN NGÔ KHÁNH	VY	24-Aug-05	60132966	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1076	NGUYỄN TUỜNG	VY	01-May-05	60133023	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1077	QUÁCH NGỌC PHƯƠNG	VY	24-May-05	60133087	6	6TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1078	HOÀNG PHÚ	AN	11-Feb-05	60132826	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1079	LƯƠNG VŨ DÂN	AN	26-Mar-05	60132883	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1080	PHẠM ĐÌNH NAM	ANH	24-Aug-05	60133035	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1081	NGUYỄN LƯU THANH	BÌNH	20-Jan-15	60132958	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1082	NGUYỄN QUANG NHẬT	HẠ	21-Jul-05	60132990	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1083	TRƯƠNG NGỌC	HÂN	28-Aug-05	60133145	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1084	PHẠM NGUYỄN THIÊN	HƯƠNG	29-Dec-05	60133048	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1085	TRẦN NGUYỄN VƯƠNG	KHUÊ	10-Feb-05	60133122	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1086	PHẠM BẰNG	LĂNG	30-Dec-05	60133033	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1087	TẠ NHẬT	LONG	02-May-05	60133088	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1088	NGUYỄN PHẠM BẢO	NGỌC	16-May-05	60132978	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1089	TRỊNH YẾN	NHI	24-May-05	60133138	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1090	TRẦN THANH	PHONG	19-Jan-05	60133126	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1091	LỤC DUY MINH	QUÂN	20-Feb-05	60132879	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1092	LŨ ANH	TÀI	23-Mar-05	60132877	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1093	NGUYỄN VIỆT	THÁI	10-Oct-05	60133026	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1094	NGUYỄN THANH	THƯ	21-Dec-05	60132994	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1095	MAI PHAN MINH	TRÂN	02-Nov-05	60132892	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1096	VŨ TRẦN NGỌC	TRÂN	13-Jun-05	60133171	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1097	PHẠM MINH	TRÍ	16-Mar-05	60133042	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1098	TRẦN TỬ QUANG	TRÍ	11-Oct-05	60133130	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1099	PHAN THANH KHẢ	TÚ	23-May-05	60133077	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1100	LÊ HỒNG	TY	26-Aug-05	60132851	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1101	ĐINH THỊ PHƯƠNG	UYÊN	11-Jan-05	60132783	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1102	LÊ THẢO	VÂN	06-Jan-05	60132869	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1103	BÙI QUANG	VINH	12-May-05	60132758	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1104	ĐÀU THỊ KIM	YẾN	30-Aug-05	60132779	6	6TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1105	BÙI DUY	ANH	05-May-04	60143447	7	7			COLLETE	
1106	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NHI	24-Mar-04	60143452	7	7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1107	NGUYỄN NGỌC NHƯ	QUỲNH	30-Jan-04	60143457	7	7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1108	NGUYỄN THỊ	THÚY	13-Jul-04	60143450	7	7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1109	VÕ DIỆU	BANG	13-Nov-04	60143448	7	7			TRẦN QUỐC TUẤN	
1110	HUỲNH ĐỨC VINH	QUANG	04-Jun-04	60143449	7	7			TRẦN QUỐC TUẤN	
1111	PHẠM CAO THANH	THỦY	14-Aug-04	60143446	7	7			VSTAR	
1112	ĐẶNG MINH	AN	25-Mar-04	60130852	7	7.1			QUỐC TẾ CANADA	
1113	DƯƠNG GIA	BÌNH	29-May-04	60130855	7	7.1			QUỐC TẾ CANADA	
1114	TRƯƠNG MẠNH	HÙNG	28-Sep-04	60130874	7	7.1			QUỐC TẾ CANADA	
1115	LA NGỌC HÙNG	TÂM	05-Jan-04	60130858	7	7.1			QUỐC TẾ CANADA	
1116	NGUYỄN NGỌC	THÀNH	11-Sep-04	60130866	7	7.1			QUỐC TẾ CANADA	
1117	HUỲNH MINH	THƯ	04-Jan-04	60130857	7	7.1			QUỐC TẾ CANADA	
1118	NGUYỄN QUỲNH	ANH	24-Apr-04	60131184	7	7.1			SAO VIỆT	
1119	PHẠM GIA	BẢO	05-Dec-04	60131188	7	7.1			SAO VIỆT	
1120	NGUYỄN THỤY	KHANH	23-Nov-04	60131185	7	7.1			SAO VIỆT	
1121	NGUYỄN MINH	KHUÊ	14-Jan-04	60131180	7	7.1			SAO VIỆT	
1122	NGUYỄN ĐẮC KHÁNH	KIM	17-Dec-03	60131176	7	7.1			SAO VIỆT	
1123	NGUYỄN LÝ NHÃ	LINH	09-Oct-04	60131179	7	7.1			SAO VIỆT	
1124	DƯ TUẤN	NGUYỄN	06-Aug-04	60131163	7	7.1			SAO VIỆT	
1125	CAO TRANG	NHI	03-Jan-04	60131158	7	7.1			SAO VIỆT	
1126	TRẦN XUÂN	PHÚ	04-Jun-04	60131196	7	7.1			SAO VIỆT	
1127	GIANG HUỲNH NHẬT	THÙY	08-May-04	60131165	7	7.1			SAO VIỆT	
1128	GIANG NGỌC MINH	TRÍ	08-May-04	60131166	7	7.1			SAO VIỆT	
1129	DƯƠNG	CINDY	11-Jan-04	60130618	7	7.1			VIỆT ÚC	
1130	HOÀNG MINH	KHÔI	31-Aug-04	60130620	7	7.1			VIỆT ÚC	
1131	LÊ NGUYỆT MINH	ANH	08-Nov-04	60130861	7	7.2			QUỐC TẾ CANADA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1132	LUYỆN DỰ	HÂN	11-Sep-04	60130862	7	7.2			QUỐC TẾ CANADA	
1133	HỒ CÔNG	KHOA	21-Jul-04	60130856	7	7.2			QUỐC TẾ CANADA	
1134	NGUYỄN BẢO	LÂM	18-Dec-04	60130864	7	7.2			QUỐC TẾ CANADA	
1135	NGUYỄN ĐẶNG NGỌC	MINH	09-Jun-04	60130865	7	7.2			QUỐC TẾ CANADA	
1136	NGUYỄN NGỌC XUÂN	NGHI	25-May-04	60131594	7	7.2			QUỐC TẾ CANADA	
1137	NGUYỄN NHẬT	QUANG	11-Jan-04	60130867	7	7.2			QUỐC TẾ CANADA	
1138	OH	TAEMIN	06-Jun-02	60130869	7	7.2			QUỐC TẾ CANADA	
1139	NGUYỄN THỊ YẾN	VY	29-May-04	60130868	7	7.2			QUỐC TẾ CANADA	
1140	ĐẶNG QUỐC	ANH	24-Feb-04	60131160	7	7.2			SAO VIỆT	
1141	DƯƠNG GIA	BẢO	19-Mar-04	60131164	7	7.2			SAO VIỆT	
1142	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	11-Sep-04	60131182	7	7.2			SAO VIỆT	
1143	TRẦN VŨ	HIỆP	14-Oct-04	60131195	7	7.2			SAO VIỆT	
1144	NGUYỄN	HOÀNG	24-Sep-04	60131175	7	7.2			SAO VIỆT	
1145	LÊ DIÊN	KHANG	26-Mar-04	60131172	7	7.2			SAO VIỆT	
1146	ĐỖ ANH	KHOA	03-Sep-04	60131162	7	7.2			SAO VIỆT	
1147	DIỆP NIỆM	MÃN	18-Aug-04	60131161	7	7.2			SAO VIỆT	
1148	TRẦN HẠO	NHIÊN	07-Nov-04	60131190	7	7.2			SAO VIỆT	
1149	LÂM HỒNG	PHÁT	04-Jan-04	60131171	7	7.2			SAO VIỆT	
1150	TRẦN BẰNG	PHI	07-Nov-04	60131189	7	7.2			SAO VIỆT	
1151	HUỲNH NGÔ NHẬT	QUANG	12-Jul-04	60131170	7	7.2			SAO VIỆT	
1152	NGUYỄN LÊ THẠCH	THẢO	06-Oct-04	60131178	7	7.2			SAO VIỆT	
1153	TRẦN LƯU QUANG	TÙNG	15-Sep-03	60131193	7	7.2			SAO VIỆT	
1154	GIANG TÙNG	DƯƠNG	06-Nov-04	60130619	7	7.2			VIỆT ÚC	
1155	LÂM VŨ XUÂN	GIANG	03-Nov-04	60130621	7	7.2			VIỆT ÚC	
1156	NGUYỄN SAO	MAI	29-Sep-04	60130627	7	7.2			VIỆT ÚC	
1157	LÊ ĐỨC	ANH	13-Feb-04	60130859	7	7.3			QUỐC TẾ CANADA	
1158	PHAN	HUỲNH	03-Sep-04	60130871	7	7.3			QUỐC TẾ CANADA	
1159	LÊ HOÀNG	KHÔI	27-Nov-04	60130860	7	7.3			QUỐC TẾ CANADA	
1160	VÕ NGUYỄN VIỆT	LINH	04-Sep-04	60130875	7	7.3			QUỐC TẾ CANADA	
1161	NGÔ KHÁNH	QUÂN	05-Sep-04	60130863	7	7.3			QUỐC TẾ CANADA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1162	HUỲNH LÊ PHÚC	KHANG	16-Aug-04	60131107	7	7.3			SAO VIỆT	
1163	ĐỒNG ĐỨC	MẠNH	02-Oct-04	60131106	7	7.3			SAO VIỆT	
1164	PHẠM CHÍ	ĐẠT	02-Jan-04	60130628	7	7.3			VIỆT ÚC	
1165	LÊ NGUYỄN	HƯƠNG	02-Apr-04	60130622	7	7.3			VIỆT ÚC	
1166	TRẦN HOÀNG	LONG	29-Sep-04	60131191	7	7.4			SAO VIỆT	
1167	HUỲNH KỲ NGỌC	NHI	22-Aug-04	60131169	7	7.4			SAO VIỆT	
1168	NGUYỄN NGỌC	TUẤN	09-Oct-04	60131181	7	7.4			SAO VIỆT	
1169	LŨ XUÂN	MAI	17-Jan-04	60130623	7	7.4			VIỆT ÚC	
1170	LƯƠNG ÁI	NHI	12-Feb-04	60130624	7	7.4			VIỆT ÚC	
1171	LIÊU HỒNG	ĐĂNG	05-Jul-04	60130515	7	7A			NAM SÀI GÒN	
1172	NGUYỄN QUÝ	DUY	14-Dec-04	60130516	7	7A			NAM SÀI GÒN	
1173	TRIỆU TÂN MÃN	KHANG	10-Oct-04	60130518	7	7A			NAM SÀI GÒN	
1174	ĐỖ HẢI	PHONG	28-Sep-04	60130510	7	7A			NAM SÀI GÒN	
1175	NGUYỄN VÕ QUỲNH	ANH	02-Apr-04	60129811	7	7A1			ĐÌNH THIÊN LÝ	
1176	LÊ VŨ MINH	ĐĂNG	15-Jun-04	60129798	7	7A1			ĐÌNH THIÊN LÝ	
1177	CHÂU PHƯỚC	ĐẠT	03-Jan-04	60130650	7	7A1			ĐÌNH THIÊN LÝ	
1178	BÙI AN	KHÁNH	12-Jul-04	60129789	7	7A1			ĐÌNH THIÊN LÝ	
1179	NGUYỄN QUANG	LÂM	30-Jan-04	60129809	7	7A1			ĐÌNH THIÊN LÝ	
1180	VÕ PHƯƠNG	UYÊN	01-Nov-04	60129824	7	7A1			ĐÌNH THIÊN LÝ	
1181	LÊ MINH	AN	04-Jul-04	60130547	7	7A1			NGUYỄN HIỀN	
1182	HUỲNH NHẬT	HÒA	04-Jul-04	60130546	7	7A1			NGUYỄN HIỀN	
1183	PHAN MINH	HƯƠNG	21-Jan-04	60130551	7	7A1			NGUYỄN HIỀN	
1184	ĐẶNG NGỌC ÁNH	LINH	04-Jul-04	60130544	7	7A1			NGUYỄN HIỀN	
1185	TRẦN HẢI	LINH	23-Aug-04	60130553	7	7A1			NGUYỄN HIỀN	
1186	ĐỖ THỊ KIM	NGÂN	04-Jul-04	60130545	7	7A1			NGUYỄN HIỀN	
1187	NGUYỄN BÁ DUY	QUANG	04-Jul-04	60130548	7	7A1			NGUYỄN HIỀN	
1188	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRẦN	04-Jul-04	60130549	7	7A1			NGUYỄN HIỀN	
1189	TÔ MỸ	UYÊN	09-Jun-04	60130552	7	7A1			NGUYỄN HIỀN	
1190	NGUYỄN HỒ VÂN	ANH	12-Jan-04	60133298	7	7A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1191	NGUYỄN NGỌC	HÂN	19-Jan-04	60133326	7	7A1			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1192	CAO LÊ THẢO	MY	04-Nov-04	60133177	7	7A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1193	HỒ NGỌC	NGÂN	12-Oct-04	60133212	7	7A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1194	TRẦN THỊ NGỌC	NGÂN	18-Feb-04	60133449	7	7A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1195	VŨ MINH	NGỌC	28-Feb-04	60133480	7	7A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1196	HUỲNH ANH	PHÚC	16-Jul-04	60133218	7	7A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1197	HOÀNG LÊ THANH	THẢO	13-May-04	60133216	7	7A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1198	NGUYỄN THẠCH NGỌC	TRÂM	14-Aug-04	60133357	7	7A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1199	TRẦN NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VÂN	30-Jul-04	60133437	7	7A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1200	CAO MINH	MÃN	22-Feb-04	60130801	7	7a1			PHẠM HỮU LẦU	
1201	HỒNG LAM	NGUYỄN	24-Sep-04	60130805	7	7a1			PHẠM HỮU LẦU	
1202	ĐOÀN LONG	VŨ	02-May-04	60130803	7	7a1			PHẠM HỮU LẦU	
1203	NGUYỄN KIM HIỀN	KHANH	16-Aug-04	60131028	7	7A1			TRẦN QUỐC TUẤN	
1204	TRẦN ANH	KIỆT	20-Aug-04	60131049	7	7A1			TRẦN QUỐC TUẤN	
1205	TRƯƠNG NGUYỄN XUÂN	MAI	10-Feb-04	60131054	7	7A1			TRẦN QUỐC TUẤN	
1206	HUỲNH CÔNG	MINH	16-Jan-04	60131007	7	7A1			TRẦN QUỐC TUẤN	
1207	DIỆP NGUYỄN HOÀNG	NAM	10-Dec-04	60131001	7	7A1			TRẦN QUỐC TUẤN	
1208	HOÀNG TRỌNG	PHÚC	12-Nov-04	60131006	7	7A1			TRẦN QUỐC TUẤN	
1209	PHẠM ANH	TIẾN	14-Jul-04	60131041	7	7A1			TRẦN QUỐC TUẤN	
1210	NGUYỄN QUỐC	TRUNG	04-Dec-04	60131034	7	7A1			TRẦN QUỐC TUẤN	
1211	PHẠM HỒNG	XUYẾN	03-Jul-04	60131042	7	7A1			TRẦN QUỐC TUẤN	
1212	DƯ' ĐẶNG MỸ	ANH	12-Dec-04	60130724	7	7A10			NGUYỄN THỊ THẬP	
1213	NGUYỄN LÂM ANH	DUY	06-Dec-04	60130731	7	7A10			NGUYỄN THỊ THẬP	
1214	TRẦN GIA	HÂN	14-Oct-04	60130741	7	7A10			NGUYỄN THỊ THẬP	
1215	NGUYỄN NGỌC UYÊN	NHI	04-Mar-04	60130732	7	7A10			NGUYỄN THỊ THẬP	
1216	TRẦN THANH YẾN	NHI	25-Oct-04	60130743	7	7A10			NGUYỄN THỊ THẬP	
1217	HỒ MINH	TIẾN	18-Mar-04	60130725	7	7A10			NGUYỄN THỊ THẬP	
1218	NGUYỄN THU	TRANG	13-Feb-04	60130735	7	7A10			NGUYỄN THỊ THẬP	
1219	BÙI THỊ THANH	TRÚC	29-Jan-04	60130721	7	7A10			NGUYỄN THỊ THẬP	
1220	MAI MINH	ANH	15-Dec-04	60129799	7	7A2			ĐÌNH THIÊN LÝ	
1221	PHẠM GIA	BÁCH	07-Jul-04	60129813	7	7A2			ĐÌNH THIÊN LÝ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1222	TRẦN THẢO	DUNG	05-Dec-04	60129819	7	7A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1223	VÕ MINH	DUY	03-Sep-04	60129823	7	7A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1224	LÊ VIỆT	HẢI	27-Jul-04	60129796	7	7A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1225	TRỊNH LÊ QUANG	HẢI	03-Feb-04	60129821	7	7A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1226	DƯƠNG KHIẾT	HÂN	19-Oct-04	60129791	7	7A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1227	LÊ NGỌC VÂN	KHANH	28-Jan-04	60129794	7	7A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1228	PHẠM TUẤN	KIỆT	18-Jun-04	60129814	7	7A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1229	NGUYỄN HÀ NHẬT	LINH	14-Sep-04	60129803	7	7A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1230	TRẦN NGỌC BẢO	NGHI	29-Mar-04	60129816	7	7A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1231	TRẦN NHƯ BẢO	NGỌC	10-Sep-04	60129818	7	7A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1232	VƯƠNG BÌNH	NGUYỄN	25-Oct-04	60129825	7	7A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1233	LÊ VŨ HOÀNG	PHƯƠNG	25-Nov-04	60129797	7	7A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1234	NGÔ NGỌC MINH	THƯ	02-Sep-04	60129800	7	7A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1235	LÊ HỮU	TRÍ	06-May-04	60129793	7	7A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1236	NGUYỄN HÀ	VY	04-May-04	60129802	7	7A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1237	VÕ LÊ BẢO	VY	06-May-04	60129822	7	7A2			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1238	ĐẶNG VIỆT	CƯỜNG	21-Oct-04	60130384	7	7a2			HUỲNH TẤN PHÁT	
1239	NGUYỄN TẤN	VINH	28-Jul-04	60130398	7	7a2			HUỲNH TẤN PHÁT	
1240	NGUYỄN TẤN	BẢO	24-Oct-04	60133354	7	7A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1241	HỒ NGUYỄN	ĐỨC	03-Mar-04	60133214	7	7A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1242	TRỊNH TRỌNG	HIẾU	15-Jun-04	60133462	7	7A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1243	NGUYỄN HOÀNG ĐĂNG	KHOA	30-Sep-04	60133306	7	7A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1244	TẠ NGUYỄN THANH	NHI	2-Feb-04	60133413	7	7A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1245	NGUYỄN TẤN	PHÁT	26-Sep-04	60133355	7	7A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1246	PHAN XUÂN	THÁI	01-Dec-04	60133409	7	7A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1247	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	17-Nov-04	60133342	7	7A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1248	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	29-May-04	60133352	7	7A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1249	MAI XUÂN	TRUNG	09-Jun-04	60130808	7	7a2			PHẠM HỮU LẦU	
1250	NGÔ ĐỨC	ANH	22-Nov-04	60131020	7	7A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
1251	NGUYỄN SƠN	HẢI	21-May-04	60131036	7	7A2			TRẦN QUỐC TUẤN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1252	TRẦN NGUYỄN QUANG	KHÁNH	04-Oct-04	60129817	7	7A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1253	CHU LÊ BẢO	LÂN	29-Jan-04	60129790	7	7A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1254	HUỲNH HOÀNG	PHÚC	17-Apr-04	60129792	7	7A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1255	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	CHI	03-Oct-04	60130394	7	7a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1256	NGUYỄN QUỐC	CÔNG	22-Nov-04	60130397	7	7a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1257	PHẠM TRUNG	ĐỨC	30-Aug-04	60130400	7	7a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1258	PHAN THỊ MỸ	DUYÊN	12-Apr-04	60130401	7	7a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1259	BÙI XUÂN MINH	HOÀNG	20-Mar-04	60130383	7	7a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1260	TRƯƠNG NGỌC	LINH	05-Nov-04	60130404	7	7a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1261	HUỲNH THU	MINH	05-Sep-04	60130386	7	7a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1262	NGUYỄN HOÀNG	MINH	16-Oct-04	60130392	7	7a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1263	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	NGHI	30-Apr-04	60130403	7	7a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1264	NGUYỄN ÁNH BẢO	NGUYỄN	26-Mar-04	60130391	7	7a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1265	NGÔ THANH YẾN	NHI	03-Jan-04	60130389	7	7a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1266	NGUYỄN VINH	QUANG	23-Jun-04	60130399	7	7a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1267	LƯU TRƯƠNG THẾ	QUYÊN	10-Aug-04	60130388	7	7a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1268	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	21-Jun-04	60130396	7	7a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1269	NGUYỄN ÁNH	TUYẾT	09-Jun-04	60130390	7	7a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1270	VŨ HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	05-Mar-04	60130405	7	7a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1271	NGUYỄN HƯƠNG	VI	24-Jan-04	60130393	7	7a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1272	TRẦN THÁI	TÚ	02-Dec-04	60130815	7	7a3			PHẠM HỮU LẦU	
1273	NGUYỄN MINH	TRÂM	29-Jan-04	60129806	7	7A4			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1274	ĐỖ ĐẶNG NHẬT	ANH	12-Jul-04	60133502	7	7A4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1275	NGUYỄN PHÚC	BẢO	24-Jun-04	60133569	7	7A4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1276	VŨ YẾN	NHI	16-Jan-04	60133630	7	7A4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1277	VÕ TẤN	PHÁT	24-Apr-04	60133624	7	7A4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1278	TRẦN NGUYỄN TIỀN	THÀNH	30-Mar-04	60133615	7	7A4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1279	NGUYỄN HÙNG ANH	DŨNG	05-Nov-04	60130810	7	7a4			PHẠM HỮU LẦU	
1280	CAO TRỌNG	TÍN	17-Mar-04	60130802	7	7a4			PHẠM HỮU LẦU	
1281	TRẦN VĨNH PHÚ	KHANG	07-Dec-04	60129820	7	7A5			ĐÌNH THIỆN LÝ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1282	ĐÀO NGUYỄN KIỀU	ANH	14-Aug-04	60133184	7	7A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1283	LÊ NGUYỄN TRÂM	ANH	20-Dec-04	60133255	7	7A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1284	NGUYỄN QUỐC	ANH	17-Jun-04	60133347	7	7A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1285	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	21-Mar-04	60133320	7	7A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1286	HÀ KỶ	DUYÊN	24-Apr-04	60133210	7	7A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1287	PHAN TRẦN BẢO	HÂN	31-Jan-04	60133407	7	7A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1288	MAI TUẤN	KHANH	06-Oct-04	60133270	7	7A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1289	LÊ ĐÌNH QUỐC	KHÁNH	02-Sep-04	60133232	7	7A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1290	HUỲNH BÙI NGỌC	KHOA	07-May-04	60133220	7	7A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1291	TRẦN HY	LỢI	13-Jul-04	60133427	7	7A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1292	DƯƠNG THẢO	MY	08-Mar-04	60133208	7	7A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1293	PHẠM THỊ BÍCH	NGỌC	17-Mar-04	60133399	7	7A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1294	NGUYỄN THỊ CẨM	NHU'	27-Jan-04	60133363	7	7A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1295	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	21-Feb-04	60133366	7	7A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1296	LÊ THỊ HOÀNG	QUYÊN	20-Jan-04	60133262	7	7A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1297	NGÔ TẤN	TÀI	10-Jan-04	60133277	7	7A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1298	ĐÌNH THỊ HOÀI	THƯƠNG	22-Dec-04	60133191	7	7A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1299	TRẦN QUỐC	TIẾN	2-Oct-04	60133443	7	7A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1300	PHẠM MINH	TRÍ	28-Jan-04	60133391	7	7A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1301	LÊ PHƯƠNG	UYÊN	29-Feb-04	60133257	7	7A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1302	TRẦN VŨ TƯỜNG	VÂN	10-Jan-04	60133456	7	7A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1303	HỒ HOÀNG	DƯỠC	12-Apr-04	60130804	7	7a5			PHẠM HỮU LẦU	
1304	PHẠM THỊ MINH	HIỀN	01-Jun-04	60130814	7	7a5			PHẠM HỮU LẦU	
1305	NGUYỄN LÊ BẢO	NGỌC	24-Nov-04	60130811	7	7a5			PHẠM HỮU LẦU	
1306	LÊ QUANG THÁI	SƠN	09-Apr-04	60130807	7	7a5			PHẠM HỮU LẦU	
1307	NGUYỄN QUỲNH PHƯƠNG	VY	29-Jan-04	60130812	7	7a5			PHẠM HỮU LẦU	
1308	NGUYỄN ĐỖ NGUYỄN	KHÔI	11-Jun-04	60131023	7	7A5			TRẦN QUỐC TUẤN	
1309	PHẠM NGỌC BẢO	TRÂM	18-Oct-04	60131044	7	7A5			TRẦN QUỐC TUẤN	
1310	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	28-Oct-04	60129810	7	7A6			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1311	NGUYỄN ĐẮC CHÂU	MINH	18-Jan-04	60129801	7	7A6			ĐÌNH THIỆN LÝ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1312	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	23-Mar-04	60133356	7	7A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1313	NGUYỄN KIM KỶ	DUYÊN	05-Jul-04	60133312	7	7A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1314	LÊ QUỐC	HUNG	07-May-04	60133259	7	7A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1315	LÝ TIÊU	MÃN	17-May-04	60133268	7	7A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1316	VƯƠNG QUÍ	MÃN	7-Aug-04	60133484	7	7A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1317	TRƯƠNG KIM	THƯ	15-Apr-04	60133466	7	7A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1318	TRẦN CẨM	TIÊN	02-Dec-04	60133419	7	7A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1319	ĐINH BẢO	TOÀN	29-Jul-04	60133186	7	7A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1320	VŨ HỒ UYÊN	TRANG	20-Mar-04	60133479	7	7A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1321	TRƯƠNG HỒNG KHÁNH	VI	04-Jun-04	60133463	7	7A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1322	NGUYỄN THỊ THANH	VY	15-Aug-04	60133370	7	7A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1323	PHẠM MẠNH	CƯỜNG	31-Jan-04	60131043	7	7A6			TRẦN QUỐC TUẤN	
1324	TRẦN THANH	HẬU	08-Jun-04	60133446	7	7A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1325	TRẦN NGUYỄN NGUYỄN	KHÔI	02-Nov-03	60133438	7	7A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1326	NGUYỄN TRƯỞNG TRÀ	MY	10-Sep-04	60133379	7	7A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1327	NGUYỄN NGỌC BÍCH	TRÂM	11-Sep-04	60133331	7	7A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1328	NGUYỄN VŨ HỒNG	TRÂN	05-Oct-04	60133388	7	7A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1329	PHẠM THỊ QUẾ	TRÂN	31-Oct-04	60133400	7	7A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1330	LÊ HIỀN	VINH	05-Jul-04	60133238	7	7A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1331	LÊ NGỌC	VŨ	01-Jul-04	60133249	7	7A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1332	PHẠM TUẤN	HUNG	17-Dec-04	60130739	7	7A7			NGUYỄN THỊ THẬP	
1333	TRẦN GIA	HUY	15-Apr-04	60130740	7	7A7			NGUYỄN THỊ THẬP	
1334	VŨ TRẦN QUANG	MINH	19-Nov-04	60130746	7	7A7			NGUYỄN THỊ THẬP	
1335	NUYỄN MINH	NGUYỆT	24-Aug-04	60130738	7	7A7			NGUYỄN THỊ THẬP	
1336	ĐỖ THÀNH	NHÂN	25-Nov-04	60130723	7	7A7			NGUYỄN THỊ THẬP	
1337	VŨ THỊ THANH	THẢO	21-Oct-04	60130745	7	7A7			NGUYỄN THỊ THẬP	
1338	TRẦN NGUYỄN THỦY	TIÊN	25-Apr-04	60130742	7	7A7			NGUYỄN THỊ THẬP	
1339	BÙI VƯƠNG TÂM	ANH	21-Oct-04	60130722	7	7A9			NGUYỄN THỊ THẬP	
1340	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	25-Mar-04	60130730	7	7A9			NGUYỄN THỊ THẬP	
1341	VŨ THÀNH	TÀI	08-Dec-04	60130744	7	7A9			NGUYỄN THỊ THẬP	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1342	NGUYỄN TRIỆU NGỌC	THANH	8-Nov-04	60130736	7	7A9			NGUYỄN THỊ THẬP	
1343	NGUYỄN PHÚC	THỊNH	02-Feb-04	60130733	7	7A9			NGUYỄN THỊ THẬP	
1344	LŨ HOÀNG MINH	HUY	23-Jul-04	60130514	7	7B			NAM SÀI GÒN	
1345	ĐỖ MINH	TRÍ	28-Feb-04	60130511	7	7B			NAM SÀI GÒN	
1346	THÂN TRỌNG	AN	27-Jun-04	60131048	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1347	ĐẶNG ÁNH MINH	ANH	21-Nov-04	60130999	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1348	HOÀNG BĂNG	BĂNG	01-Sep-04	60131005	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1349	VÕ HUỲNH CHI	BẢO	24-Nov-04	60131055	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1350	BÀNH GIA	BẢO	29-Dec-04	60130995	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1351	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	16-Sep-04	60131039	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1352	TRẦN XUÂN	DIỆU	05-Dec-04	60131053	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1353	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUYÊN	29-Dec-04	60131038	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1354	NGUYỄN NGỌC MỸ	HÀ	16-Oct-04	60131030	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1355	HÀ GIA	HÂN	15-Feb-04	60131002	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1356	LÊ NGỌC BẢO	HÂN	31-Mar-04	60131012	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1357	HUỲNH PHÚC THIÊN	HĂNG	05-May-04	60131008	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1358	NGUYỄN HUỲNH THANH	HUYỀN	18-Mar-04	60131027	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1359	NGUYỄN GIA	KHANG	13-May-04	60131024	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1360	HỒ TUẤN	KIỆT	31-Mar-04	60131004	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1361	NGUYỄN NGỌC ÁNH	LINH	15-Jan-04	60131029	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1362	NGUYỄN QUỐC	LONG	20-Jan-04	60131035	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1363	LÊ PHÚ	MỸ	21-Sep-04	60131014	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1364	NGUYỄN HOÀNG	NAM	24-Dec-04	60131025	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1365	BÙI HOÀI THANH	NGÂN	07-Aug-04	60130996	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1366	TRẦN CHÍ	NGHỊ	16-Jul-04	60131050	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1367	PHAN HUỲNH BẢO	NGỌC	06-Jun-04	60131045	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1368	NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	22-Nov-04	60131037	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1369	BÙI LÊ KHÁNH	NHẬT	27-Mar-04	60130997	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1370	NGÔ NGỌC	NHI	05-Aug-04	60131021	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1371	VÕ YẾN	NHI	13-Sep-04	60131056	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1372	LÊ PHÚC MINH	SƠN	06-Jul-04	60131015	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1373	HUỲNH TẤN	TÀI	16-Apr-04	60131009	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1374	VŨ NHẬT	TÂN	15-Oct-04	60131058	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1375	PHAN NGỌC	THẢO	16-Mar-04	60131046	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1376	NGUYỄN HỒNG PHƯỚC	THỊNH	18-May-04	60131026	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1377	TRẦN THỊ KIM	THU	26-Feb-04	60131052	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1378	LÊ ĐẶNG KIM	THỦY	01-Feb-04	60131010	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1379	CAO THANH	TRÀ	13-Apr-04	60130998	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1380	NGUYỄN VIỆT BẢO	TRÍ	19-Dec-04	60131040	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1381	TRẦN ĐÌNH	TRÍ	16-Feb-04	60131051	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1382	NGUYỄN QUÍ	TRỌNG	12-Oct-04	60131033	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1383	LƯƠNG NGỌC THANH	TRÚC	06-Feb-04	60131017	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1384	LƯƠNG PHÙNG THANH	TRÚC	29-Jun-04	60131018	7	7TC			TRẦN QUỐC TUẤN	
1385	NGÔ THỊ THÙY	AN	13-Dec-04	60130097	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1386	PHẠM THỊ HẢI	AN	08-Feb-04	60130155	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1387	ĐỖ HUYỀN	ANH	10-Aug-04	60130061	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1388	LÊ MỸ	ANH	01-May-04	60130086	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1389	LÊ NGUYỄN LÂM	ANH	29-Sep-04	60130087	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1390	NGUYỄN HOÀNG VÂN	ANH	21-Jul-04	60130107	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1391	HUỲNH QUỐC	BẢO	07-Oct-04	60130074	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1392	TRẦN LÊ GIA	BẢO	03-Aug-04	60130164	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1393	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	18-Feb-04	60130121	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1394	TRẦN HOÀNG BẢO	CHÂU	05-Mar-04	60130163	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1395	TRẦN HẢI	ĐĂNG	12-May-04	60130161	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1396	NGUYỄN CHU BẢO	HÂN	26-Mar-04	60130098	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1397	BÙI CHÍ	HÀO	26-Sep-04	60130048	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1398	LÊ GIA	HUY	07-Jul-04	60130082	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1399	HUỲNH MINH	KHA	21-Oct-04	60130073	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1400	LÊ UYÊN	KHANH	06-Mar-04	60130091	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1401	TRẦN GIA	KHANH	12-Jan-04	60130160	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1402	TRẦN TRƯỞNG BẢO	KHIÊM	28-Mar-04	60130174	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1403	LÊ ĐĂNG	KHOA	17-Sep-04	60130079	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1404	HOÀNG TRUNG	KIÊN	31-Jan-04	60130070	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1405	TRƯƠNG ANH	KIỆT	13-Nov-04	60130177	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1406	TRẦN THỊ THÙY	LINH	01-Feb-04	60130173	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1407	NGUYỄN KHÁNH	NHẬT	02-Dec-04	60130113	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1408	NGUYỄN HUỲNH YẾN	NHI	03-Sep-04	60130112	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1409	VŨ NGỌC YẾN	NHI	08-Jun-04	60130182	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1410	HUỲNH GIA	PHÁT	31-Jan-04	60130071	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1411	HUỲNH TẤN	PHÁT	27-Aug-04	60130075	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1412	PHẠM HỮU	PHƯỚC	27-Mar-04	60130147	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1413	TRẦN LÊ TRÚC	PHƯƠNG	29-Dec-04	60130165	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1414	NGUYỄN MINH	QUANG	31-Mar-04	60130116	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1415	NGUYỄN THỊ THÁI	THANH	06-Jan-04	60130139	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1416	NGUYỄN PHÚ NGUYỄN	THẢO	03-Nov-04	60130126	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1417	NGUYỄN ĐỨC	THIỆN	08-Jul-04	60130103	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1418	ĐẶNG NGỌC ANH	THƯ	02-Aug-04	60130055	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1419	NGÔ ANH	THƯ	23-Jul-04	60130093	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1420	VÕ PHAN ANH	THƯ	04-Jan-04	60130180	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1421	TRẦN VÕ HỒNG	THUẬN	27-Oct-04	60130176	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1422	LÊ ĐĂNG ANH	THY	08-Jan-04	60130080	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1423	TRẦN NGUYỄN THANH	VY	05-Dec-04	60130170	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1424	TRẦN NGUYỄN TƯỜNG	VY	19-May-04	60130171	7	7TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1425	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	17-Sep-04	60133338	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1426	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	05-Feb-04	60133344	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1427	NGUYỄN HOÀNG	BÁCH	18-Dec-04	60133302	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1428	NGUYỄN NGỌC	BÁCH	19-Sep-04	60133328	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1429	VƯƠNG MỸ	CHÂU	28-Mar-04	60133483	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1430	ĐỒNG THỊ QUỲNH	CHI	21-Jun-04	60133205	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1431	LÊ NGỌC PHƯƠNG	CHI	08-Aug-04	60133250	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1432	TRẦN MẠNH	CƯỜNG	04-Jul-04	60133431	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1433	NGUYỄN MINH	ĐĂNG	23-Feb-04	60133322	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1434	NGÔ QUỐC	DUY	26-Aug-04	60133276	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1435	VÕ NGUYỆT NAM	HÒA	11-Nov-04	60133473	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1436	NGUYỄN QUANG	HUY	08-Dec-04	60133346	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1437	TRẦN MINH	KHANG	22-Dec-04	60133434	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1438	ĐỖ MINH	KHOA	10-Oct-04	60133196	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1439	HUỖNH DUY	KIỆT	14-Jun-04	60133222	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1440	NGÔ HIỂU	LINH	19-Oct-04	60133272	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1441	TRẦN ĐÌNH TRÚC	LINH	19-Jul-04	60133421	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1442	LÊ XUÂN BẢO	LỘC	30-Sep-04	60133266	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1443	NGUYỄN HOÀNG	LONG	15-Nov-04	60133303	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1444	NGUYỄN LÊ CÔNG	MINH	17-Oct-04	60133315	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1445	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHẬT	28-Mar-04	60133365	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1446	TRẦN ĐÌNH TRÚC	NHI	19-Jul-04	60133422	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1447	ĐẶNG THANH	PHƯƠNG	03-Dec-04	60133183	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1448	LÊ ĐỨC	PHƯƠNG	12-Apr-04	60133235	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1449	LÊ HỒNG	PHƯƠNG	02-Mar-04	60133244	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1450	TRẦN LƯU ANH	QUÂN	22-May-04	60133430	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1451	NGUYỄN CÔNG	SƠN	31-Jul-04	60133283	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1452	PHẠM THANH	THẢO	25-Dec-04	60133397	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1453	NGUYỄN TRÍ	THÔNG	23-Dec-04	60133377	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1454	HUỖNH NGUYỄN MINH	THƯ	17-Feb-04	60133226	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1455	NGUYỄN HỒ BẢO	THY	29-Apr-04	60133295	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1456	LÊ ĐỨC	TÍN	13-Jul-04	60133236	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1457	HUỖNH BẢO	TRÂM	01-Jan-04	60133219	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1458	LÊ HUỖNH THANH	TRÚC	02-Sep-04	60133247	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1459	TRẦN NGUYỄN THIÊN	TRÚC	07-Dec-04	60133440	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1460	LÂM ANH	TUYỀN	02-Dec-04	60133229	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1461	TRẦN THỊ THANH	TUYỀN	14-May-04	60133451	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1462	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	21-Jun-04	60133435	7	7TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1463	NGÔ HUỲNH THẾ	ANH	04-Feb-04	60130094	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1464	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	18-Aug-04	60130129	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1465	PHẠM MINH	ANH	14-May-04	60130151	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1466	NGUYỄN QUỐC	BẢO	23-Oct-04	60130130	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1467	NGUYỄN THỊ HỒNG	ĐÀO	24-Aug-04	60130135	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1468	CAO THỊ KIỀU	DIỄM	06-Nov-04	60130052	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1469	PHẠM THÀNH	DUY	10-Nov-04	60130154	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1470	PHẠM LÊ THIÊN	HẢO	12-May-04	60130149	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1471	NGUYỄN HUỲNH TRUNG	HIẾU	04-Dec-04	60130111	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1472	LÊ NGUYỄN NGỌC	HƯƠNG	10-Sep-04	60130088	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1473	LÂM MINH	HUY	16-Jan-04	60130077	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1474	NGUYỄN ĐẶNG ĐỨC	HUY	13-Jul-04	60130100	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1475	NGUYỄN NGỌC QUỐC	HUY	09-Oct-04	60130122	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1476	TRẦN NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	06-Dec-04	60130169	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1477	PHẠM NGUYỄN TRÍ	LÂM	22-Dec-04	60130153	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1478	NGÔ THỊ NGỌC	MAI	10-Nov-04	60130096	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1479	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	19-Apr-04	60130104	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1480	NGUYỄN THỊ MỸ	NGOAN	31-Aug-04	60130136	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1481	NGUYỄN ĐÌNH DIỆU	NHI	30-Oct-04	60130102	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1482	PHẠM THỊ HUỲNH	NHU'	04-Feb-04	60130156	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1483	HUỲNH HOÀNG	PHÚC	23-Apr-04	60130072	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1484	LÊ ĐÔNG	PHÚC	22-Jun-04	60130081	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1485	TRẦN NGUYỄN BÍCH	QUYÊN	27-Feb-04	60130168	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1486	NGUYỄN THỊ MỸ	TIÊN	11-Oct-04	60130137	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1487	NGUYỄN TRẦN THỦY	TIÊN	26-Oct-04	60130144	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1488	MAI XUÂN BẢO	TRÂN	21-Dec-04	60130092	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1489	ĐÀO THÙY	TRANG	25-Jan-04	60130059	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1490	NGUYỄN NGỌC THANH	TRÚC	01-Nov-04	60130123	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1491	NGUYỄN PHẠM MỘNG	TUYỀN	27-Oct-04	60130125	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1492	VÕ NGỌC	TUYỀN	05-Apr-04	60130179	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1493	LÊ HÀ PHƯƠNG	UYÊN	31-Mar-04	60130083	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1494	THÁI NGUYỄN NGỌC	UYÊN	14-Apr-04	60130159	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1495	NGUYỄN QUỐC	VƯƠNG	23-Oct-04	60130131	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1496	NGUYỄN NGỌC YẾN	VY	07-Nov-04	60130124	7	7TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1497	ĐÌNH KHẢ	ÁI	05-Aug-04	60133189	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1498	NGUYỄN ĐẠI MINH	ANH	30-May-04	60133285	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1499	TÔN THẮT GIA	BẢO	09-Aug-04	60133416	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1500	TRỊNH NGỌC	CÁC	30-May-04	60133459	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1501	BÙI THỊ KIM	CHI	19-Jun-04	60133174	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1502	HÀ KHÁNH	DUY	30-Mar-04	60133209	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1503	HUỲNH NGUYỄN HOÀNG	DUY	16-Jul-04	60133225	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1504	LÊ QUANG	HẢI	13-Jan-04	60133258	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1505	HUỲNH GIA	HÂN	30-Jul-04	60133223	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1506	ĐÌNH THỊ KIM	HẠNH	26-Oct-04	60133192	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1507	NGÔ GIA	HUY	18-Aug-04	60133271	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1508	TRẦN	KHẢI	09-Apr-04	60133417	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1509	NGUYỄN HỒ HOÀNG	KIM	08-May-04	60133296	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1510	TRẦN ÁI NHỈ	LAN	14-Feb-04	60133418	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1511	ĐỐI NGỌC THANH	NGÂN	06-Mar-04	60133203	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1512	NGUYỄN NAM	NGUYỄN	02-Sep-04	60133324	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1513	CAO NGỌC YẾN	NHI	06-Apr-04	60133178	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1514	TRẦN NHẬT YẾN	NHI	27-May-04	60133441	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1515	ĐÌNH HỮU	PHÚ	27-Aug-04	60133188	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1516	LÊ HUỲNH THIỆN	PHÚC	29-Mar-04	60133248	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1517	LÊ NGUYỄN HOÀNG	SƠN	04-Aug-04	60133253	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1518	NGUYỄN TRẦN ĐAN	THANH	01-Feb-04	60133373	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1519	LÊ HỒNG BẢO	TRÂM	10-Feb-04	60133245	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1520	HỒ NGỌC BẢO	TRÂN	15-Apr-04	60133213	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1521	NGUYỄN NGỌC ĐOAN	TRANG	17-Sep-04	60133332	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1522	PHẠM NGUYỄN THÚY	VÂN	07-Jul-04	60133396	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1523	NGUYỄN THANH	VY	30-Nov-04	60133361	7	7TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1524	CAO NGUYỄN MỘNG	CẨM	06-Jan-04	60130051	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1525	NGUYỄN PHƯỚC DU	CHUYÊN	30-Sep-04	60130128	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1526	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	10-Mar-04	60130141	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1527	ĐẶNG PHAN THÁI	HÀ	14-Jun-04	60130056	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1528	LÊ BẢO	HÂN	17-Jun-04	60130078	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1529	NGUYỄN GIA	HÂN	14-Nov-04	60130105	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1530	NGUYỄN THANH	HẰNG	01-Dec-04	60130132	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1531	HUỲNH THANH	HOA	25-Mar-04	60130076	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1532	ĐỖ ĐÌNH	HOÀNG	10-Sep-04	60130060	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1533	LÊ HUỲNH	HUY	04-Sep-04	60130084	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1534	TRƯƠNG HUỲNH NHẬT	HUY	16-Mar-04	60130178	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1535	ĐOÀN NGUYỄN KHÁNH	LINH	10-Feb-04	60130064	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1536	PHẠM BẢO	NGÀ	01-Dec-04	60130146	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1537	NGUYỄN THỊ NGỌC	NHƯ	18-Aug-04	60130138	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1538	ĐỖ NHƯ MAI	QUỲNH	18-Feb-04	60130062	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1539	BÙI NHẬT	TÂN	13-Aug-04	60130050	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1540	NGÔ MINH	TÂN	28-Jul-04	60130095	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1541	NGUYỄN NGỌC	THANH	15-Jul-04	60130119	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1542	NGUYỄN CÔNG	THIỆN	04-Feb-04	60130099	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1543	PHAN THỊ NGỌC	THÚY	21-Mar-04	60130157	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1544	TRẦN NGUYỄN BẢO	TRÂN	07-Jul-04	60130167	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1545	NGUYỄN HUỲNH THANH	TRÚC	15-May-04	60130110	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1546	ĐẶNG HÒANG	YẾN	03-Jan-04	60130054	7	7TC3			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1547	NGÔ MINH	ANH	19-Feb-04	60133543	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1548	NGUYỄN NGỌC LAN	ANH	29-Sep-04	60133562	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1549	PHẠM MINH	ANH	1-Mar-04	60133587	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1550	HỒ ĐỖ QUỲNH	CHI	11-Mar-04	60133514	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1551	ĐỒNG MẠNH	CƯỜNG	02-Mar-04	60133505	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1552	ĐẶNG THỊ HIỀN	DIỆU	17-Aug-04	60133499	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1553	TRƯƠNG LÊ TRIỀU	ĐÌNH	24-Feb-04	60133620	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1554	NGUYỄN NGỌC THỦY	DUNG	11-Jun-04	60133566	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1555	ĐÀO ANH	DŨNG	24-Feb-04	60133500	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1556	LÊ HOÀNG	DƯƠNG	25-Jun-04	60133531	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1557	LÂM HOÀNG	HÀ	18-Aug-04	60133525	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1558	VŨ BẢO	HÀ	18-Sep-04	60133627	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1559	VŨ NGỌC GIA	HÂN	16-Jan-04	60133628	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1560	LÊ THỊ MỸ	HÒA	19-Apr-04	60133537	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1561	LÊ ĐÌNH	HUY	2-Apr-04	60133529	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1562	HÀ THỰC KHÁNH	LINH	11-Jan-04	60133512	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1563	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	26-Oct-04	60133578	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1564	TRẦN ANH	MINH	09-Mar-04	60133608	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1565	TRẦN LÂM PHƯƠNG	NHI	01-Jan-04	60133612	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1566	ĐƯƠNG NGỌC PHƯƠNG	NHƯ	11-Sep-04	60133508	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1567	PHẠM THUY THANH	NHƯ	06-Mar-06	60133596	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1568	VÕ HOÀNG	PHÚC	14-Dec-04	60133622	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1569	CAO NGỌC HÀ	PHƯƠNG	12-Dec-04	60133494	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1570	DƯƠNG HOÀNG MINH	QUÂN	10-Jun-04	60133506	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1571	QUANG LAN	THANH	03-Dec-04	60133606	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1572	NGUYỄN TẤN	THỊNH	29-Jun-04	60133573	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1573	LÊ THỂ	TOẠI	21-Jan-04	60133536	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1574	MAI HỮU	TÙNG	25-Jan-04	60133541	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1575	PHẠM VŨ SONG	TÙNG	19-Mar-04	60133598	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1576	NGUYỄN TRẦN NGỌC	TUYỀN	16-May-04	60133579	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1577	NGUYỄN LÊ TƯỜNG	VY	15-Dec-04	60133559	7	7tc3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1578	ĐỖ NGỌC PHƯƠNG	ANH	25-Oct-04	60133198	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1579	TRỊNH	BẢO	29-Sep-04	60133457	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1580	LÊ PHƯỚC	ĐĂNG	10-Jan-04	60133256	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1581	TRẦN HỮU THIÊN	ĐỨC	27-Aug-04	60133426	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1582	LÊ NGUYỄN NGỌC	GIANG	28-Apr-04	60133254	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1583	TÔ TỬ	GIANG	24-Sep-04	60133415	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1584	DUƠNG HOÀNG ĐÔNG	GIAO	03-Nov-04	60133206	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1585	LÊ TRUNG	HIẾU	21-Sep-04	60133264	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1586	NGUYỄN QUỐC ANH	KHOA	04-Jan-04	60133350	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1587	NGUYỄN HOÀNG	LÂN	18-Jul-04	60133304	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1588	CAO QUANG	NGHI	27-Sep-04	60133179	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1589	DUƠNG XUÂN	NGUYỄN	14-Feb-04	60133510	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1590	NGUYỄN THỊ THANH	NGUYỄN	27-Oct-04	60133577	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1591	ÂU NGUYỄN YẾN	NHI	01-Jan-04	60133485	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1592	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NHU'	30-Jan-04	60133564	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1593	TRẦN QUỲNH	NHU'	02-Dec-04	60133616	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1594	PHẠM NGUYỄN LAN	THẢO	04-May-04	60133590	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1595	HỒ GIA	THỊNH	19-May-04	60133515	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1596	BÙI NGUYỄN ANH	THU'	27-May-04	60133490	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1597	ĐẶNG NGUYỄN ANH	THU'	24-Apr-04	60133496	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1598	LÊ MINH	THU'	6-Nov-04	60133534	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1599	NGUYỄN THỊ MINH	THU'	09-Sep-04	60133575	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1600	HUỲNH THỊ THANH	THÚY	16-Apr-04	60133523	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1601	PHẠM NGUYỄN LAN	THY	04-May-04	60133591	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1602	NGUYỄN THÁI NHẬT	TIÊN	17-May-04	60133574	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1603	NGUYỄN BẢO	TRÂN	06-Mar-04	60133547	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1604	BÙI LÊ KIỀU	VY	05-Sep-04	60133488	7	7TC4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1605	NGUYỄN BÙI PHƯƠNG	ANH	19-Dec-04	60133551	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1606	NGUYỄN HOÀNG TRANG	ANH	31-Oct-04	60133556	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1607	PHẠM ĐỨC	ANH	17-Jul-04	60133584	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1608	TRẦN NGỌC MINH	CHÂU	28-Oct-04	60133613	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1609	NGUYỄN MẠNH	ĐỨC	19-Feb-04	60133561	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1610	HOÀNG ĐỖ HẢI	HÀ	15-Nov-04	60133518	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1611	ĐỖ GIA	HÂN	08-May-04	60133503	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1612	LÊ ĐỨC	HOÀNG	27-Sep-04	60133530	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1613	LÊ VŨ SƠN	HUY	4-Nov-04	60133539	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1614	HUỲNH NGUYỄN	KHANG	05-Nov-04	60133522	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1615	NGUYỄN	KHANG	03-Dec-04	60133545	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1616	PHẠM TRẦN	KHANG	28-Nov-04	60133597	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1617	NGUYỄN PHAN	KHÔI	6-May-04	60133567	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1618	BÙI THỊ MINH	KHUÊ	25-Feb-04	60133492	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1619	NGUYỄN ANH	KIỆT	13-Feb-04	60133546	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1620	NGUYỄN KỶ	LÂM	01-Feb-04	60133557	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1621	LÊ HUỲNH KIM	NGÂN	24-Feb-04	60133533	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1622	ĐOÀN VƯƠNG BẢO	NGỌC	07-Jun-04	60133504	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1623	LÊ ĐAN XUÂN	NHI	15-Nov-04	60133528	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1624	PHAN NGỌC QUỲNH	NHƯ	30-May-04	60133602	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1625	MAI THẢO	PHƯƠNG	14-Jun-04	60133542	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1626	TRẦN THỊ MINH	PHƯƠNG	27-Sep-04	60133617	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1627	NGUYỄN CHÍ	THÀNH	10-Dec-04	60133552	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1628	VƯƠNG TRẦN THANH	THẢO	21-Jul-04	60133631	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1629	NGUYỄN DƯƠNG BẢO	THIÊN	08-Jan-04	60133554	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1630	NGUYỄN PHÚC	THIÊN	27-Aug-04	60133568	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1631	PHAN TRẦN ANH	THƯ	02-Feb-04	60133605	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1632	NGUYỄN SÔNG	THƯỜNG	31-Jan-04	60133572	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1633	LÂM THUỶ	TIÊN	04-Sep-04	60133527	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1634	LÊ QUAN	TRƯỜNG	6-Feb-04	60133535	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1635	PHẠM PHƯƠNG	UYÊN	22-Oct-04	60133593	7	7TH			NGUYỄN HỮU THỌ	
1636	CAO THÀNH	ĐẠT	22-Nov-03	60143458	8	8			NGUYỄN HỮU THỌ	
1637	ĐỖ NGỌC TÚ	ANH	12-Aug-03	60130877	8	8.1			QUỐC TẾ CANADA	
1638	SIRIPHATTRASOPHON TRANG	ANH	06-Jul-03	60130903	8	8.1			QUỐC TẾ CANADA	
1639	NGUYỄN BẢO	DUY	01-Jan-03	60130883	8	8.1			QUỐC TẾ CANADA	
1640	NGUYỄN LAM	GIANG	15-Feb-03	60130889	8	8.1			QUỐC TẾ CANADA	
1641	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG	KHOA	17-Apr-03	60130898	8	8.1			QUỐC TẾ CANADA	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1642	LEE JEONG	MIN	06-Feb-01	60130881	8	8.1			QUỐC TẾ CANADA	
1643	NGUYỄN LÊ THẢO	NGUYỄN	20-Jan-03	60130890	8	8.1			QUỐC TẾ CANADA	
1644	HUỲNH HỮU NHẬT	QUANG	09-Sep-03	60130878	8	8.1			QUỐC TẾ CANADA	
1645	LÝ THỤY	AN	24-Sep-03	60131216	8	8.1			SAO VIỆT	
1646	BÙI THU	ANH	18-Sep-03	60131201	8	8.1			SAO VIỆT	
1647	ĐẶNG THẢO	ANH	03-Nov-02	60131202	8	8.1			SAO VIỆT	
1648	NGUYỄN THANH	HẢI	14-Oct-03	60131222	8	8.1			SAO VIỆT	
1649	PHẠM NGUYỄN QUẾ	HƯƠNG	05-Oct-03	60131228	8	8.1			SAO VIỆT	
1650	HOÀNG LÊ ANH	KHUÊ	01-Mar-03	60131207	8	8.1			SAO VIỆT	
1651	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG	LAN	13-Jul-03	60131219	8	8.1			SAO VIỆT	
1652	TRƯƠNG NGUYỄN THẮNG	LỢI	08-Jun-03	60131119	8	8.1			SAO VIỆT	
1653	NGUYỄN ĐẶNG NHẬT	NGUYỄN	19-Sep-03	60131218	8	8.1			SAO VIỆT	
1654	HUỲNH CHẤN	PHONG	16-Jul-03	60131209	8	8.1			SAO VIỆT	
1655	LÊ MINH	QUÂN	15-Sep-03	60131214	8	8.1			SAO VIỆT	
1656	VÕ HOÀNG	QUÂN	15-Dec-03	60131120	8	8.1			SAO VIỆT	
1657	ĐOÀN ĐỨC	QUANG	09-May-03	60131204	8	8.1			SAO VIỆT	
1658	BÙI DUY	ANH	15-Oct-03	60130876	8	8.2			QUỐC TẾ CANADA	
1659	NGUYỄN THÚY	ANH	07-Feb-03	60130897	8	8.2			QUỐC TẾ CANADA	
1660	PHẠM	KANA	09-Oct-03	60130899	8	8.2			QUỐC TẾ CANADA	
1661	PHẠM ĐÌNH MAI	KHANH	22-Sep-03	60130900	8	8.2			QUỐC TẾ CANADA	
1662	PHẠM TRUNG	KIÊN	18-Apr-03	60130901	8	8.2			QUỐC TẾ CANADA	
1663	NGUYỄN MINH	NGỌC	30-Jun-03	60130893	8	8.2			QUỐC TẾ CANADA	
1664	NGUYỄN BÙI TRỌNG	TÍN	23-Aug-03	60130884	8	8.2			QUỐC TẾ CANADA	
1665	NGUYỄN THỊ ĐOAN	TRANG	27-Oct-03	60130896	8	8.2			QUỐC TẾ CANADA	
1666	NGUYỄN CÁT	TƯỜNG	07-Jan-03	60130885	8	8.2			QUỐC TẾ CANADA	
1667	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	18-Oct-03	60130888	8	8.2			QUỐC TẾ CANADA	
1668	TRẦN NGUYỄN KHÁNH	VINH	16-May-03	60130904	8	8.2			QUỐC TẾ CANADA	
1669	LƯƠNG HỮU	AN	10-Jun-03	60131215	8	8.2			SAO VIỆT	
1670	VŨ HOÀNG	ANH	14-Dec-03	60131235	8	8.2			SAO VIỆT	
1671	NGUYỄN TƯỜNG	BÁCH	23-Sep-03	60131224	8	8.2			SAO VIỆT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1672	NGUYỄN XUÂN	BÁCH	28-Sep-03	60131225	8	8.2			SAO VIỆT	
1673	HOÀNG MINH	ĐẠT	06-Mar-03	60131208	8	8.2			SAO VIỆT	
1674	LÊ	HOÀNG	28-Feb-03	60131212	8	8.2			SAO VIỆT	
1675	TRƯƠNG LÊ MINH	KHÔI	24-Feb-03	60131233	8	8.2			SAO VIỆT	
1676	DƯƠNG TRUNG	KIÊN	04-Oct-03	60131206	8	8.2			SAO VIỆT	
1677	TRẦN XUÂN	MAI	13-Aug-03	60131232	8	8.2			SAO VIỆT	
1678	PHẠM DIỆU	MY	06-Dec-03	60131227	8	8.2			SAO VIỆT	
1679	HUỖNH KỶ MỸ	NGỌC	01-Mar-03	60131210	8	8.2			SAO VIỆT	
1680	HUỖNH THANH	NGỌC	31-May-03	60131211	8	8.2			SAO VIỆT	
1681	NGUYỄN XUÂN	NGUYỄN	28-Sep-03	60131226	8	8.2			SAO VIỆT	
1682	TRẦN LÊ THIÊN	PHÚC	31-Oct-03	60131230	8	8.2			SAO VIỆT	
1683	TỪ VĨNH	THIỆN	02-Mar-03	60131234	8	8.2			SAO VIỆT	
1684	PHẠM HOÀI NGUYỄN	ANH	21-Oct-03	60130641	8	8.2			VIỆT ÚC	
1685	LÊ QUANG	ĐẠI	29-Sep-03	60130880	8	8.3			QUỐC TẾ CANADA	
1686	NGÔ QUANG	HẢI	14-Mar-03	60130882	8	8.3			QUỐC TẾ CANADA	
1687	NGUYỄN ĐĂNG BẢO	HÂN	17-Nov-03	60130886	8	8.3			QUỐC TẾ CANADA	
1688	HUỖNH NGỌC PHƯƠNG	KHANH	10-Mar-03	60130879	8	8.3			QUỐC TẾ CANADA	
1689	NGUYỄN LO THỰC	MY	15-Nov-03	60130891	8	8.3			QUỐC TẾ CANADA	
1690	QUÁCH NGỌC DUY	QUỲNH	20-Nov-03	60130902	8	8.3			QUỐC TẾ CANADA	
1691	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	26-Feb-03	60130895	8	8.3			QUỐC TẾ CANADA	
1692	NGUYỄN MINH THANH	TRÚC	25-Jun-03	60130894	8	8.3			QUỐC TẾ CANADA	
1693	NGUYỄN ĐĂNG HẠNH	UYÊN	18-May-03	60130887	8	8.3			QUỐC TẾ CANADA	
1694	LƯƠNG NGỌC	AN	10-Jun-03	60131114	8	8.3			SAO VIỆT	
1695	NGUYỄN MINH	CƯỜNG	10-Nov-03	60131220	8	8.3			SAO VIỆT	
1696	PHẠM TRẦN AN	DI	09-Dec-02	60131229	8	8.3			SAO VIỆT	
1697	AN NGỌC	HUYỀN	21-Nov-03	60131200	8	8.3			SAO VIỆT	
1698	BÙI GIA	KHÁNH	07-Feb-03	60131109	8	8.3			SAO VIỆT	
1699	TRẦN TỰ	NGUYỆT	17-Nov-03	60131231	8	8.3			SAO VIỆT	
1700	HÀ MÃN	NHI	26-Jun-03	60131110	8	8.3			SAO VIỆT	
1701	PHẠM LÊ HIỀN	PHƯƠNG	14-Jul-03	60131117	8	8.3			SAO VIỆT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1702	NGUYỄN KHOA	THÀNH	24-Apr-03	60131116	8	8.3			SAO VIỆT	
1703	LÊ NGỌC YẾN	VY	20-May-03	60131113	8	8.3			SAO VIỆT	
1704	HUỖNH GIA	BÀO	18-Jun-03	60130634	8	8.3			VIỆT ÚC	
1705	NGUYỄN THỤY LINH	ĐAN	01-Jul-03	60130639	8	8.3			VIỆT ÚC	
1706	TRẦN MẠNH	TUẤN	24-May-03	60130642	8	8.3			VIỆT ÚC	
1707	NGUYỄN	BONNIE	06-Feb-03	60131115	8	8.4			SAO VIỆT	
1708	HỒ TRÚC	LINH	15-Jul-03	60131111	8	8.4			SAO VIỆT	
1709	HUỖNH VĨNH	PHÁT	26-May-03	60131112	8	8.4			SAO VIỆT	
1710	TRẦN VIỆT	TIẾN	05-Jun-03	60131118	8	8.4			SAO VIỆT	
1711	HỒ THÀNH	ĐẠT	26-May-03	60130632	8	8.4			VIỆT ÚC	
1712	HUỖNH CHÂU HẢI	MY	11-Sep-03	60130633	8	8.4			VIỆT ÚC	
1713	BÙI BẠCH	NGỌC	25-Feb-03	60130630	8	8.4			VIỆT ÚC	
1714	LIÊU LÂM THANH	THẢO	07-Dec-03	60130635	8	8.4			VIỆT ÚC	
1715	VÕ THANH	VÂN	23-Feb-03	60130644	8	8.4			VIỆT ÚC	
1716	VÕ NHÂN	KIỆT	02-Feb-03	60131121	8	8.5			SAO VIỆT	
1717	BÙI KHÁNH	NHU'	28-Feb-03	60130519	8	8A			NAM SÀI GÒN	
1718	LÊ KHẮC QUANG	ÂN	08-Jul-03	60129830	8	8A1			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1719	TRƯƠNG SĨ GIA	KHÁNH	26-Aug-03	60129850	8	8A1			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1720	ĐẶNG NGỌC HOÀNG	LAM	08-Jun-03	60129826	8	8A1			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1721	NGUYỄN HUỖNH TÂM	MINH	01-Jun-03	60129838	8	8A1			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1722	NGUYỄN LÊ QUANG	MINH	19-Jun-03	60129840	8	8A1			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1723	MAI VÕ KHÔI	NGUYỄN	01-Jan-03	60129835	8	8A1			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1724	NGUYỄN HỮU ANH	QUÂN	14-Dec-03	60129836	8	8A1			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1725	TÔ QUỐC	VIỆT	18-Feb-03	60129848	8	8A1			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1726	PHẠM TRẦN VÂN	ANH	27-May-03	60130569	8	8A1			NGUYỄN HIỀN	
1727	ĐÀO KHẢ	DI	13-Aug-03	60130557	8	8A1			NGUYỄN HIỀN	
1728	LÊ QUỐC	HÙNG	03-Jul-03	60130562	8	8A1			NGUYỄN HIỀN	
1729	LÊ HUY	KHÁNH	14-Aug-03	60130561	8	8A1			NGUYỄN HIỀN	
1730	ĐỖ TRẦN HẢI	NAM	13-Feb-03	60130558	8	8A1			NGUYỄN HIỀN	
1731	NGUYỄN NHƯ'	NGỌC	23-Apr-03	60130567	8	8A1			NGUYỄN HIỀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1732	ĐỖ YẾN	NHI	10-Apr-03	60130559	8	8A1			NGUYỄN HIỀN	
1733	LÊ TRẦN YẾN	NHI	15-May-03	60130564	8	8A1			NGUYỄN HIỀN	
1734	LÊ TẤN BẢO	QUỲNH	27-Dec-03	60130563	8	8A1			NGUYỄN HIỀN	
1735	HỒ ĐOÀN THANH	THẢO	13-May-03	60130560	8	8A1			NGUYỄN HIỀN	
1736	NGUYỄN HOÀNG TRƯỜNG	THỊNH	06-May-03	60130566	8	8A1			NGUYỄN HIỀN	
1737	ĐẶNG MINH	TRUNG	09-Apr-03	60130556	8	8A1			NGUYỄN HIỀN	
1738	BÙI NHẬT PHƯƠNG	UYÊN	16-Dec-03	60130555	8	8A1			NGUYỄN HIỀN	
1739	PHẠM THÚY	AN	19-Feb-03	60133974	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1740	NGUYỄN PHẠM QUỲNH	ANH	17-Aug-03	60133884	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1741	ĐỒNG NGUYỄN NGỌC	ÁNH	01-Oct-03	60133683	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1742	ĐỖ QUANG	HUY	16-Dec-03	60133673	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1743	NGUYỄN LÊ MINH	HY	05-Dec-03	60133848	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1744	NGUYỄN NGỌC THIÊN	KIM	13-Nov-03	60133878	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1745	LÊ ĐỖ VIỆT	LINH	05-Sep-03	60133731	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1746	NGÔ KHÁNH	LINH	24-Mar-03	60133788	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1747	NGUYỄN LÊ HỒNG	NHẬT	18-Dec-03	60133847	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1748	NGUYỄN MINH	NHẬT	12-Jun-03	60133853	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1749	VÕ ĐÌNH THIÊN	PHÚ	13-Nov-03	60134075	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1750	NGUYỄN ĐỨC	QUANG	17-Dec-03	60133816	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1751	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	QUỲNH	03-Jan-03	60133873	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1752	NGUYỄN QUANG	THÁI	19-Sep-03	60133891	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1753	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	14-Nov-03	60133994	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1754	VÕ HUỲNH ANH	THƯ	25-Aug-03	60134077	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1755	NGUYỄN ĐÀO THU	THỦY	23-May-03	60133811	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1756	VŨ NHẬT	TIẾN	3-Dec-03	60134095	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1757	ĐỖ NGUYỄN THỰC	TRẦN	11-Aug-03	60133671	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1758	TRƯƠNG BẢO	TRẦN	16-Nov-03	60134063	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1759	LÊ THANH MỸ	TRANG	16-May-03	60133757	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1760	NGUYỄN PHẠM NGỌC	TRINH	27-Feb-03	60133883	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1761	HOÀNG THỊ THANH	TÚ	25-Aug-03	60133702	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1762	NGUYỄN ÁNH	TUYẾT	20-Oct-03	60133798	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1763	KIỀU THỊ THỦY	VY	10-Feb-03	60133721	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1764	LÊ HỒNG ĐĂNG	VY	08-Mar-03	60133742	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1765	TRẦN ÁNH	VY	16-Nov-03	60134015	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1766	LÊ ĐÀO HOÀNG	YẾN	19-Oct-03	60133730	8	8A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
1767	TẠ THIÊN	ÂN	13-Dec-03	60130837	8	8A1			PHẠM HỮU LẦU	
1768	NGUYỄN VĂN	DỪNG	07-Sep-03	60130833	8	8A1			PHẠM HỮU LẦU	
1769	NGUYỄN HẢI	HOÀN	04-Nov-03	60130825	8	8A1			PHẠM HỮU LẦU	
1770	KHÚC MẠNH	HOÀNG	09-Sep-03	60130821	8	8A1			PHẠM HỮU LẦU	
1771	PHÙNG PHƯƠNG	LINH	30-Sep-03	60130836	8	8A1			PHẠM HỮU LẦU	
1772	TRẦN THỊ THÙY	NGÂN	13-Apr-03	60130839	8	8A1			PHẠM HỮU LẦU	
1773	PHẠM HOÀNG	THÁI	19-Feb-03	60130834	8	8A1			PHẠM HỮU LẦU	
1774	LÊ HOÀNG	PHÚC	05-Sep-03	60131059	8	8A1			TRẦN QUỐC TUẤN	
1775	NGUYỄN ANH	QUÂN	12-May-03	60131060	8	8A1			TRẦN QUỐC TUẤN	
1776	NGUYỄN NGỌC MINH	KHANH	22-Mar-03	60130759	8	8A10			NGUYỄN THỊ THẬP	
1777	TRẦN BẢO	KHANH	30-Jun-03	60130763	8	8A10			NGUYỄN THỊ THẬP	
1778	TRẦN DUY MAI	ANH	29-Oct-03	60130764	8	8A11			NGUYỄN THỊ THẬP	
1779	TRƯƠNG HOÀNG	PHÚC	18-Jan-03	60130769	8	8A11			NGUYỄN THỊ THẬP	
1780	HẠ NGUYỄN THANH	THANH	07-Oct-03	60130748	8	8A11			NGUYỄN THỊ THẬP	
1781	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	VY	12-Dec-03	60130758	8	8A11			NGUYỄN THỊ THẬP	
1782	TRỊNH HOÀNG	DỪNG	06-Sep-03	60130768	8	8A12			NGUYỄN THỊ THẬP	
1783	LƯU TUẤN	KIỆT	20-Oct-03	60130752	8	8A12			NGUYỄN THỊ THẬP	
1784	NGUYỄN KHÁNH	LINH	23-Aug-03	60130757	8	8A12			NGUYỄN THỊ THẬP	
1785	HUỲNH MINH	QUÂN	15-Nov-03	60130750	8	8A12			NGUYỄN THỊ THẬP	
1786	PHÙNG ĐỖ NGỌC CẨM	TIÊN	11-Jul-03	60130762	8	8A12			NGUYỄN THỊ THẬP	
1787	PHAN ĐIỀN MỸ	TUYỀN	16-Jun-03	60130761	8	8A12			NGUYỄN THỊ THẬP	
1788	NGUYỄN HUỲNH ĐAN	VY	30-Apr-03	60130756	8	8A12			NGUYỄN THỊ THẬP	
1789	TRẦN KIM	VY	05-Nov-03	60130767	8	8A12			NGUYỄN THỊ THẬP	
1790	ĐẶNG NGUYỄN PHƯƠNG	NGHI	28-Nov-03	60129827	8	8A2			ĐINH THIÊN LÝ	
1791	TRẦN QUỐC	ĐẠT	04-Apr-03	60130464	8	8a2			HUỲNH TẤN PHÁT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1792	LÊ MAI HOÀNG	QUÂN	25-Oct-03	60130421	8	8a2			HUỲNH TẤN PHÁT	
1793	HOÀNG TUỆ	ANH	10-Sep-03	60133704	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1794	HUỲNH DƯƠNG MAI	CHÂM	26-Jul-03	60133705	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1795	LIÊU NGỌC BẢO	CHÂU	22-May-03	60133777	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1796	PHAN NGỌC BẢO	CHÂU	03-Apr-03	60133987	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1797	LÂM TẤN	DUY	16-May-03	60133725	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1798	NGUYỄN ĐỨC	DUY	08-Feb-03	60133817	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1799	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	GIAO	13-Dec-03	60133874	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1800	VÕ MINH	HY	08-Feb-03	60134078	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1801	NGUYỄN THỊ HÀ	LIỄU	16-Apr-03	60133909	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1802	ĐỖ HUỲNH TRÚC	LINH	27-Jul-03	60133669	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1803	HUỲNH PHƯƠNG	LINH	27-Oct-03	60133714	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1804	LÊ KHÁNH	LINH	26-May-03	60133743	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1805	PHẠM KHÁNH	LINH	19-Sep-03	60133953	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1806	NGUYỄN PHƯƠNG	MAI	22-Jun-03	60133888	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1807	LÊ NGUYỄN THANH	NGỌC	08-May-03	60133752	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1808	VŨ ĐỖ MINH	NGỌC	21-Aug-03	60134091	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1809	HỒ THỊ NGỌC	PHỤNG	09-Jun-03	60133692	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1810	ĐỖ TÀI HỮU	PHƯỚC	05-Oct-03	60133674	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1811	HOÀNG NHƯ	QUỲNH	09-Apr-03	60133697	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1812	PHAN NGÔ MINH	TÂM	03-Jul-03	60133986	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1813	PHAN MINH NHẬT	TÂN	29-Apr-03	60133985	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1814	VÕ THỊ THANH	THẢO	26-Aug-03	60134083	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1815	LÊ THỊ PHƯƠNG	TRÂM	08-Nov-03	60133760	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1816	NGUYỄN CHÍ	TRUNG	01-Jun-03	60133804	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1817	TRƯƠNG BÙI ANH	TUẤN	28-Apr-03	60134064	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1818	ĐÀO TIỀN NHƯ	Ý	09-Aug-03	60133661	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1819	TRẦN NGỌC NHƯ	Ý	18-Jan-03	60134034	8	8A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
1820	NGUYỄN TRẦN THANH	NGÂN	31-Dec-03	60130831	8	8A2			PHẠM HỮU LẦU	
1821	NGUYỄN NGỌC VÂN	ANH	12-Jan-03	60131061	8	8A2			TRẦN QUỐC TUẤN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1822	NGUYỄN LÂM KHÁNH	AN	18-Jul-03	60129839	8	8A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1823	LÊ NGUYỄN MINH	ANH	01-Nov-03	60129831	8	8A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1824	HỒ MINH	NHẬT	11-Sep-03	60129829	8	8A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1825	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	16-Oct-03	60129841	8	8A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1826	VŨ LƯƠNG	QUÝ	19-Nov-03	60129851	8	8A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1827	LÝ GIA	TRUNG	14-Feb-03	60129834	8	8A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1828	TRẦN KHUÊ	TÚ	28-Aug-03	60129849	8	8A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1829	NGUYỄN HỒNG THẢO	VY	18-Dec-03	60130659	8	8A3			ĐÌNH THIỆN LÝ	
1830	LÊ NGỌC QUỲNH	ANH	18-May-03	60130422	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1831	VŨ THANH	DOAN	05-May-03	60130472	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1832	TRẦN ĐẠI	DƯƠNG	09-Mar-03	60130462	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1833	VÕ TRẦN MINH	GIANG	21-Apr-03	60130471	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1834	HOÀNG NGỌC KIM	HOA	08-Oct-03	60130417	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1835	PHÙNG QUANG MINH	HUY	18-May-03	60130459	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1836	PHẠM ĐĂNG	KHOA	17-Nov-03	60130455	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1837	LÂM GIA	LẠC	21-Nov-03	60130419	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1838	VÕ ĐÌNH	LÂM	10-Nov-03	60130470	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1839	TỪ THÀNH	LONG	23-Sep-03	60130469	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1840	NGUYỄN CẨM	LY	29-Jul-03	60130430	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1841	HUỲNH TRẦN NGỌC	MINH	18-Aug-03	60130418	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1842	NGUYỄN THỊ TRÚC	NGÂN	20-Jan-03	60130451	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1843	LÂM NGUYỄN BẢO	NGỌC	10-Dec-03	60130420	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1844	LÊ TRẦN THỰC	NGUYỄN	10-Jun-03	60130424	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1845	ĐẶNG ĐỨC	NHÂN	02-May-03	60130409	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1846	NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	30-Jan-03	60130445	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1847	NGUYỄN THỊ HIỀN	NHU	29-Mar-03	60130449	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1848	HỒ TÂM	NHU	10-Jun-03	60130414	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1849	MAI TRƯƠNG QUỲNH	NHU	30-Mar-03	60130428	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1850	LÊ THỊ BÍCH	PHƯƠNG	02-Apr-03	60130423	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1851	TÔ MINH	QUÂN	30-Jan-03	60130461	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1852	HỒ NGỌC	QUÝ	04-Mar-03	60130413	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1853	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	QUỲNH	29-Dec-03	60130440	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1854	LƯU HÀ	SANG	05-Dec-03	60130425	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1855	HỒ TUỆ ĐAN	THANH	21-Feb-03	60130415	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1856	TRẦN MINH	THƯ	11-Nov-03	60130463	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1857	NGUYỄN MINH	THUẬN	16-Feb-03	60130437	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1858	NGUYỄN LÊ BẢO	TRÂM	19-Aug-03	60130435	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1859	CHÂU NGUYỄN HOÀNG	TRIỀU	21-Feb-03	60130407	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1860	NGUYỄN NGỌC ĐOAN	TRINH	30-Nov-03	60130438	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1861	MAI TRIỆU MỸ	VY	04-Jun-03	60130427	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1862	NGUYỄN HOÀNG TƯỜNG	VY	21-Mar-03	60130433	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1863	NGUYỄN NGỌC THẢO	VY	13-Nov-03	60130441	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1864	TRẦN THỊ KHÁNH	VY	13-Sep-03	60130465	8	8a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
1865	NGUYỄN NGỌC VÂN	ANH	02-Apr-03	60133880	8	8A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1866	NGUYỄN QUỲNH	ANH	7-Dec-03	60133894	8	8A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1867	BÙI HỮU	ĐẠT	22-Apr-03	60133635	8	8A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1868	LÂM	GIAO	30-Apr-03	60133723	8	8A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1869	LÊ - LÂM- GIA -	HÂN	17-Apr-03	60133726	8	8A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1870	VŨ SINH	HƯỜNG	12-Apr-03	60134096	8	8A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1871	NGÔ MINH	KHOA	09-Sep-03	60133789	8	8A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1872	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	23-Jan-03	60133935	8	8A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1873	PHẠM THỊ MỸ	LINH	23-Mar-03	60133972	8	8A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1874	NGUYỄN KHOA BẢO	NGÂN	21-Oct-03	60133842	8	8A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1875	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	28-Apr-03	60133903	8	8A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1876	TRƯƠNG ĐỨC	SANG	26-Mar-03	60134066	8	8A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1877	PHẠM MINH	TIẾN	03-Sep-03	60133959	8	8A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1878	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	16-Apr-03	60133860	8	8A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1879	TRẦN LÊ BẢO	TRÂN	21-Sep-03	60134024	8	8A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1880	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	31-Oct-03	60133919	8	8A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1881	HOÀNG THANH	TRÚC	10-Feb-03	60133700	8	8A3			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1882	NGUYỄN NGUYỆT	VY	06-Nov-03	60133881	8	8A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
1883	GARGIULO VERONICA	ANH	06-Apr-03	60130654	8	8A4			ĐÌNH THIÊN LÝ	
1884	NGUYỄN TIẾN	BÁCH	20-Sep-03	60133924	8	8A4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1885	VŨ ĐĂNG	KHOA	09-Mar-03	60134090	8	8A4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1886	TẠ GIA	LINH	30-Sep-03	60134004	8	8A4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1887	TRƯƠNG VÕ THẢO	LINH	16-Jul-03	60134072	8	8A4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1888	DƯƠNG NGUYỄN TRÀ	MY	24-Oct-03	60133686	8	8A4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1889	HUỲNH KHÂM	PHONG	25-Dec-03	60133709	8	8A4			NGUYỄN HỮU THỌ	
1890	NGUYỄN NGỌC NAM	ĐÁN	12-Jul-03	60130660	8	8A5			ĐÌNH THIÊN LÝ	
1891	ĐẶNG QUÝ	DƯƠNG	04-Jun-03	60130651	8	8A5			ĐÌNH THIÊN LÝ	
1892	PHẠM HOÀNG CÁT	LAN	23-Nov-03	60130662	8	8A5			ĐÌNH THIÊN LÝ	
1893	ĐẶNG TÂN	PHÁT	31-Oct-03	60130652	8	8A5			ĐÌNH THIÊN LÝ	
1894	PHAN LÊ GIA	PHƯỚC	27-Jun-03	60130664	8	8A5			ĐÌNH THIÊN LÝ	
1895	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	14-Nov-03	60130658	8	8A5			ĐÌNH THIÊN LÝ	
1896	LÊ ĐÌNH CHÍ	TUẤN	18-Nov-03	60130656	8	8A5			ĐÌNH THIÊN LÝ	
1897	NGUYỄN NGỌC	HÀ	24-Sep-03	60133861	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1898	PHẠM THỊ THÚY	HIỀN	19-Dec-03	60133973	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1899	LƯƠNG MINH	HIỀN	16-Oct-03	60133775	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1900	VŨ HUY	HOÀNG	21-Dec-03	60134092	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1901	TRƯƠNG LÊ QUANG	HUY	03-Jul-03	60134069	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1902	LÊ VIỆT VỸ	KHANG	02-Feb-03	60133770	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1903	TRỊNH HOÀNG	KHANG	19-Dec-03	60134058	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1904	NGUYỄN TÂN	LỘC	24-Oct-03	60133897	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1905	PHẠM PHAN KHÁNH	LY	02-Aug-03	60133967	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1906	LÊ HOÀNG NGỌC	MINH	22-Nov-03	60133740	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1907	NGÔ TIẾN	MINH	24-Apr-03	60133792	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1908	PHAN NGUYỄN TUỆ	MINH	11-Mar-03	60133990	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1909	PHẠM NGUYỄN HẠ	MY	24-Jul-03	60133962	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1910	ĐẶNG TÔN THẢO	NGHI	04-Jun-03	60133659	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1911	ĐỖ VĂN THẢO	NGUYỄN	04-Aug-03	60133675	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1912	TRẦN TIẾN THẢO	NGUYỄN	14-Mar-03	60134047	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1913	LÊ HỒNG BẢO	NHI	03-Apr-03	60133741	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1914	QUAN PHƯƠNG	NHI	17-May-03	60134001	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1915	TRẦN THỊ QUỲNH	NHU'	08-Sep-03	60134043	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1916	TRẦN VĂN	PHÁT	09-Apr-03	60134051	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1917	NGUYỄN HỒ MINH	PHÚC	21-Aug-03	60133824	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1918	BÙI ĐẶNG PHÚ	QUỐC	13-Nov-03	60133633	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1919	PHAN NGUYỄN PHƯƠNG	THÙY	14-Apr-03	60133989	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1920	NGUYỄN ĐẮC	TRUNG	16-Nov-03	60133807	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1921	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	9-Mar-03	60133905	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1922	NGUYỄN NGỌC NHÃ	UYÊN	10-Jan-03	60133872	8	8A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
1923	TRẦN QUỲNH	CHÂU	07-Nov-03	60130838	8	8a5			PHẠM HỮU LẦU	
1924	CHU NGỌC	HÀ	18-Jan-03	60130819	8	8a5			PHẠM HỮU LẦU	
1925	NGUYỄN HUỲNH BẢO	NGỌC	05-Nov-03	60130827	8	8a5			PHẠM HỮU LẦU	
1926	NGÔ THIÊN	NHI	26-May-03	60130823	8	8a5			PHẠM HỮU LẦU	
1927	NGUYỄN THÁI	SƠN	11-Jan-03	60130829	8	8a5			PHẠM HỮU LẦU	
1928	PHAN TẤN	TÚ	04-Mar-03	60130835	8	8a5			PHẠM HỮU LẦU	
1929	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỄM	21-Apr-03	60130450	8	8a6			HUỲNH TẤN PHÁT	
1930	NGUYỄN TRẦN TRUNG	HẬU	08-Oct-03	60130453	8	8a6			HUỲNH TẤN PHÁT	
1931	PHAN MINH	HIỀN	29-Apr-03	60130457	8	8a6			HUỲNH TẤN PHÁT	
1932	ĐỖ NGỌC XUÂN	HỒNG	04-Jun-03	60130412	8	8a6			HUỲNH TẤN PHÁT	
1933	TẠ TRẦN LÊ	HUY	01-Jan-03	60130460	8	8a6			HUỲNH TẤN PHÁT	
1934	ĐÌNH THỊ KIM	MAI	08-Mar-03	60130411	8	8a6			HUỲNH TẤN PHÁT	
1935	PHAN VỖ THÙY	NGÂN	13-Aug-03	60130458	8	8a6			HUỲNH TẤN PHÁT	
1936	NGUYỄN VĂN	TẤN	27-Jun-03	60130454	8	8a6			HUỲNH TẤN PHÁT	
1937	BÙI NGỌC HẢI	TRIỀU	06-Jan-03	60130406	8	8a6			HUỲNH TẤN PHÁT	
1938	PHẠM ĐÌNH	AN	08-Nov-03	60133950	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1939	NGUYỄN LONG HẢI	ANH	19-Dec-03	60133849	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1940	NGUYỄN VŨ TIẾN	ĐẠT	07-Feb-03	60133942	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1941	NGUYỄN NGỌC BẢO	DUY	04-Jan-03	60133864	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1942	TRẦN NHẬT	DUY	10-May-03	60134037	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1943	ĐOÀN THỊ NGỌC	DUYÊN	15-Jun-03	60133681	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1944	TRẦN QUANG NGỌC	HÂN	12-Dec-03	60134039	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1945	NGUYỄN THANH	HÀNG	12-Jan-03	60133901	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1946	LÊ THÚY	HIỀN	09-Sep-03	60133764	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1947	ĐỖ DUY	HIỆP	26-Jan-03	60133666	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1948	NGUYỄN NGỌC MAI	HIẾU	18-May-03	60133870	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1949	NGUYỄN THỊ KIM	HOÀNG	06-Dec-03	60133911	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1950	TRẦN HỮU NHẬT	HOÀNG	13-Dec-03	60134020	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1951	LÊ THỊ KHÁNH	LINH	15-Sep-03	60133759	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1952	NGUYỄN HUY	LONG	19-Apr-03	60133834	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1953	NGUYỄN TRỌNG	NAM	09-Oct-03	60133928	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1954	LÊ NGỌC THU	NGÂN	17-Oct-03	60133747	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1955	HOÀNG LÂM QUỲNH	NHU'	01-Apr-03	60133694	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1956	BÙI NGUYỄN	PHÚC	11-Dec-03	60133638	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1957	HUỲNH LÊ QUẾ	PHƯƠNG	16-Feb-03	60133710	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1958	TRẦN ĐỨC	THÁI	17-Dec-03	60134018	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1959	NGUYỄN HUỲNH ANH	THẮNG	1-Aug-03	60133837	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1960	TRẦN THỊ BÍCH	TRÂM	18-Jan-03	60134042	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1961	NGUYỄN XUÂN	TRÚC	10-Dec-03	60133944	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1962	TRẦN DOÃN ANH	TÚ	21-Dec-03	60134017	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1963	TRẦN TUẤN	VIỆT	05-Jun-03	60134049	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1964	TRẦN ĐẶNG THANH	VY	21-Apr-03	60134016	8	8A6			NGUYỄN HỮU THỌ	
1965	CHÂU THANH HẠNH	VY	15-Jan-03	60130818	8	8a6			PHẠM HỮU LẦU	
1966	PHẠM NGUYỄN XUÂN	MAI	02-Mar-03	60130663	8	8A7			ĐÌNH THIÊN LÝ	
1967	LƯƠNG TẠ NHẬT	MINH	13-Dec-03	60130657	8	8A7			ĐÌNH THIÊN LÝ	
1968	BÙI NGỌC	ÁNH	24-Jul-03	60133637	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1969	PHẠM HẠ NGUYỆT	ÁNH	01-Jan-02	60133952	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1970	NGUYỄN VŨ HOÀNG	DUY	13-Aug-03	60133941	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1971	PHẠM NGỌC GIA	HÂN	24-Oct-03	60133960	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1972	NGUYỄN THANH MINH	HÀNG	17-Oct-03	60133907	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1973	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỀN	3-Dec-03	60133915	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1974	TRẦN - HỒ - NGỌC -	HƯƠNG	5-Nov-03	60134014	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1975	NGUYỄN THÀNH	KHA	26-Mar-03	60133906	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1976	NGUYỄN VÕ NGỌC	LINH	02-May-03	60133939	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1977	HUỲNH TRẦN CHI	MỸ	09-Dec-03	60133720	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1978	TẠ NGUYỄN ANH	PHƯƠNG	14-Apr-03	60134006	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1979	TRƯƠNG HOÀI	SANG	09-Nov-03	60134067	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1980	LÊ ĐỨC	THÀNH	09-Dec-03	60133733	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1981	NGUYỄN TRUNG	THẠNH	18-Aug-03	60133930	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1982	HUỲNH THỊ THANH	THẢO	20-Sep-03	60133718	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1983	LÊ THU	THẢO	18-Nov-03	60133763	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1984	LƯƠNG NGỌC PHƯƠNG	THẢO	27-Dec-03	60133776	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1985	NGUYỄN SONG LINH	THOẠI	19-Sep-03	60133896	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1986	NGUYỄN NGỌC MINH	THƯ	31-Aug-03	60133871	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1987	NGUYỄN KHÁNH	TOÀN	15-Jan-03	60133841	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1988	MAI NGỌC THUỶ	TRANG	06-Jan-03	60133779	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1989	NGÔ QUỐC	TRÍ	06-Feb-03	60133790	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1990	ĐINH QUỐC	TRƯỜNG	02-Jan-03	60133665	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1991	VŨ TRẦN HOÀNG	UYÊN	28-Aug-03	60134100	8	8A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
1992	CAO NGÔ ÁNH	HỒNG	17-May-03	60130816	8	8a7			PHẠM HỮU LẦU	
1993	VÕ THỊ DIỄM	MY	30-Oct-03	60130840	8	8a7			PHẠM HỮU LẦU	
1994	LÊ QUỐC	CƯỜNG	22-Jun-03	60130822	8	8a8			PHẠM HỮU LẦU	
1995	NGUYỄN QUANG	DƯƠNG	11-Oct-03	60130828	8	8a8			PHẠM HỮU LẦU	
1996	NGUYỄN VĂN	PHÚC	23-Mar-03	60130520	8	8B			NAM SÀI GÒN	
1997	LÊ ĐOÀN VÂN	ANH	09-Oct-03	60130201	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1998	NGUYỄN HOÀNG THUỶ	ANH	01-Jul-03	60130220	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
1999	PHẠM HOÀNG CHÂU	ANH	28-Oct-03	60130244	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2000	TRẦN ĐỨC	ANH	10-Jan-03	60130257	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2001	ĐỖ TIẾN	DANH	07-Nov-03	60130191	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2002	NGUYỄN HOÀNG TRÍ	ĐỨC	20-Jul-03	60130221	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2003	TRẦN THÁI	HÙNG	04-Nov-03	60130263	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2004	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	HƯƠNG	16-Mar-03	60130228	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2005	NGUYỄN VŨ QUANG	HUY	03-Nov-03	60130243	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2006	TRẦN MINH	KHANG	13-Feb-03	60130260	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2007	LÊ ANH	KHOA	03-Jan-03	60130200	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2008	NGUYỄN MINH	KHUÊ	03-Apr-03	60130223	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2009	NGUYỄN MINH	KIỆT	06-Jan-03	60130224	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2010	NGUYỄN NGỌC	LINH	09-Mar-03	60130225	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2011	NGUYỄN HOÀNG CHIÊU	MINH	10-Dec-03	60130219	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2012	ĐẶNG NGỌC HÀ	MY	27-Jun-03	60130186	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2013	LÊ THỊ BÍCH	NA	17-Mar-03	60130206	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2014	NGUYỄN TRÚC	NGÂN	13-Dec-03	60130238	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2015	TRẦN PHAN THẢO	NGUYỄN	01-Oct-03	60130262	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2016	NGUYỄN PHAN TUYẾT	NHI	23-Jun-03	60130231	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2017	TÔ THỊ HỒNG	NHUNG	16-Feb-03	60130256	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2018	NGUYỄN DUY	PHONG	07-Jul-03	60130218	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2019	CAO THIÊN	PHÚC	06-Aug-03	60130185	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2020	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	QUYÊN	24-May-03	60130237	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2021	VÕ DƯƠNG VĨNH	THẮNG	03-May-03	60130269	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2022	HUỲNH CÔNG	THÀNH	01-Jan-03	60130198	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2023	VÕ TRẦN ANH	THƯ	02-May-03	60130271	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2024	MAI MỸ	TIÊN	05-Aug-03	60130213	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2025	PHẠM HỒNG PHƯƠNG	UYÊN	04-Mar-03	60130245	8	8TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2026	VÕ TRẦN NHƯ	ÁI	21-Jan-03	60134084	8	8TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2027	PHAN THIÊN	ÂN	01-Jul-03	60133995	8	8TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2028	ĐỖ HOÀNG THÙY	ANH	12-Nov-03	60133667	8	8TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2029	NGUYỄN NGÔ THANH	ĐÀO	02-Aug-03	60133859	8	8TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2030	NGUYỄN ÁNH THÙY	DƯƠNG	14-Feb-03	60133799	8	8TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2031	LÊ THỊ CẨM	HƯƠNG	27-Mar-03	60133758	8	8TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2032	NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	23-Apr-03	60133895	8	8TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2033	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	08-Mar-03	60133810	8	8TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2034	HỒ NHÃ	KHUÊ	26-Apr-03	60133691	8	8TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2035	LÊ TƯỜNG	NGHI	19-Feb-03	60133768	8	8TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2036	PHẠM ĐĂNG YẾN	NHI	13-Mar-03	60133949	8	8TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2037	VŨ CHÂU DUY	QUANG	31-Mar-03	60134089	8	8TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2038	NGUYỄN NGỌC THỦY	TIÊN	9-Mar-03	60133879	8	8TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2039	NGUYỄN LÊ ANH	TUẤN	15-Jun-03	60133845	8	8TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2040	LÊ DŨNG THIÊN	AN	26-Oct-03	60130202	8	8TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2041	NGUYỄN KỶ	ANH	23-Apr-03	60130222	8	8TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2042	PHẠM TRẦN GIA	BẢO	29-Aug-03	60130250	8	8TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2043	PHÙNG ĐĂNG HẢI	HÀ	16-Sep-03	60130254	8	8TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2044	LƯƠNG NGỌC BẢO	HÂN	23-Sep-03	60130210	8	8TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2045	TRẦN NGỌC BẢO	HÂN	15-Jan-03	60130261	8	8TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2046	ĐẶNG THANH	HOÀNG	11-May-03	60130187	8	8TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2047	LÊ NGUYỄN GIA	HÙNG	12-Mar-03	60130204	8	8TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2048	HOÀNG VŨ THÀNH	LONG	22-Oct-03	60130197	8	8TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2049	LIU HOÀNG	LONG	16-Sep-03	60130211	8	8TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2050	NGÔ THANH	NGÂN	11-Nov-03	60130215	8	8TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2051	LÊ UYÊN	NHI	24-Jun-03	60130208	8	8TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2052	NGUYỄN NGỌC BẢO	NHI	11-Oct-03	60130227	8	8TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2053	NGUYỄN NGỌC YẾN	NHI	16-Feb-03	60130230	8	8TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2054	HOÀNG MINH	PHƯƠNG	05-Nov-03	60130196	8	8TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2055	HỒ NGỌC ANH	THƯ	28-Apr-03	60130194	8	8TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2056	PHẠM NGỌC ĐAN	THÙY	30-Oct-03	60130248	8	8TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2057	NGUYỄN THỊ MỘNG	TRẦN	03-Nov-03	60130236	8	8TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2058	NGUYỄN NGỌC THỦY	TRANG	16-Oct-03	60130229	8	8TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2059	TRẦN HUỲNH KHÁNH	VÂN	30-Apr-03	60130259	8	8TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2060	PHẠM NGUYỄN LAN	ANH	18-Nov-03	60133964	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2061	PHAN	ANH	19-Aug-03	60133981	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2062	LÊ HOÀNG KIM	CHÂU	31-May-03	60133739	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2063	PHẠM LINH	ĐAN	20-Mar-03	60133956	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2064	LÊ TRÍ	DŨNG	23-Jan-03	60133767	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2065	NGUYỄN ĐỨC	DUY	02-Nov-03	60133818	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2066	NGUYỄN NGỌC	HÂN	01-Mar-03	60133863	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2067	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	12-Jul-03	60133916	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2068	QUÁCH GIA	HÂN	23-May-03	60133999	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2069	PHẠM TRẦN NHƯ	HOÀNG	20-Mar-03	60133978	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2070	NGUYỄN HOÀNG	KHANG	15-Sep-03	60133828	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2071	ĐINH HỒNG THIÊN	LÝ	21-Dec-03	60133664	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2072	TRẦN NGỌC	MINH	16-Jun-03	60134032	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2073	MAI PHẠM BẢO	NGỌC	10-Dec-03	60133783	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2074	NGUYỄN XUÂN	NHI	15-Jun-03	60133945	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2075	NGUYỄN NGỌC DIỄM	PHÚC	20-Jan-03	60133866	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2076	LA KỶ	PHƯƠNG	6-Nov-03	60133722	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2077	TRỊNH THIÊN	PHƯƠNG	01-Dec-03	60134061	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2078	BÙI MINH	QUÂN	13-Jun-03	60133636	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2079	TRƯƠNG DIỄM	QUYÊN	20-Jan-03	60134065	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2080	TRẦN TRÚC	QUỲNH	18-Jul-03	60134048	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2081	SONG IN	SEOK	29-Jun-02	60134003	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2082	NGUYỄN MAI XUÂN	THẢO	24-Sep-03	60133852	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2083	LÊ NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	09-Jul-03	60133748	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2084	ĐỖ HUỲNH PHƯƠNG	THY	22-Sep-03	60133668	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2085	LŨ TRUNG	TÍN	29-Sep-03	60133773	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2086	TRẦN NGỌC BẢO	TRÂN	05-Aug-03	60134033	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2087	VÕ TRỊNH BẢO	TRÂN	09-Feb-03	60134086	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2088	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	16-May-03	60133920	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2089	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRINH	12-Nov-03	60133917	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2090	NGÔ THẢO	UYÊN	02-Jun-03	60133791	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2091	TẠ HOÀNG	VIỆT	13-Nov-03	60134005	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2092	NGHIÊM THIÊN	VỸ	10-Oct-03	60133785	8	8TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2093	TRỊNH THU	AN	26-Aug-03	60134062	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2094	MAI NGUYỄN VÂN	ANH	11-Jul-03	60133782	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2095	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG	ANH	24-Feb-03	60133819	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2096	NGUYỄN HUY	BÁCH	15-Jan-03	60133835	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2097	HOÀNG QUỐC	BẢO	18-Jul-03	60133699	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2098	NGUYỄN QUANG	BÌNH	27-Aug-03	60133892	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2099	HUỲNH TRẦN	CHÂN	05-Dec-03	60133719	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2100	LÊ ĐỨC	CHÍNH	14-Nov-03	60133734	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2101	BÙI HỒ HẢI	ĐĂNG	07-Aug-03	60133634	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2102	LÊ TIẾN	ĐẠT	17-Oct-03	60133766	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2103	NGUYỄN TÂN	ĐẠT	10-Jan-03	60133899	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2104	TĂNG BÁ HOÀNG	DƯƠNG	17-Nov-03	60134009	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2105	NGUYỄN HOÀNG MINH -	HIẾU	17-Dec-03	60133830	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2106	PHÙNG NGỌC ĐĂNG	KHOA	29-Aug-03	60133997	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2107	TRẦN MẠC TƯ	KHOA	13-Feb-03	60134026	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2108	NGUYỄN LÊ ĐÌNH	KHÔI	03-Oct-03	60133846	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2109	LÊ ĐỨC DOÃN	LỆNH	07-Mar-03	60133735	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2110	LÊ NGUYỄN KHÁNH	LINH	11-Nov-03	60133750	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2111	NGUYỄN MINH	LONG	07-Apr-03	60133857	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2112	LÊ THỊ XUÂN	MAI	02-Feb-03	60133762	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2113	NGUYỄN NHẬT	MINH	01-Jan-02	60133882	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2114	PHAN QUỐC NHẬT	MINH	05-Aug-03	60133992	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2115	ĐOÀN NGỌC HOÀNG	MY	23-Oct-03	60133679	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2116	NGUYỄN HÀ	MY	10-Feb-03	60133822	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2117	BÙI THÚY PHƯƠNG	NGÂN	02-Apr-03	60133644	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2118	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	27-Oct-03	60133929	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2119	NGUYỄN TRƯỞNG YẾN	NHI	3-Mar-03	60133933	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2120	NGUYỄN LÝ QUỲNH	NHƯ	29-Mar-03	60133850	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2121	HUỲNH HOÀNG	PHÚC	01-Mar-03	60133707	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2122	TRẦN MAI	PHƯƠNG	24-Sep-03	60134028	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2123	CHÂU QUỐC	THẮNG	01-Jan-02	60133648	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2124	VÕ MINH	THẮNG	06-Oct-03	60134079	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2125	TRẦN VĨNH	THÀNH	03-Jan-03	60134055	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2126	NGUYỄN HUY	THÔNG	03-Aug-03	60133836	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2127	LÊ ĐOÀN MINH	THƯ	17-Feb-03	60133732	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2128	VÕ HỒ NGỌC	TRÂM	24-May-03	60134076	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2129	LÊ VƯƠNG	UYÊN	31-Jan-03	60133772	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2130	VŨ LÊ	UYÊN	04-Jan-03	60134093	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2131	LÂM NGUYỄN HÀ	VY	16-Jun-03	60133724	8	8TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2132	PHẠM LÊ ĐĂNG	KHOA	21-Oct-02	60130914	9	9.1			QUỐC TẾ CANADA	
2133	LÂM NGỌC THẢO	TRÂN	11-Jun-02	60130907	9	9.1			QUỐC TẾ CANADA	
2134	TRẦN THANH	TÙNG	05-May-02	60130912	9	9.1			QUỐC TẾ CANADA	
2135	VÕ NGỌC TƯỜNG	VÂN	27-Nov-02	60130913	9	9.1			QUỐC TẾ CANADA	
2136	LÊ DUY	BẢO	17-Nov-02	60131244	9	9.1			SAO VIỆT	
2137	NGUYỄN HUY	HÙNG	26-Sep-02	60131253	9	9.1			SAO VIỆT	
2138	ĐỒNG HOÀNG	MY	31-Jan-02	60131238	9	9.1			SAO VIỆT	
2139	NGUYỄN THANH	NGUYỆT	28-Mar-02	60131256	9	9.1			SAO VIỆT	
2140	PHẠM MINH	QUÂN	20-Nov-02	60131261	9	9.1			SAO VIỆT	
2141	LÊ THÚY	QUYÊN	17-Nov-02	60131247	9	9.1			SAO VIỆT	
2142	NGUYỄN THÙY	TRANG	21-Sep-02	60131257	9	9.1			SAO VIỆT	
2143	NGUYỄN ĐẶNG HỒNG	NGỌC	05-Nov-02	60130910	9	9.2			QUỐC TẾ CANADA	
2144	HUỲNH VÂN	NHI	18-Feb-02	60130906	9	9.2			QUỐC TẾ CANADA	
2145	MAI CUNG ANH	PHƯƠNG	05-Sep-02	60130909	9	9.2			QUỐC TẾ CANADA	
2146	BÙI BẢO	SANG	24-Oct-02	60130905	9	9.2			QUỐC TẾ CANADA	
2147	LƯU HOÀNG ANH	TUẤN	08-Nov-02	60130908	9	9.2			QUỐC TẾ CANADA	
2148	ĐOÀN THỊ LAN	ANH	30-Sep-02	60131236	9	9.2			SAO VIỆT	
2149	NGUYỄN TUẤN BẢO	ANH	14-Dec-02	60131260	9	9.2			SAO VIỆT	
2150	HỒ SĨ THÁI	DUY	02-Apr-02	60131240	9	9.2			SAO VIỆT	
2151	ĐOÀN VƯƠNG KHẢI	HÂN	04-Feb-02	60131237	9	9.2			SAO VIỆT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2152	LÂM GIA	HÂN	22-Dec-02	60131243	9	9.2			SAO VIỆT	
2153	NGUYỄN GIA	HUY	27-Oct-02	60131252	9	9.2			SAO VIỆT	
2154	TRẦN GIA	HUY	01-Jul-02	60131262	9	9.2			SAO VIỆT	
2155	NGÔ GIA	KHÁNH	08-Sep-02	60131250	9	9.2			SAO VIỆT	
2156	LÊ NGUYỄN GIA	MINH	26-Feb-02	60131245	9	9.2			SAO VIỆT	
2157	LIÊU MỸ	NGÂN	29-Oct-02	60131248	9	9.2			SAO VIỆT	
2158	MAI PHƯƠNG ÁNH	NGÂN	10-Sep-02	60131249	9	9.2			SAO VIỆT	
2159	TRƯƠNG NGỌC BẢO	NGÂN	11-Nov-02	60131263	9	9.2			SAO VIỆT	
2160	NGUYỄN ĐỖ MINH	QUÂN	06-Jun-02	60131251	9	9.2			SAO VIỆT	
2161	HOÀNG HIỀN	TRANG	14-Jun-02	60131241	9	9.2			SAO VIỆT	
2162	ĐẶNG NGÔ PHÚC	KHANG	20-Nov-02	60130645	9	9.3			VIỆT ÚC	
2163	NGUYỄN MINH ANH	LUÂN	16-Jan-02	60130647	9	9.3			VIỆT ÚC	
2164	ĐỖ KHẮC	VỸ	02-Oct-02	60130646	9	9.3			VIỆT ÚC	
2165	NGUYỄN QUỐC	HÙNG	27-Apr-02	60130524	9	9A			NAM SÀI GÒN	
2166	NGUYỄN PHÚC	KHANG	16-Nov-02	60130523	9	9A			NAM SÀI GÒN	
2167	LÊ UYÊN	KHÔI	19-Jul-02	60130522	9	9A			NAM SÀI GÒN	
2168	NGUYỄN MINH	HẠNH	07-Jan-02	60130681	9	9A1			ĐÌNH THIỆN LÝ	
2169	VÕ TRẦN MINH	HIỀN	21-Jun-02	60130692	9	9A1			ĐÌNH THIỆN LÝ	
2170	NGUYỄN MINH	HIẾU	06-Dec-02	60130682	9	9A1			ĐÌNH THIỆN LÝ	
2171	KIM	LYNN	03-Jan-01	60130673	9	9A1			ĐÌNH THIỆN LÝ	
2172	NGUYỄN VĂN HOÀNG	MINH	20-Jan-02	60130686	9	9A1			ĐÌNH THIỆN LÝ	
2173	ĐOÀN MINH	TRÍ	22-Aug-02	60130671	9	9A1			ĐÌNH THIỆN LÝ	
2174	ĐỖ HUỲNH THANH	TRÚC	22-Feb-02	60130668	9	9A1			ĐÌNH THIỆN LÝ	
2175	LÃ VIỆT	TRUNG	07-Aug-02	60130674	9	9A1			ĐÌNH THIỆN LÝ	
2176	NGUYỄN TRẦN VƯƠNG	CHÂU	19-Aug-02	60130590	9	9A1			NGUYỄN HIỀN	
2177	LÊ MẠNH QUANG	ĐĂNG	10-Oct-02	60130581	9	9A1			NGUYỄN HIỀN	
2178	PHẠM ANH	DUY	24-Mar-02	60130592	9	9A1			NGUYỄN HIỀN	
2179	LÃ QUỐC	HÙNG	07-Jul-02	60130579	9	9A1			NGUYỄN HIỀN	
2180	TỔNG MỸ	LINH	06-Sep-02	60130594	9	9A1			NGUYỄN HIỀN	
2181	HUỲNH THỊ THANH	NGÂN	04-Oct-02	60130576	9	9A1			NGUYỄN HIỀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2182	LÂM THIÊN	NHÂN	08-Apr-02	60130580	9	9A1			NGUYỄN HIỀN	
2183	KHA THỊ BÍCH	THẢO	19-Nov-02	60130578	9	9A1			NGUYỄN HIỀN	
2184	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	01-Mar-02	60134295	9	9A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2185	ĐOÀN QUỐC	BÌNH	22-Sep-02	60134148	9	9A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2186	LÊ NGỌC TRÙNG	DƯƠNG	22-Oct-02	60134206	9	9A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2187	ĐẶNG NHẬT	GIANG	28-Nov-02	60134124	9	9A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2188	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	23-Jul-02	60134292	9	9A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2189	NGUYỄN XUÂN	THẮNG	20-Nov-02	60134321	9	9A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2190	NGUYỄN THỊ KIM	THANH	03-Dec-02	60134293	9	9A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2191	NGUYỄN NGỌC	THẢO	26-Sep-02	60134275	9	9A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2192	LÊ THỊ TRÚC	VI	16-Apr-02	60134216	9	9A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2193	NGUYỄN YẾN	VY	28-Sep-02	60134322	9	9A1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2194	LÊ THANH	VINH	20-Apr-02	60130841	9	9A1			PHẠM HỮU LẦU	
2195	NGUYỄN TRÚC	LY	30-Apr-02	60131076	9	9A1			TRẦN QUỐC TUẤN	
2196	PHẠM NGUYỄN HOÀI	THẢO	07-Apr-02	60131078	9	9A1			TRẦN QUỐC TUẤN	
2197	NGUYỄN NGỌC QUẾ	TRÂM	11-Jul-02	60131073	9	9A1			TRẦN QUỐC TUẤN	
2198	LÊ NGỌC ĐỨC	ANH	01-Oct-02	60130478	9	9a2			HUỲNH TẤN PHÁT	
2199	LÊ QUẾ	ANH	03-Nov-02	60130479	9	9a2			HUỲNH TẤN PHÁT	
2200	NGUYỄN MINH	ANH	14-Nov-02	60130481	9	9a2			HUỲNH TẤN PHÁT	
2201	PHẠM THỊ PHƯƠNG	ANH	16-Feb-02	60130484	9	9a2			HUỲNH TẤN PHÁT	
2202	TRẦN LÊ CHÁNH	ĐỊNH	16-Sep-02	60130488	9	9a2			HUỲNH TẤN PHÁT	
2203	BÙI ĐẶNG	KHOA	26-Apr-02	60130473	9	9a2			HUỲNH TẤN PHÁT	
2204	PHAN THỊ THU	PHƯƠNG	29-May-02	60130485	9	9a2			HUỲNH TẤN PHÁT	
2205	NGUYỄN NGỌC MINH	SANG	15-Apr-02	60130482	9	9a2			HUỲNH TẤN PHÁT	
2206	PHẠM ĐỨC	ÂN	08-Jun-02	60134326	9	9A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2207	ĐỖ NGỌC TÚ	ANH	12-May-02	60134143	9	9A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2208	NGUYỄN VÂN	ANH	02-May-02	60134313	9	9A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2209	ĐẶNG THÁI	BẢO	21-Dec-02	60134127	9	9A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2210	VÕ QUANG	BẢO	02-Apr-02	60134413	9	9A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2211	ĐINH THANH	HẰNG	07-Jul-02	60134139	9	9A2			NGUYỄN HỮU THỌ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2212	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	08-Apr-02	60134307	9	9A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2213	ĐẶNG THU	HUYỀN	28-Nov-02	60134130	9	9A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2214	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	04-Dec-02	60134297	9	9A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2215	NGUYỄN DANH	KHÔI	20-Sep-02	60134240	9	9A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2216	TRẦN ĐĂNG	KHÔI	03-Sep-02	60134371	9	9A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2217	TRẦN TRỌNG	NGUYỄN	05-Sep-02	60134397	9	9A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2218	LÊ TRỌNG	NHÂN	08-Apr-02	60134219	9	9A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2219	LÊ HOÀNG YẾN	NHI	03-Oct-02	60134198	9	9A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2220	LÊ HOÀNG	PHÚC	28-Apr-02	60134196	9	9A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2221	HỒ MẠNH	TIẾN	29-Jan-02	60134165	9	9A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2222	NGUYỄN LÊ DUY	TRUNG	15-Aug-02	60134269	9	9A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2223	TRẦN THANH	TÚ	30-May-02	60134390	9	9A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2224	TRẦN THU	VÂN	24-Sep-02	60134394	9	9A2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2225	PHÙNG QUỐC	ĐẠI	10-Nov-02	60131081	9	9A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
2226	LÊ TẤN	ĐẠT	15-Aug-02	60131066	9	9A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
2227	LƯƠNG QUÍ TRUNG	HIẾU	04-Jun-02	60131067	9	9A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
2228	VŨ ĐẶNG MINH	HIẾU	29-Jul-02	60131088	9	9A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
2229	PHẠM VÕ QUỐC	KHÁNH	23-Aug-02	60131080	9	9A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
2230	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	MAI	12-Oct-02	60131075	9	9A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
2231	NGUYỄN TUYẾT	NGA	02-Jun-02	60131077	9	9A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
2232	TRẦN THỊ NHỰT	NHI	27-Apr-02	60131086	9	9A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
2233	LÝ HỒNG	NHUNG	06-Sep-02	60131068	9	9A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
2234	HỒ PHẠM THIÊN	PHƯỚC	21-Mar-02	60131063	9	9A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
2235	TRƯƠNG PHẠM TRỌNG	TÍN	01-Jan-02	60131087	9	9A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
2236	LÊ ĐÀO KIM	TRANG	09-May-02	60131064	9	9A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
2237	LÊ ĐỖ MINH	TÚ	29-Apr-99	60131065	9	9A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
2238	YEH	TZU	11-Jan-02	60131089	9	9A2			TRẦN QUỐC TUẤN	
2239	NGUYỄN LÊ BẢO NGUYỄN	KHÔI	19-Apr-02	60130680	9	9A3			ĐÌNH THIÊN LÝ	
2240	HỒ NGUYỄN MINH	THU	14-Sep-02	60130672	9	9A3			ĐÌNH THIÊN LÝ	
2241	NGUYỄN TRẦN THỦY	TIÊN	18-Aug-02	60130685	9	9A3			ĐÌNH THIÊN LÝ	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2242	TRƯƠNG KHÁNH	LINH	01-Nov-02	60130490	9	9a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
2243	TRẦN THANH THẢO	MINH	18-Dec-02	60130489	9	9a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
2244	HÀ THỨC NAM	SƠN	17-Dec-02	60130475	9	9a3			HUỲNH TẤN PHÁT	
2245	ĐẶNG QUỐC	HÙNG	04-Dec-02	60134126	9	9A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2246	HOÀNG GIA	HUY	16-Sep-02	60134172	9	9A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2247	PHẠM NGUYỄN QUỐC	HUY	17-Apr-02	60134334	9	9A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2248	PHẠM HỒNG	KIÊN	18-Dec-02	60134327	9	9A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2249	PHẠM TRUNG	KIÊN	25-Sep-02	60134342	9	9A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2250	BÙI LÊ KHÁNH	LINH	20-May-02	60134105	9	9A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2251	TRẦN BẢO	LINH	26-Jun-02	60134367	9	9A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2252	HÀ THỂ	NAM	16-Dec-02	60134161	9	9A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2253	CAO THANH	NGÂN	07-Dec-02	60134114	9	9A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2254	LÊ THANH TUYẾT	NGÂN	05-Jun-02	60134214	9	9A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2255	NGUYỄN THIÊN	PHÚC	10-Jul-02	60134303	9	9A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2256	HỒ VĂN	QUANG	10-Jun-02	60134168	9	9A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2257	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	14-Jan-02	60134393	9	9A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2258	HUỲNH THỊ THANH	TRÚC	01-Nov-02	60134187	9	9A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2259	KIM THỊ CẨM	TÚ	10-Sep-02	60134189	9	9A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2260	LÊ HUỲNH THUÝ	VY	16-Dec-02	60134201	9	9A3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2261	PHAN ĐẶNG THÙY	AN	23-Oct-02	60130688	9	9A4			ĐÌNH THIÊN LÝ	
2262	PHẠM MINH	ANH	23-Dec-02	60130687	9	9A4			ĐÌNH THIÊN LÝ	
2263	NGUYỄN NGỌC MAI	CHI	29-Oct-02	60130683	9	9A4			ĐÌNH THIÊN LÝ	
2264	ĐỖ LÊ PHƯƠNG	LINH	13-Oct-02	60130669	9	9A4			ĐÌNH THIÊN LÝ	
2265	LA CHUNG	HÙNG	31-Aug-02	60130476	9	9a4			HUỲNH TẤN PHÁT	
2266	VÕ NGỌC MINH	CHÂU	09-Jun-02	60130777	9	9A4			NGUYỄN THỊ THẬP	
2267	NGUYỄN AN	LY	16-Jun-02	60130772	9	9A4			NGUYỄN THỊ THẬP	
2268	LÂM KIM	NGỌC	28-Oct-02	60130771	9	9A4			NGUYỄN THỊ THẬP	
2269	PHẠM TRẦN THÀNH	TÂM	27-Nov-02	60130775	9	9A4			NGUYỄN THỊ THẬP	
2270	LAI NHẬT	TIẾN	03-Nov-02	60130770	9	9A4			NGUYỄN THỊ THẬP	
2271	PHẠM HỮU	TRIẾT	03-May-02	60130774	9	9A4			NGUYỄN THỊ THẬP	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2272	NGUYỄN THỊ THẢO	VÂN	28-May-02	60130773	9	9A4			NGUYỄN THỊ THẬP	
2273	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	08-Apr-02	60130843	9	9a4			PHẠM HỮU LẦU	
2274	NGUYỄN THÀNH	QUÝ	22-Jun-02	60131074	9	9A4			TRẦN QUỐC TUẤN	
2275	BÙI ANH	HÀO	02-Dec-02	60134102	9	9A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
2276	NGUYỄN HỒ THẾ	KHẢI	03-Dec-02	60134252	9	9A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
2277	NGUYỄN VIỆT VĨNH	KHANG	24-Jan-02	60134316	9	9A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
2278	BÙI VĂN	TRIẾT	11-Jun-02	60134111	9	9A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
2279	QUÁCH THANH	VY	26-Nov-02	60134358	9	9A5			NGUYỄN HỮU THỌ	
2280	TRẦN HOÀNG	QUÍ	01-Jan-02	60130487	9	9a6			HUỲNH TẤN PHÁT	
2281	NGUYỄN CHÂU NGỌC	BÍCH	16-Jan-02	60134239	9	9A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
2282	LÂM NGỌC BẢO	CHÂU	16-Nov-02	60134194	9	9A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
2283	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	12-Dec-02	60134271	9	9A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
2284	NGUYỄN ANH	KHOA	24-Oct-02	60134236	9	9A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
2285	CAO BỘI	LINH	30-Apr-02	60134113	9	9A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
2286	PHAN THỊ ÁNH	LINH	16-Sep-02	60134352	9	9A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
2287	PHAN ANH	PHI	25-Mar-02	60134344	9	9A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
2288	NGUYỄN HOÀNG	PHƯƠNG	03-Nov-02	60134255	9	9A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
2289	PHẠM LÊ ANH	THU	09-Mar-02	60134329	9	9A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
2290	NGUYỄN LÊ ÁNH	TIÊN	06-Apr-02	60134268	9	9A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
2291	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	03-Oct-02	60134294	9	9A7			NGUYỄN HỮU THỌ	
2292	THÁI YẾN	NHI	14-Apr-02	60131083	9	9A7			TRẦN QUỐC TUẤN	
2293	TRẦN HỮU	TRÍ	15-Oct-02	60131084	9	9A7			TRẦN QUỐC TUẤN	
2294	TRƯƠNG MINH	CHÁNH	13-Feb-02	60130349	9	9TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2295	NGUYỄN LINH	CHI	14-May-02	60130305	9	9TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2296	VÕ ĐÌNH	CHƯƠNG	23-Feb-02	60130353	9	9TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2297	NGUYỄN PHAN DUY	ĐÔNG	20-May-02	60130311	9	9TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2298	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	10-Mar-02	60130324	9	9TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2299	VÕ NGUYỄN HẠNH	HÀ	20-Oct-02	60130354	9	9TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2300	VĂN MINH	HÒA	26-Jan-02	60130351	9	9TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2301	TRẦN MINH	KHOA	1-Jan-02	60130338	9	9TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2302	HOÀNG THỊ KHÁNH	LINH	06-Aug-02	60130290	9	9TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2303	TĂNG NHƯ	MAI	11-Aug-02	60130334	9	9TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2304	BÙI THỊ HOÀNG	MỸ	05-Feb-02	60130274	9	9TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2305	HỒ NGUYỄN HOÀNG	NAM	04-Aug-02	60130284	9	9TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2306	ĐỖ HOÀNG	NHI	27-Feb-02	60130279	9	9TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2307	VÕ ĐẶNG HUỖNH	NHƯ	19-May-02	60130352	9	9TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2308	ĐỖ ĐÔNG	QUÂN	16-Feb-02	60130278	9	9TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2309	TÔ THANH	THẢO	27-Nov-02	60130335	9	9TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2310	NGUYỄN QUỐC	TRỌNG	09-May-02	60130316	9	9TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2311	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYỀN	23-Jul-02	60130322	9	9TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2312	BÙI DƯƠNG THÚY	VY	02-Apr-02	60130272	9	9TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2313	HUỖNH NGỌC TƯỜNG	VY	06-Dec-02	60130292	9	9TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2314	NGUYỄN THANH	VY	24-May-02	60130319	9	9TC1			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2315	NGUYỄN VÂN	ANH	02-Oct-02	60134315	9	9TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2316	TRẦN NGỌC GIA	HÂN	06-Jul-02	60134384	9	9TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2317	TĂNG THỦY NHẬT	HÀO	01-Jul-02	60134362	9	9TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2318	NGUYỄN LÊ NHƯ	HẢO	09-Jul-02	60134270	9	9TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2319	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	23-May-02	60134276	9	9TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2320	LÊ THÙY	LINH	11-Jun-02	60134217	9	9TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2321	TRƯƠNG HÒANG TRÚC	LINH	11-Nov-02	60134406	9	9TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2322	LÊ TRƯỞNG NGỌC	MAI	16-Sep-02	60134221	9	9TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2323	TRẦN THU	MINH	04-Apr-02	60134395	9	9TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2324	HUỖNH LÊ THANH	NGA	05-Feb-02	60134183	9	9TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2325	CHÂU THANH	NHÂN	25-Apr-02	60134117	9	9TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2326	TÔ TRẦN TRỌNG	NINH	03-Dec-02	60134364	9	9TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2327	NGUYỄN DUY	PHÚC	04-Feb-02	60134247	9	9TC1			NGUYỄN HỮU THỌ	
2328	DƯƠNG QUỐC	ANH	28-Nov-02	60130281	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2329	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	06-Aug-02	60130314	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2330	PHẠM LÊ KIỀU	ANH	08-Dec-02	60130328	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2331	TRẦN TIẾN	ANH	25-Oct-02	60130346	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2332	HUỲNH ĐÌNH	BẢO	03-Nov-02	60130291	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2333	NGUYỄN THẾ	CƯỜNG	27-Jul-01	60130321	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2334	TRẦN NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	25-Aug-02	60130340	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2335	NGUYỄN NHƯ	ĐOAN	22-Jul-02	60130310	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2336	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	23-Dec-02	60130299	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2337	PHẠM NGỌC	HÂN	27-Jan-02	60130329	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2338	NGUYỄN PHI	HÙNG	08-Jan-02	60130312	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2339	BUÙ HOÀNG NHẬT	HUY	11-Aug-02	60130276	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2340	TRẦN KHÁNH	HUY	30-Aug-02	60130337	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2341	HỒ QUỐC	KHANG	05-Jun-02	60130285	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2342	NGUYỄN HOÀNG MỸ	LINH	24-Aug-02	60130304	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2343	LÊ NGUYỄN HOÀNG	LONG	02-Apr-02	60130296	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2344	TRẦN HOÀNG	NAM	14-Aug-02	60130336	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2345	NGUYỄN QUỲNH	NGA	15-Nov-02	60130317	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2346	BÙI LƯƠNG TRÚC	NGÂN	17-Oct-02	60130273	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2347	VÕ THU	NGÂN	17-Feb-02	60130357	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2348	LÊ MINH	NGHĨA	08-Apr-02	60130295	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2349	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	26-Jul-02	60130320	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2350	TRẦN PHẠM YẾN	NHI	04-Sep-02	60130342	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2351	TRẦN NGỌC NHƯ	QUỲNH	11-Jul-02	60130339	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2352	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	10-Jul-02	60130330	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2353	NGUYỄN THÁI BẢO	TRÂN	13-Jun-02	60130318	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2354	PHAN PHẠM BẢO	TRÂN	22-Aug-02	60130332	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2355	TRƯƠNG NGUYỄN BẢO	TRÂN	21-Jul-02	60130350	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2356	PHẠM THANH	TRÚC	12-Dec-02	60130331	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2357	HUỲNH TRẦN THÁI	UYÊN	13-Apr-02	60130294	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2358	VŨ PHƯƠNG	UYÊN	05-Jul-02	60130358	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2359	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VI	21-Nov-02	60130308	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2360	NGUYỄN THỊ THÚY	VI	26-Aug-01	60130325	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	
2361	TRẦN THỊ THÚY	VY	11-Sep-02	60130345	9	9TC2			HOÀNG QUỐC VIỆT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2362	ĐẶNG TÚ	ANH	11-Sep-02	60134131	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2363	HÒANG VÂN	ANH	05-Dec-02	60134176	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2364	HỒ HUỖNH GIA	BẢO	13-Aug-02	60134164	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2365	NGUYỄN HOÀNG LINH	ĐAN	05-Dec-02	60134257	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2366	ĐỖ THỊ QUẾ	DUNG	17-Dec-02	60134147	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2367	ĐÀO HOÀNG	DUY	14-Aug-02	60134133	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2368	PHẠM	HÙNG	28-Feb-02	60134323	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2369	LÊ MINH	HUY	29-Oct-02	60134203	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2370	HỨA QUANG	KHÁNH	02-Jan-02	60134177	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2371	LÊ NGUYỄN QUANG ĐĂNG	KHOA	21-Sep-02	60134209	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2372	LA CÁT	LỢI	11-Sep-02	60134190	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2373	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	NGÂN	01-Dec-02	60134250	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2374	NGUYỄN HỒNG	PHÁT	29-Mar-02	60134263	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2375	NGUYỄN HỮU	PHÚC	03-Apr-02	60134264	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2376	MUKOYAMA TRÚC	QUỖNH	16-Jan-02	60134227	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2377	VŨ CAO	SƠN	18-May-02	60134418	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2378	NGUYỄN TẤN	THUẬN	04-Apr-02	60134288	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2379	NGUYỄN VŨ UYÊN	THY	08-Mar-02	60134319	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2380	VŨ TRẦN UYÊN	THY	08-Mar-02	60134426	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2381	HUỖNH LƯƠNG	TIẾN	09-May-02	60134184	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2382	NGUYỄN - ĐÌNH -	TRÍ	27-Jan-02	60134234	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2383	ĐÀO THANH	TRÚC	27-Feb-02	60134134	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2384	NGUYỄN VŨ THANH	TÙNG	13-Sep-02	60134318	9	9TC2			NGUYỄN HỮU THỌ	
2385	NGUYỄN MINH	CHÂU	24-Jun-02	60134272	9	9TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2386	ĐƯƠNG TRUNG	KIÊN	29-Oct-02	60134158	9	9TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2387	TRẦN PHẠM NGỌC	NHI	12-Jun-02	60134387	9	9TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2388	VŨ THỊ NGỌC	THẢO	24-Apr-02	60134424	9	9TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	
2389	LÊ NGUYỄN HỒNG	THỦY	09-Dec-02	60134207	9	9TC3			NGUYỄN HỮU THỌ	